THƯ QUÁN

Bản Thảo

tranh TQT

■ **Chủ đề đặc biệt: thơ xứ Quảng** (gồm những bài thơ sưu tầm trước 1975 hay mới nhất của những nhà thơ xứ Quảng trong và ngoài nước) ■ Mục thường xuyên: Viết Chung, sáng tác, đọc sách.....

Tập 25 **năm thứ 5 tháng 10-2006**

Tủ sách di sản văn chương miền Nam sắp xuất bản:
Thơ Miền Nam trong thời chiến qui tụ 220 tác giả đã một thời đóng góp vào nền văn học miền Nam trong thời chiến. Sách đóng bìa cứng (hardcover), bìa bọc laminate, khâu chỉ dày khoảng 700 trang và được in theo yêu cầu. Ấn phí tùy tâm. Số tiền thu được sẽ được dùng để nuôi dưỡng tạp chí TQBT và tủ sách Di Sản văn chương miền Nam.

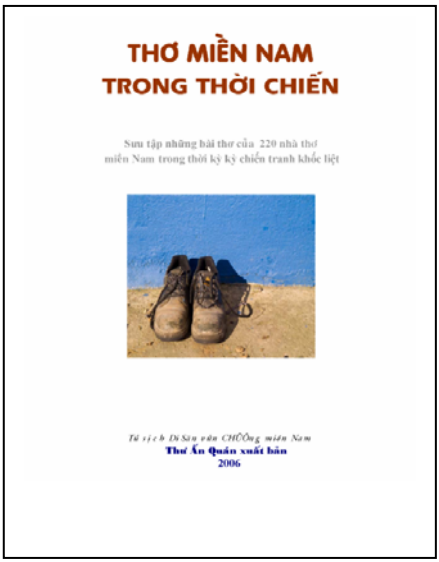

THU AN QUAN
P.O Box 58 South Boundbrook, NJ 08880
email: tranhoaithu@verizon.net

Thư Quán Bản Thảo
Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật

Trang thơ xứ Quảng

Thư Quán Bản Thảo

TẬP 25, THÁNG MƯỜI, NĂM 2006

(Trang thơ Xứ Quảng)

Đọc trong số này:

Viết chung: trang 5: Phạm Văn Nhàn, Trần Hoài Thư, Ng~, Trần bang Thạch, Cao Vị Khanh

Trang thơ xứ Quảng: trang 34: Đặng Tiến, Hà Nguyên Thạch, Hoàng Lộc, Luân Hoán, Thành Tôn, Tạ Ký, Trần Yên Hòa, Đinh Trầm Ca, Nguyễn Nho Sa Mạc, Phạm Triều Nghi, Nguyễn Lương Vy, Uyên Hà, Võ Minh Trang, Hoàng Đình Nam, Hạ Đình Thao, Xuân Thao, Nguyễn nam An, Lê văn Trung, Trầm Mặc Thiên Thu, thi bút Nguyễn Nho Châu.

Truyện ngắn: trang 82: Trần Hoài Thư, Nguyễn Lệ Uyên, Khê Kinh Kha, Trần Huyền Ân, Lữ Quỳnh, Trần bang Thạch, Trang Luân, Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyên Minh.

Trang thơ: trang 171: Hải Phương, Phạm Nhã Uyên, Hoài Khanh, Hạc Thành Hoa, Phan Bá Thụy Dương, Từ Thế Mộng, Phạm Ngọc Lư, Đoàn Chinh Nam, Đoàn Ngọc Kiều Nga, Kiều Mộng Hà, Trầm Mặc Hoa Huyền, Hoàng Xuân Sơn, Cao Vị Khanh, Trần Phù Thế, Ngfuyễn Đức Nhơn, Trần Chiến Hòa, Phạm Cao Hoàng.

Đọc sách: trang 200: "Cát vàng của Lữ Quỳnh" PVN

Tranh bìa: Trần Quý Thoại

TQBTsố 26 phát hành vào tháng 1 năm 2007. Bài vở gởi về tháng 11 năm 2006. Chúng tôi chỉ nhận qua e.mail hay CD.

Địa chỉ: tranhoaithu@verizon.net

Hay: phamvannhan1942@yahoo.com

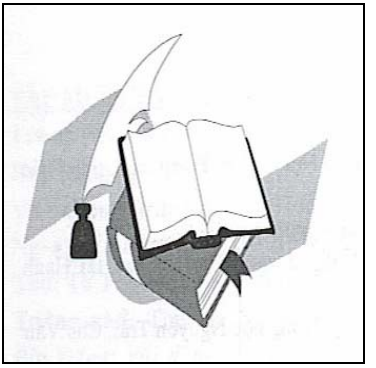

VIẾT CHUNG

PHẠM VĂN NHÀN* TRẦN HOÀI THƯ * NG*
TRẦN BANG THẠCH * CAO VỊ KHANH *

Phạm Văn Nhàn

Đi tìm lại những bài thơ trong chiến tranh

Chiến tranh Việt Nam đã khép lại vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Ngày ấy cũng là ngày "đau thương" nhất cho nền văn học tự do của một miền Nam Việt Nam. Tất cả báo chí, sách vở đều bị tịch thâu hay kêu gọi đem nộp để đem đi đốt. Những sách báo, văn học có giá trị mà những người thắng cuộc gọi là: văn hóa đồi trụy ấy đều mang một "bản án" chung là: đốt, thiêu hủy để loại bỏ ra khỏi tư tưởng của người dân miền Nam(mà tư tưởng làm sao loại bỏ được nhỉ?) hay ngược lại họ sợ có thể phản hồi ra miền Bắc? Mà chắc chắn từ năm 1954 cho đến năm 1975 người dân miền Bắc chỉ đọc được những tác phẩm kiểu: "chị hát em vỗ tay" .

Sau tháng 4 năm 1975. Một số người cầm bút cũ trong nước phần nhiều gác bút. Một số khác ra được nước ngoài trong thời điểm của tháng 4-75 vẫn tiếp tục cầm bút trở lại để tạo nên một nền văn học tư do nơi xứ sở mình sinh sống. Nhưng chắc chắn cũng không rầm rộ như ngày nào ở miền Nam trước tháng 4/1975. Mặc dù, nhìn chung, báo chí ở hải ngoại thì rất nhiều...nhưng phần nhiều đặt nặng về quảng cáo, còn văn học thì có phần "lơ là" hơn. Bài vở như lấy lệ. Ngoài trừ một vài tờ báo văn học đã thành danh từ trong nước mang ra , giữ lại tên cũ như KH, Văn, Văn Học...và một số ít tạp chí văn học khác mới sau này, như Văn Hóa Việt Nam, Thư Quán Bản Thảo...là còn bảo tồn được văn học tư do như ngày nào.

Mới đây trên Khởi Hành số 118 (tháng 8 năm 2006) làm sống lại: Tao Đàn một di sản văn hóa miền nam tự do gồm nhiều bài của nhiều vị tên tuổi trước 1975 viết. Và, anh VL trong lời khai mạc: Tao Đàn Miền Nam, Tao Đàn Hải Ngoại (xin trích):*"...Tổ chức Chiều Tao Đàn hôm nay, 29 tháng 7, chúng tôi không chỉ làm tưởng niệm những người đã đóng góp lớn lao cho Thi Văn Việt Nam qua một hình thúc phô diễn đặc thù, đến nỗi sau này người ta nhiều khi không gọi là ngâm thơ, mà gọi là ngâm Tao Đàn, một danh từ riêng đã trở thành danh từ chung bởi vì phẩm chất của chương trình, từ kỹ thuật đến mục đích hướng tới, đã được nhìn nhận là có nghệ thuật cao, bài vở chọn lọc..."*

Trên tờ Khởi Hành (số 118) làm sống lại Tao Đàn: tiếng nói thơ văn miền tự do mà trước 1975, chắc chắn ai cũng nghe, cũng nói đến. Những năm tháng đó, chúng tôi còn trong quân ngũ, dù ở tiền đồn, hay trong doanh trại cũng áp cái radio vào tai mà nghe. Ngoài tiếng đàn lục huyền cầm réo rắt, ngoài tiếng sáo của Tô Kiều Ngân làm mê hoặc lòng người, ngoài tiếng ngâm của Hồ Điệp, của Mộng Hoàn, của Quách Đàm, của Giáng Hương...ra là những bài thơ.

Vâng. Những bài thơ mà Tao Đàn tiếng nói thơ văn miền nam tự do ấy đã chọn ở đâu? trên những trang báo hàng ngày, trên những tạp chí văn học một thời của miền nam đã làm say đắm người nghe qua làn sóng điện. Ngâm Tao Đàn.

Vâng. Những bài thơ ấy, hôm nay, anh em chủ trương "*tủ sách di sản văn chương miền nam*" đang đi tìm lại những bài thơ cũ một thời đã đóng góp rất nhiều cho nền thi ca miền nam. Những bài thơ ấy, 31 năm qua (4/1975 đến 2006) gần như "ngủ im hay quên lãng" trong mỗi

con người của chúng ta. Cũng có thể là những tác giả của những bài thơ ấy, giờ chắc cũng không còn nhớ đến đứa con tinh thần của mình nữa.

Vâng. Chúng tôi đi tìm những bài thơ ấy ở đâu? Trên những trang báo cũ mà tháng 4/1975 bị mang một bản án chung là: văn hóa đồi trụy, rồi bị đem đốt. Hay những trang báo, sách ấy "đã" chạy ra nằm nơi những bà bán "hàng xén" để gói tiêu, muối, ớt, đường...cũng vì quá sợ hãi. Nhưng không, những trang thơ ấy vẫn còn cất giữ rất kín đáo từ một nơi nào đó dưới đáy thùng "cát- tông", hay trong cái "rương gỗ" của bạn bè ...Tóm lại những bài thơ ấy vẫn còn trong quần chúng hay bạn bè. Và, chúng tôi đi tìm lại để vực những bài thơ ấy "sống vững, sống mạnh" trong lòng độc giả hôm nay.

Cảm ơn những bạn bè vẫn còn giữ gìn những "tư liệu" qúy giá ấy để gởi đến chúng tôi từ nhiều hướng...

Hôm nay, khi viết đến dòng chữ này, chúng tôi đã góp lại cũng khoảng 220 nhà thơ. (có người 9, 10 bài, có người 1,2 bài) Có tác giả còn sống trong nước. Có tác giả còn sống ngoài nước. Nhưng chắc chắn cũng có tác giả đã ra đi (chúng tôi xin thắp một nén nhang cho người quá cố- nếu có). Nhưng qua những bài thơ mà chúng tôi tìm kiếm được, có người trước 1975 thì khác, sau 1975 lại đổi chiều.

Với hàng trăm bài thơ mà chúng tôi đã tìm được của hơn 200 nhà thơ trước 1975. Họ là ai? Là nhà báo, là thầy giáo, là công chức, là quân nhân (đa phần) bị gọi nhập ngũ. Nhưng qua những bài thơ của những nhà thơ trước 1975 hầu hết là quân nhân không bao giờ mang tính "hận thù" hay " kích động" trên sự hận thù trong lòng người đọc (đó mới là nhân bản). Mà thơ họ vẫn nói lên được:

thân phận, chiến tranh, tình yêu đích thực của một nền văn học: thơ văn miền nam tự do.
Khởi Hành chủ trương làm sống lại Tao Đàn hải ngoại. Chúng tôi: *tủ sách di sản văn* chương *miền nam* cũng sẽ làm "sống lại" những áng thơ hay của nhiều tác giả một thời đã thành danh trong thời chiến .
Với tên tập thơ: *Thơ miền nam trong thời chiến*. Dự trù in sau TQBT số 25. Có lẽ trước mùa Giáng sinh năm 2006. Dầy vào khoảng trên 700 trang. Không binding như mọi khi mà chúng tôi đóng bằng chỉ. Công phu hơn, nhưng cũng là một thích thú của người chủ trương.
Tập: *thơ miền nam trong thời chiến* không dẫn chứng xuất xứ có từ đâu, trích trên báo nào, cũng như không ghi tiểu sử tác giả hay một câu "bình thơ" nào. Chúng tôi chỉ đánh máy lại nguyên bản để giữ sự trong sáng của bài thơ và của nhà thơ.

2/
Để chuẩn bị làm số TQBT 26 phát hành vào tháng 1 năm 2007, với chủ đề về nhà thơ: Nguyễn Nho Sa Mạc. Ngay bây giờ chúng tôi đã có thêm nhiều thơ của anh được bạn bè gởi tới để đóng góp cho số chủ đề (TQBT 26).
Ngay bây giờ, TQBT rất mong nhận thêm sự đóng góp bài vở viết về NNSM để làm phong phú thêm số chủ đề về anh. Anh mất vào tháng 1 năm 1964. Tháng giêng năm 2007 cũng là giỗ 43 năm, từ ngày anh mất. Bài vở xin gởi về TQBT địa chỉ email ghi ở trang trong của bìa.
Tuy nhiên, trong số này, trước khi làm số chủ đề về nhà thơ Nguyễn Nho Sa Mạc, chúng tôi đi những bài thơ của các nhà thơ xứ Quảng (dù chưa đầy đủ) một thời đóng góp cho nền thơ văn miền nam tự do hôm qua và hôm

nay.
Những bài thơ chúng tôi có được từ trong nước và ngoài nước gởi đến. Trong đó có hai thủ bút của nhà thơ Nguyễn Nho Châu, em ruột của Nguyễn Nho Sa Mạc. Anh là một họa sĩ. Nghe một người bạn thơ trong nước nói với chúng tôi, anh bị một cơn bịnh " đột quỵ" nhưng nay đã khỏi, chỉ còn run tay.

Những bài thơ xứ Quảng có những bài cũ, cũng có những bài mới mà các bạn đã gởi tới. Dù mới hay cũ chúng tôi rất trân trọng. Tuy nhiên vì trang báo có hạn. Chúng tôi chỉ đi vài bài chứ không thể đi hết tấc cả các bài mà các bạn gởi đến được.

3/
Trong tháng bảy và tháng chín năm 2006 có hai tin buồn đến với chúng tôi. Tin buồn thứ nhất:
Đó là tin cháu:
Nguyễn Nam Long, sinh ngày 24 tháng 3 năm 1969 tại Sài Gòn là con trai của nhà thơ Viên Linh (Tạp Chí Khởi Hành) đã mất, vào ngày 22 tháng 7 năm 2006. Tại New York City.
(*nina hyde-the washington fashion group scholarship fashion institude of technology, n.y./designer, project director, amerigroup co.,n.y. u.s.a., quangdong china)*

Nhóm chủ trương TQBT trong và ngoài nước thành thật chia buồn đến anh Viên Linh và gia đình.
Và một tin buồn thứ hai đến với anh em cầm bút trong tháng 9 năm 2006
Thân mẫu của nhà thơ Hạ Đình Thao (trong nước) vừa mới từ trần vào lúc 8:00 sáng ngày 17-9-2007 tại Phương

Lam (Đại Lộc, Quảng Nam), hưởng dương 86 tuổi.
Chúng tôi cầu nguyện hương linh cháu Nguyễn Nam Long và cụ bà thân mẫu của nhà thơ Hạ Đình Thao sớm về cõi Phật.
TQBT chúng tôi cũng xin thông báo đến những bạn bè cầm bút trong nước hay để cùng chia buồn với gia đình anh Viên Linh và gia đình anh Hạ Đình Thao.

Trần Hoài Thư

Rong Bút

anh sống đó xòe tay bưng mắt
chỉ giùm anh đường vào tương lai
chỉ giùm đi em đường vào giấc ngủ
của bóng đêm hoàn toàn bình yên
của quê hương sau cơn khủng khiếp
mỗi con người trong kiếp lưu vong

(Cao Thoại Châu - 9 cổng quân trường)

Bài thơ đã nói lên sự khủng khiếp của cuộc chiến vào thời điểm mà chúng tôi có mặt ở quân trường (năm 1966) cũng như thân phận con người trong chiến tranh.
Thật vậy, hãy nhớ lại xem. Thời ấy, có mấy ai được quyền sống với quê nhà mình. Thanh niên miền Bắc thì bỏ xứ Bắc mà vào Nam. Thanh niên miền Nam thì bỏ đồng bằng mà lên ở núi. Bỏ núi mà xuống biển. Khó

được một ngày sum họp, nếu có chỉ là vài ngày phép ngắn ngủi để rồi lại lên đường. Hoặc nếu có trở về thì trở về với "đôi nạng gỗ" "hòm kẽm cài hoa" (thơ Linh Phương, nhạc Phạm Duy). Thời ấy, không phải những giòng thơ Đường "quân tại tương giang đầu thiếp tại tương giang vĩ,..." cùng uống nước sông mà lại xa cách nhau. Trái lại có khi bên bờ này và bên bờ kia chỉ là một khoảng cách ngắn, còn phải sa nước mắt mà nhìn quê nhà không thể quay về. Bao nhiêu thảm kịch về lưu vong xảy ra: Con gái bỏ quê lên thành làm gái giang hồ. Bao nhiêu người dân bỏ quê nhà chạy loạn trú ẩn trong những khu tạm cư nghèo nàn khốn khổ. Những căn nhà tôn nền đất, hôi hám che những tấm poncho hay vãi hoa nhơ bẩn và những người lính nhảy xuống xe hối hả, trước khi lên đường ra mặt trận. Và sinh viên và học sinh thi rớt tú tài bỏ giảng đường hay thầy bạn đi xa. Lưu vong ở đây, là quê nhà có đó mà xem như không.

Nhưng mà cái cơn kinh khủng kia tức là chiến tranh đã qua, luu vong sẽ chấm dứt chăng?
Thử đọc thêm một lần nữa: *của quê hương sau cơn khủng khiếp, mỗi con người trong kiếp lưu vong*. Để thấy chúng như những lời ứng nghiệm cho một đất nước VN. Lưu vong về vùng kinh tế mới. Lưu vong ra xứ người để trở thành những người con bỏ xứ. Và cuối cùng, con cháu cũng mang theo cái thân phận của cha chú: thế hệ lưu vong thứ hai.

Bài thơ "*Chín Cổng Quân Trường*" của Cao Thọai Châu này được sưu tập từ nguyệt san Bộ Binh Thủ Đức vào khoảng năm 1966, lúc mà khóa 23 sắp mãn và khóa 24

của chúng tôi bắt đầu được bàn giao trông coi phần bài vở nguyệt san. Có thơ của Nguyên Sa, Phạm Văn Bình, Cao Thoại Châu. Đó là những bài thơ rất hiếm quí. Nhất là đối với tác giả. Vì những bài thơ này được sáng tác trong một thời kỳ rất khó quên trong đời.
Và chúng tôi đã truy lục sưu tầm lại để gởi đến những người yêu thơ trong "**thơ miền Nam trong thời chiến**". Sách dày khoảng 700 trang, với khoảng 220 tác giả (có lẽ hơn). Lần này chúng tôi đã phải tự mua sách vở để học về cách sewn binding theo kiểu Mỹ. Rắc rối và rắc rối. Nào là *signature, mull, headband, back bone, bookcloth* tìm hoài trong tự điển không bao giờ thấy nghĩa. Ước ơi là ước có ông thầy Nguyên Minh bên cạnh để giúp dùm, để khỏi phải tốn bao nhiêu cuốn sách làm thực tập và những giờ dài chao ơi là dài xỏ kim đục lổ vào mỗi *signature*...Càng làm lại càng thấy rắc rối, khó khăn. Càng nghiệm ra cái câu "không thầy đố mày làm nên" càng đúng.
Nhưng cuối cùng cũng xong. Vị giám khảo rất nghiêm khắc là bạn đường của tôi đã chấm điểm đậu (dù chỉ B chưa A !). Cũng vui, ngày xưa cầm súng, cầm viết, thì bây giờ cầm kim xỏ chỉ (nhiều khi trúng ngón tay rỉ máu là đàng khác).

2.
Nhưng mà lòng thì hăm hở như tìm lại được những dư niệm của một thời. Suốt cả mấy trăm trang với trên 220 tác giả, ngồi đánh lại như gõ ngay vào chính tim mình những niềm đau buốt lẫn bồi hồi. Tội tình cho cả một thế hệ. Chiến tranh nào có gì vui.

3.

Hôm nay, ngày 24-9-2006, nhà văn Lữ Quỳnh gọi điện thoại cho hay ông Lê Ngộ Châu, nguyên chủ nhiệm tạp chí Bách Khoa trước 1975 đã qua đời ở VN vào hôm qua thọ 83 tuổi.

Tên tuổi Lê Ngộ Châu rất quen thuộc với giới cầm bút miền Nam. Ông đã lèo lái con thuyền Bách Khoa qua bao nhiêu sóng gió, từ Bách Khoa đến Bách Khoa thời đại. Nhìn vào cách trình bày bìa, không hình, không tranh, chỉ là những mẫu chữ không bao giờ thay đổi, (trừ số Xuân) người ta sẽ nghĩ đến một tạp chí bảo thủ, thủ cựu, không thích hợp cho giới trẻ.

Sự thật khác hẳn. Những người mà "lò" BK sản xuất hầu hết là người trẻ. Điển hình là nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn.

Ông chọn bài rất thận trọng. Mặt khác, ông rất tôn trọng người gởi bài đóng góp. Mỗi người đến với BK, ông đều lập một hồ sơ riêng. Bài không đăng ông đều bỏ vào đấy và hoàn trả lại chúng tôi khi có dịp. Ngoài ra, ít có tờ báo nào dám trả nhuận bút về thơ. Nhưng BK trả. Rất sòng phẳng.

Riêng bản thân tôi, ông là người thầy, người anh. Tôi đến với văn chương đầu tiên qua BK. Và cũng từ BK tôi đã trưởng thành.

Thay mặt anh em TQBT, chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng gia đình và thành kính cầu nguyện hương hồn Ông sớm về Cõi Vĩnh Hằng.

Ng~

Cà kê... báo cũ báo mới

1*

Có việc đi Nha Trang nhờ ông bạn già viết chữ cho đôi liễng, ghé thăm lão nhà văn Võ Hồng. Ông nằm lép xẹp một mình trên gác, cái gác muôn thuở mà anh em văn nghệ ai cũng biết. Cũng giường chiếu mùng mền xộc xệch, sách vở bừa bãi, một cái rổ nhỏ đựng kim chỉ, bút chì, ly tách thì thoải mái đứng nằm, rất chi là nghệ sĩ. Chào, hỏi thăm và nói chuyện, ông chẳng nhớ được ai, dẫu là thân thích trước kia. Nhưng khi nói đến cái thư viện nhỏ của ông ở Tuy An, quê ông, thì mắt lại sáng lên. Chỉ sáng chút xíu rồi cụp xuống khi tôi cho biết toàn bộ sách ông biếu cho quê ông bị trói gô lại, nhốt kín trong tủ. Ông hỏi sao vậy? Tôi nói: chỉ vì chưa xây được cái phòng nhỏ làm thư viện, làm chỗ đọc sách cho mọi người, kể cả sách của ông. Ông thở dài kêu: tụi nó có thể tiếp khách một bữa lên đến mươi triệu mà tiếc chi cái phòng nhỏ. Tôi gãi đầu: đó là văn hóa ăn nhậu thời nay của mình đó thầy. Ông hét lên, mình nào? Bộ trong đó có em có qua nữa hả? Biết là đụng chạm tới một chút đau riêng tư, tôi im và chuyển đề tài, nói đủ thứ chuyện trời đất nắng mưa trước khi ra về.

Ghé tạt lại thăm ngôi nhà trọ hồi học Classe Terminale ở Võ Tánh, nơi tôi trọ học và nhớ nhà (dù chỉ cách hơn trăm cây số và ngọn đèo) và viết truyện và vui sướng đến phát điên khi truyện ngắn đầu tiên được đăng ngay

trên Văn; nơi mà Y Uyên đã lặn lội vào thăm tôi như một đứa em xa nhà, nơi Võ Hồng và Y Uyên ngồi nói chuyện văn chương dưới con mắt ngưỡng mộ của lũ học trò nhỏ. Và nhớ thầy Cung Giũ Nguyên, một học giả uyên bác, GS cố vấn của lớp chúng tôi thường khuyên: "các anh phải đọc nhiều, đi nhiều, xếp ngăn nắp vào đầu óc… sau này cần lắm". Giờ thì thầy đã ra người thiên cổ. Ngôi trường đã đổi tên, những hàng cây rợp bóng mát đã chặt trụi, trống trơ, hoang hóac. Xuống Độc Lập ngó lại gian nhà trước kia là hiệu sách Huy Hoàng, nay đã đổi chủ. Hỏi anh Huy Hoàng ở đâu, đến cả họa sĩ Thanh Hồ cũng lắc đầu. Nơi đây là quán trọ, không phải, là căn nhà chung cho tất cả các anh em viết văn làm báo lỡ đường. Anh nhận hết, mời hết về nhà: đào ngũ, về nằm đấy, trốn lính về nằm đấy, hết tiền kéo nhau về đấy… Mà nào anh giàu có chi? Căn nhà nhỏ, chứa đủ hạng người "cùng khổ", nằm chổng cẳng bàn toàn chuyện lớn chuyện con, kiểu vá trời lấp biển. Cũng may, trời chưa rách và biển thì mênh mông nên chẳng có anh nào chịu ra tay, để giờ này tứ phương tám hướng lưu lạc, lưu lạc đến độ bờ *Đông tóc rụng, bờ Tây bạc đầu !*

Mới hôm qua đây thôi, có ông bạn sính thơ văn, xán xở mang tập thơ tới, chỉ bài thơ của một ông gốc khu IV, là hội viên nhà văn VN, trong đó có câu: *Đời ta không có Đảng / Ví như người bị lột da*. Ơi hỡi đất trời. Ở đời cái sự bốc thơm nhau là chuyện thường tình (Có cả chuyện: cả triều thần khen cái đánh rấm của vua là thơm kia mà!). Chuyện chính trị bốc thơm nhau là cần thiết. Nhưng bắt thơ văn để chuyển tải những điều đó thì quả là có một không hai trên thế gian này. Hèn chi cái đám quần chúng VN bây giờ đều bị "lột da" hết ráo trọi.

Thiệt kinh khủng! Y như hồi giảng cho học trò bài thơ: *…ta đây trăm tay nghìn mắt… ta đây xương sắt da đồng*, thì liền ngay đó có tiếng một đứa học trò ba xạo thì thào: con quái vật bay ơi! Thất kinh hồn vía, mấy ngày sau bỏ dạy liền, bỡi vừa nhát vừa hèn, cảm thấy mình không bằng học trò thì dạy cái nỗi gì? Về vườn cam chịu tiếng, cùng vợ con cam phận. May sao anh em rủ rê làm báo. Được thôi. Đúng tông để mày cất giọng bè trầm rè rồi đó. Bèn xông xáo vác bút vào chốn văn chương. Tới chừng mở được mắt ra mới thấy mình ngu. Ngu trước và ngu sau, ngu nào cũng là ngu cả.

2*

Lại văn chương và báo chí. Đời sao cứ trói buộc cái đám cà tàng (dưới mắt nhiều người bình thường) vào những chuyện không đâu làm vậy? Nhớ hồi sau Mậu Thân, Lê Văn Ngăn về Huế thăm mẹ, vừa thấy con thập thò nơi bậu cửa, bà la lên: "Tau nghe nói mi làm thơ. Sao dại chi rứa con, học chi cái nghề làm thơ? Con không nghe tụi làm thơ bị xử tội trước cửa Ngọ Môn? Mẹ già ri làm sao thăm nuôi con? Con chết mẹ ở với ai?". Cứ tưởng tượng cái giọng của bà mẹ Huế ri rỉ, nghèn nghẹn bỡi những ám ảnh của mấy tay văn nghệ rừng, "văn nghệ đồng phục" hồi Mậu Thân mà bắt rùng mình.

Vậy nhưng chứng nào vẫn tật ấy, là nói chung về mấy anh "nghiện", mấy anh "nghiệp" – đúng là nghiệp chướng. Đó là lão bạn già NM, sau ca mổ lục phủ ngũ tạng, thập tử nhất sanh, bình phục, trở về nhà yên ổn, khỏe mạnh bình thường, lão ta bèn ca 8 câu vọng cổ trên điền thoại, rằng: " Bây giờ tao khỏe hơn trước kia, sướng lắm. Khi còn nằm rên giường bệnh viện, nửa mê nửa

tỉnh, cái chết và cái sống thập thò bắt tay nhau, rủ rê chơi trò kéo co. Té ra thắng cuộc, hông chết được. Vậy thì phần đời còn lại, tao quyết làm cái gì đó với văn nghệ, cho anh em văn nghệ…". Tưởng đó là câu nói hứng khởi sau cơn bạo bệnh, không ngờ nửa đêm dựng đầu tôi dậy, kêu: "Tao bắt đầu in một số tập truyện cho anh em và in lại toàn bộ TQBT từ số 1 đến số mới nhất". Tôi hỏi để làm chi? Lão ta ca:" Tặng, biếu anh em nào cần đọc, nhiều anh em không có". Nghe nói, bụng thì mừng rơn, nhưng miệng vẫn cứ ngoác ra: này ông ơi, sức khỏe của ông đó, hãy coi chừng. Bên đó anh em họ làm được, bởi cứ lâu lâu rình coi tiệm chạp phô bán hàng "xeo" là nhảy vô ôm về một xe giấy mực chất đầy hầm, rẻ như cho. Còn ở mình ấy hả, không có "xeo" đâu. Chỉ tùng xẻo thôi. Chặt đẹp, giấy từ 28.000đ / gam nay vọt lên trên 40.000đ rồi tía ơi. Nhiều độc giả xứ Annam cho thì đọc, chớ nói lịch sự gửi tiền giấy má, cước thì còn khuya. Ong có giỏi, trúng số độc đắc thì làm đến mươi số là sập tiệm.

Không biết lão ta có nghe lời can ngăn không, chắc không vì biết tính khí của nhau, khi máu đã sôi réo trong người rồi là khum đầu chổng đít làm tới cùng, làm quên ăn, coi khinh các loại bệnh đang rình chờ tuổi già.

Học sách Kim Thánh Thán bèn có lời bàn rằng: những người bình thường, khi nhìn thấy mấy anh văn nghệ cho là lũ điên khùng, cà tàng, lập dị. Các bà mẹ có con gái xinh đẹp thì ôm giữ con khư khư, đóng sập cổng cái rầm, cảnh cáo về chuyện gửi trứng cho ác, kiểu như mẹ Lê Văn Ngăn. Người trong cuộc thì mừng khấp khởi, bởi đó là dấu hiệu thăng hoa của loại văn nghệ làm không vì tiền bạc (mà điều này lão nhà văn Võ Hồng cũng đã

chắp tay bái phục rồi, hình như có ai đó đưa thông tin này rồi?). Xét ra hồi nẳm các cụ Tào Tuyết Cần, La Quán Trung, Nguyễn Tiên Điền, Đoàn Thị Điểm… đâu cần quái gì tiền bạc mà tác phẩm của họ dày cộm, để đời cho lũ chút chít mai hậu xúm nhau đọc, xúm nhau bà bình "lựng". Khác với đám công chức văn nghệ mặc đồng phục hót véo von đúng đắn một nốt "ré" xanh dờn./.

Trần Bang Thạch.

Từ Houston Nghe Những mất Còn

Một ngày thượng tuần tháng 8, một người bạn gởi email cho tôi với tấm ảnh gọi là Hòn Phụ Tử. Hình ảnh không giống với những gì tôi biết. Hôm đó tôi nhớ mình vừa về nhà sau đúng 16 tiếng kéo cày trong sở làm. Trọn một đêm không ngủ cộng với một buổi sáng và một buổi trưa trong căn phòng làm việc dây điện chằn chịt, nút xanh, nút đỏ, máy móc chạy rì rì rè rè. Thường thì sau những ngày như vậy về tới nhà chỉ đọc lướt mấy cái email mới, rồi vội vã đi tắm và đi ngủ. Nhưng hôm đó trằn trọc, mắt nhắm mà thần trí tỉnh bơ, tôi trở lại màn hình, in to cái Hòn-Phụ-Tử-Đã-Khác nầy. Cái khác là Hòn Phụ bây giờ là đống đá vụn. Chỉ còn một Hòn Tử đứng chơ vơ một mình. Email nói lúc 3giờ 45 phút ngày 9 tháng 8 năm 2006 Hòn Phụ đỗ; phần còn lại cao chừng 13 thước. Càng nhìn ảnh càng đau lòng. Không ngủ được. Hình như tôi đã thức theo cái tâm trạng vừa đau, vừa tiếc.

Không như miền Bắc, hay miền Trung, nhiều danh lam thắng cảnh, đi hoài không hết, kể mãi cũng không xong. Thắng cảnh ở miền Nam đếm không đủ năm ngón của một bàn tay. Núi Sam Châu Đốc, Hòn Phụ Tử Hà Tiên, Toà Thánh Tây Ninh, Chùa Dơi Sóc Trăng. Ít như vậy mà tôi, vốn sanh trưởng ở miền Nam, chỉ biết và thấy Núi Sam nhờ có thời gian làm việc vài năm ở Châu Đốc. Còn những nơi khác thì chỉ thấy qua hình ảnh. Hồi nhỏ tôi đã mê Hòn Phụ Tử qua các tranh vẽ hay các tấm ảnh chụp. Tôi còn ngưỡng phục Hòn Phụ Tử qua những câu chuyện kể về tình nghĩa cha con. Một phần có lẽ tôi đã thiếu cha từ năm, sáu tuổi. Tôi đã ao ước được như thằng bạn cùng xóm: có cha dẫn đi học hay thậm chí có cha để mình được cha đánh đòn. Giữa trời nước bao la, hai cha con ngàn đời đứng bên nhau, thương yêu nhau, bảo bọc nhau giữa chập chùng sóng nước, nắng mưa. Từ những năm lớp chót tiểu học tôi có một tấm ảnh chụp đen trắng đã cũ. Nhiếp ảnh gia đã khéo léo đứng ở một góc độ nào đó để chụp Hòn Phụ có dáng đứng nghiêng về phía Hòn Tử. Còn Hòn Tử thì như dụi đầu vào ngực cha. Tấm ảnh tôi đã treo trên tường, ngay phía trước bàn học và đã giữ cho tới ngày rời nước. Mấy chục năm tôi chỉ thấy Hòn Phụ Tử trong ảnh. Mấy chục năm nơi quê nhà tôi đã nhiều lần lòng dặn lòng là phải đi Hà Tiên, thấy tận mắt Hòn Phụ Tử. Rồi cũng mấy chục năm nơi đây tôi luôn nghĩ đến một lần ghé thăm Hòn Phụ Tử khi có dịp về thăm quê nhà. Cộng tất cả những cái mấy chục ấy lại chưa thành con số 1: Một lần thấy tận mắt Hòn Phụ Tử.

Hôm nay thì hết rồi! Sẽ không có dịp nào nữa hết. Nhưng tôi biết mình đã mất một cái rất lớn. Tiếc một cái rất lớn. Thương hai hòn đá ngoài khơi thì ít mà thương

cho cái ước mộng mấy mươi năm của mình thì nhiều.
Rồi lại nghe người nào đó ngoài nầy hiến một tỉ bạc để dựng lại Hòn Phụ. Nghe nhà nước có dự án phục chế Hòn Phụ. Càng nghe càng đau lòng. Đã bảo là di tích thì giá trị của nó chính là ở đó. Ở chính cái di tích đó. Ở chính cái lịch sử của nó. Những cốt sắt, những xi măng gạch đá, những bàn tay nghệ nhân chắc chắn sẽ tạo thành một Hòn-Phụ-Mới. Một Hòn-Phụ-Khác. Hòn Phụ mơ ước của tôi đã chết theo những tấn đá vụn ngày 9 tháng 8 năm 2006. Sẽ không có gì thay thế được. Họa chăng vài trăm năm sau các con cháu sẽ nghe một truyền thuyết khác, *chẳng hạn như người cha đã ra đi, nhưng vì thương nhớ con mà trở về*...Hay nói theo văn chương hiện thực xã hội: *Người cha trở về sau khi đã góp tay xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, v.v..* đại để là như vậy để Hòn Phụ Tử trở lại làm một di tích. Nghe chuyện, những ai đau lòng thì đã chết từ trăm năm trước!
Có một bài viết của Cao Vị Khanh, tôi rất tâm đắc ở đoạn này: "*Em nhỏ, em có biết tại sao vậy không, những chùa chiền, đền đài, tượng đồng, những con hạc gỗ, những đồ sứ, đồ sành...những cổ vật vốn vô tri nhưng hữu tình vì thường chứa đựng trong nó cả lịch sử của một dân tộc mà bất cứ một người văn minh nào cũng trân trọng gìn giữ lại bị đập thành nhiều mãnh...Vì ở quê hương của em, từ hai thập kỷ qua, những kỷ vật đó đã trở thành một món hàng thời thượng. Khi nghe em hứa sẽ đi thăm những chùa chiền, tượng Phật thay cha, tôi muốn rưng rưng...* (CVK, "Bonjour Vietnam", TQBT24, tr32).
Tôi sợ sẽ có một ngày tôi còn sống để nghe một cháu Việt Kiều vừa từ VN trở về, kề sát vào cái tai già điếc của tôi mà nói: Cụ ơi, cái Hòn Phụ Tử đẹp quá chừng!

Bắt chước bạn già CVK tôi cũng sẽ rưng rưng. Muốn sệu sạo nói với cháu là đập thành nhiều mãnh hay lơ là, không biết bảo vệ hay giữ gìn di tích thì đâu có khác gì nhau. Người ta làm công việc gọi là phục chế, chẳng qua là chỉ muốn móc bóp của những du khách như cháu thôi.
Gần đây tôi có đọc một tùy bút hay của nhà văn Phan Lạc Tiếp, có đoạn nói về những du khách đến Giang Tô thường hay đến viếng chùa Hàn San để nhìn tận mắt một cái chuông. Những người nầy đã nghe hay đã đọc một bài thơ nổi tiếng của Trương Kế đời Thịnh Đường, bài Phong Kiều Dạ Bạc. Bài thơ chỉ có 4 câu, xin nhắc lại:
Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Chính vì bài thơ quá hay nên tiếng chuông của chùa Hàn San cũng thành nỗi tiếng. Trương Kế mất năm 756. Bài "Đêm Đậu Thuyền Ở Bến Phong Kiều" trên đây chắc hẳn phải sống hơn 1250 năm rồi. Gần 13 thế kỷ vẫn có nhiều người thất vọng khi thấy gác chuông toàn là những chuông mới do khách thập phương hiến tặng. Người ta thất vọng là phải. Người ta, qua một tuyệt tác văn chương, đã thương cảm tiếng chuông cũ, tiếng chuông của Trương Kế. Người ta muốn thấy cái chuông đã phát ra tiếng chuông ấy. Hàng ngàn cái chuông bóng lộn khác cũng chẳng có nghĩa lý gì.

Cũng chợt nhớ 4 câu thơ của thi sĩ Đinh Hùng:

Từng nhớ, từng thương, từng chụm đầu
Từng chung dòng lệ thấm vai nhau

Mà trong mắt liếc ngờ quan ải
Nhịp thở ân tình cũng biển dâu

Đó, thắm thiết nhau đến như vậy, chỉ một mắt liếc ngờ mà dù cho có đang cùng một nhịp thở ân tình thì cũng coi như xa lạ mà thôi. Huống gì những cái chuông giả và những cái gọi là Hòn Phụ giả. Còn đó mà khác gì là mất đâu !
Càng nghĩ càng nhớ tha thiết tấm ảnh trắng đen trong phòng học hơn nửa thế kỷ trước đã bị thất lạc. Ít nhứt tấm ảnh cũng là một phần tâm tình của mình suốt một đời.

Ngày 22 tháng 3 năm 2006, thi sĩ Thanh Tâm Tuyền mất tại thành phố Saint Paul, tiểu bang Minnesota hưởng thọ 71 tuổi. Đây là một mất mát lớn trong giới cầm bút. Một mất mát lớn khác vừa mới đây: Nhà thơ Hoàng Anh Tuấn đã vĩnh viễn ra đi hồi 8 giờ sáng ngày 1 tháng 9 năm 2006 tại thành phố San Jose, California, hưởng thọ 75 tuổi. Đây là một người nỗi tiếng trong nhiều lãnh vực: thơ, kịch, điện ảnh, phát thanh... nên không cần nói nhiều. Xin ghi lại 4 câu thơ của Hoàng Anh Tuấn, thi sĩ của Hà Nội Xưa:

Tôi kiếm hồn tôi xưa. Hà Nội
Thuở còn trong vắt gió vào thu
Thoảng nghe ngọt tiếng cô hàng cốm
Chênh vênh đâu cuối phố Sinh Từ

Nhóm Chủ Trương TQBT xin chia buồn cùng tang quyến. Đặc biệt xin chia buồn cùng người bạn văn Thu Thuyền, thứ nữ của Thi sĩ Hoàng Anh Tuấn. Nguyện cầu

linh hồn Thi Sĩ sớm về cõi vĩnh hằng.

Nói thêm về những cái mất, những cái còn để các bạn tôi ở quê nhà nghe cho vui. Từ lâu, tôi có niềm hãnh diện rất lớn về giới trẻ ở hải ngoại, nhất là về con đường học vấn. Anh bạn đồng hương của tôi đó: 2 cô con gái, 2 cậu con trai đều là bác sĩ. Anh bạn làm báo tôi quen: 3 đứa con đều là tiến sĩ. Anh bạn văn thân mến của chúng tôi có đứa con trai duy nhất đã là bác sĩ từ vài năm nay. Nhìn xa hơn một chút, thấy anh tuổi trẻ kia là phi hành gia. Thấy chị kia là trưởng toán chuyên viên thượng thặng chế tạo vũ khí hiện đại của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ. Thấy anh kia là trưởng toán kỹ thuật của hãng xe Ford, v.v....Có người đã viết 2 cuốn sách dầy nói về những vẻ vang dân Việt. Nghe tin tức, đọc báo chí, nghe người quen này, người không quen kia kể chuyện về con cái, cháu chắt của gia đình này gia đình nọ về sự thành đạt nơi trường học, nơi trường đời....tôi có một nhận định có vẻ rất chủ quan là con cháu chúng ta đã bù đắp phần nào những cái mà thế hệ chúng tôi đã mất. Còn quê hương đó mà như đã mất. Tuổi trẻ VN hải ngoại đã xây dựng những cái còn, còn lâu dài. Đó là kiến thức, là các công trình trong mọi lãnh vực. Hồi thượng tuần tháng 8 năm 2006 các báo Việt ngữ tại Houston, cả các đài truyền hình và báo chí Mỹ có đăng hay chiếu một bức ảnh thật đẹp: 31 học sinh Việt Nam trong tổng số hơn 50 trường trung học tại Houston và Vùng phụ cận đã tốt nghiệp Thủ khoa hoặc Á khoa. Giữa những cái mất thì đây là cái còn. Người Việt tại Houston chỉ chiếm 2%, vậy mà học sinh VN đứng đầu hơn 50% các trường. Tôi không có tài liệu về thành tích học tập của học sinh VN

tại những thành phố khác trên khắp nước Mỹ hay khắp thế giới. Càng tốt. Tôi tự lấy làm hãnh diện qua cách suy nghĩ rất là chủ quan của mình: Ở Houston như vậy thì ở những nơi khác cũng không khác nhau lắm đâu. Có khi còn ăn đứt Houston. 31 em học sinh này thuộc đủ thành phần giàu, nghèo; có em chỉ mới 16 tuổi, nhiều em vừa làm vừa học, sanh tại Mỹ hay tại VN, v.v...Và chắc chắn 31 học sinh nầy không có em nào bị bắt quả tang gian lận thi cử như anh chàng Trung Ương Ủy viên Đảng, Bí Thư thứ nhất Trung Ương Đoàn Thanh Niên CS tên là Đào Ngọc Dung ở VN. Ở Houston cũng không có đường giây gian lận thi cử nào như đường giây của Nguyễn Hồng Hải vừa mới bị bắt ở Hà Nội.

Dù sao thì cái mất nào cũng đau lòng.

Cao Vị Khanh

Thử nghiêng tai nghe lại cuộc đời...

Mùa hè, có lần lái xe về từ một thị trấn nhỏ ở phía đông thành phố tôi ở, sau bữa rượu ngất ngư với đám bạn cũ, xiêu lạc lâu ngày hỏi ra có đứa mất vợ, có đứa mất việc, có đứa mất hết... mất luôn cả chính mình, hổng biết cảm khái tới đâu mà rượu nốc quá mạng, tôi phóng xe mà không nhớ mình đã quá tuổi thí mạng cùn trên xa lộ (!?)... (ôi cái thời vàng son của những anh-hùng-xa-lộ

đâu còn nữa khi người ta khép rượu vào tội hình sự khi lái xe, làm mất luôn cái thú bạt mạng... dởm !)

.... mùa hè ở đây ngắn lắm, thời tiết cứ chơi trò cút bắt với mình hoài, nên gặp được ngày nắng ấm và vàng lườm là cả đến phụ lão cũng cứ nghe như máu-tôi-từ-em-đưa-tới làm thanh xuân đã mệt cầm canh mà còn rục rịch chòi lên chòi xuống...

... đường về hướng tây, cuối tuần lưa thưa xe cộ, ngày đã chạng vạng, cỏ hai bên đường rướm nắng, thứ nắng quái làm hực lên lòng ta cái lộng lẫy của sự thế tàn phai... mặt trời đỏ gay rồi bầm tím, mặt lộ thẳng băng, khoảng trống trước mặt thênh thang, hư vô hả hoác miệng, hạ hết kiến hai bên cửa, tay ghìm lái, hai con mắt mở lớn đứng tròng, gió miên man thốc ngược, kim tốc độ chỉ trăm hai, xe xé gió vùn vụt, gió luồn vô xe thổi bừng bừng da mặt, thổi luồn vô áo thả nút ngực bung căng buồng phổi, tóc tai bay hối hả, tim đập giựt ngược, hơi rượu bốc lên, chân ga trì xuống, trăm ba... trăm tư... sàn xe run run... chiếc xe như ngựa sút chuồng... một-xe-trong-cõi-hồng-trần-như-bay...

... thoáng chốc tôi như bay...

... thoáng chốc, miệng hư vô hả toác hoác...

... thoáng chốc, một ý nghĩ xẹt qua đầu, giả sử bây giờ buông tay... cái miệng hư vô táp táp... rồi phụp một cái. Hết. Ngon ơ !

... ngay lúc đó, tôi nghe từ cái máy CD mở lớn hết cỡ vọng ra tiếng hát ... *trờ tới*. Cái gì? Cái gì trờ tới?...

Nhả chân ga, thò tay mò nút repeat... *ta nghiêng tai nghe lại cuộc đời, thì hãi hùng, hoàng hôn trờ tới*... Cái gì? Bấm ngược lại lần nữa... *ta nghiêng tai nghe lại cuộc đời, thì hãi hùng, hoàng hôn trờ tới*... Trời ơi, *thì hãi*

hùng hoàng hôn trờ tới ... trờ tới, hoàng hôn trờ tới... Tuyệt vời ! Tuyệt, tuyệt vời !

Vậy đó, lần đầu tôi nghe bài hát Tưởng Niệm của Trầm Tử Thiêng vậy đó... *hoàng hôn trờ tới*, bốn chữ làm hồn vía tôi gĩa rượu, nhả chân ga, chớp đèn khẩn cấp, tấp lại bên lề xa lộ, trả số N, đốt điếu thuốc, thả khói bay lẫn vào sương chiều đang lên, ngồi bất động nghe đi nghe lại mấy lần... *ta nghiêng tai nghe lại cuộc đời, thì hãi hùng hoàng hôn trờ tới...* Năm đó tôi 55 tuổi.

Sao không là... thì hãi hùng, hoàng hôn ào tới, hay là hoàng hôn nhào tới, hay là hoàng hôn trào tới mà lại là... trờ tới ? Mà cái chữ "trờ" này phải nói nó hay quá mạng ! ào tới nghe ra hung hăng quá đáng, nhào tới nghe ra cộc cằn quá độ, trào tới nghe ra cuống cuồng quá mức. Không, không ào, không nhào, không trào gì ráo trọi. Mà phải là trờ, nhất là đã *hãi hùng* thì *hoàng hôn* chỉ có *trờ tới* là đúng điệu nhất. Nghiêng tai nghe lại cuộc đời (có lúc nào không , trên cái dòng đời đang trôi chảy phăng phăng, bỗng dưng khựng lại, nghe ngóng như có một cái gì đó đang rón rén đi tới, không vội vàng, rất từ tốn, mà lại chắc nịch, bước đi của thời gian, từng bước một, rất đỉnh đạc, không xấn xả cũng không thập thò, không dọa nạt cũng chẳng rụt rè, chỉ độc một nhịp đều đều, lì lì...) . Nếu đã có lần ngong ngóng như vậy thì chắc sẽ có lúc giựt mình hay hoảng hốt hay hãi hùng khi chợt thấy hoàng hôn (hay tuổi già) không phải đã đứng lù lù ở đó mà là đang... trờ tới. Trờ tới nghĩa là một giây, một sát na trước đó chưa có ở đó, trờ tới nghĩa là một giây, một sát na sau đó đã có ở đó. Trờ tới nghĩa là thời gian, không gian, tình yêu, hạnh phúc, đau khổ... không ngừng động đậy, không ngừng chuyển hóa. Trờ tới nghĩa là vui

mới đó đã buồn tức thì. Trờ tới nên mới có bàng hoàng, sững sờ, chết đứng, chết điếng... là hãi hùng vì không nghĩ vậy mà lại vậy, vì tưởng là vậy mà lại không vậy... *đang nâng niu cuộc tình lộng lẫy, bỗng bất ngờ vụt mất trong tay...* tình trờ tới rồi tình vụt mất ! Trờ là dịch. Mọi thứ đều là một cuộc chuyển dịch không ngừng...Thệ giả như tư phù bất xả trú dạ !
Nghĩ vậy rồi mới thấy cái gọi là tài hoa của người viết nhạc... Nghĩ vậy rồi mới thấy thế nào là phút-linh-cầu-mãi-không-về mà bỗng không... rồi-về-cái-một.

Ờ có những chữ, những nghĩa, những hình tượng, thi ảnh bắt gặp trong một câu thơ, câu văn của ai đó làm mình khoái tai, vui mắt, sướng rân cả mình mẩy. Rồi lại tưởng mấy ông đó (cái loài thi sĩ đó) chắc là phải kỳ khu dữ lắm để tìm cho ra chữ đó, ngay lúc đó, đặt vào chỗ đó... như không có chữ nào khác, không có lúc nào khác, không có chỗ nào khác nữa. (kiểu như mấy ông thầy tàu hồi xưa vẽ rồng vẽ phần nào thì vẽ cũng được mà tới chừng vẽ mắt thì phải tắm rửa sạch sẻ, chảy tóc gọn gàng, ăn mặc tươm tất rồi mới xắn tay áo chấm mực phóng bút điểm nhản một cái là rồng bay vù lên... mất tiêu). Cái giờ phút "thiêng liêng" mà Vũ Hoàng Chương gọi là "phút linh" đó thật ra sao nghe có vẻ trầm trọng hóa vấn đề. Dĩ nhiên cũng không thể tào lao quá mức như mấy ông tây ở bên... tây cái hồi phong trào thơ mới-tự do-tân hình thức gì gì đó (tui nói ở bên tây à) làm thơ theo kiểu fatal viết sẵn một mớ chữ rồi bỏ vào cái nón dơ cao lên khỏi đầu rồi... xốc xốc lắc lắc... rồi bốc ra chữ nào thì viết ra giấy ngay chữ nấy... rồi gọi đó là... thơ !
Cho tới giờ tôi vẫn tin viết văn mà nhất là làm thơ là một

công việc dùi-mài-ngọc-bất-trác-bất-thành-khí. Làm, sữa, sữa, làm. Chăm chút như chuyện dũa móng tay hay tỉa lông mày của người đẹp. Có điều, đó là làm thơ ... thường-thường. Còn thơ không-thường thì lại là chuyện khác. Đó là một bất ngờ. Bất ngờ hoàn toàn. Mà đã gọi là bất ngờ thì không có chuẩn bị, sửa soạn, sắp xếp (hay là đã chuẩn bị, sửa soạn, sắp xếp đâu đó trong tiềm thức hay huốt trong vô thức không chừng?). Ngẫu nhiên, tự dưng, bỗng không... thơ tới là tới. Mà hổng tới là bí, hổng bí thì cũng làm cho có... vần cho vui vậy thôi. Một câu là thơ mà một chữ thôi đủ làm nên thơ. Đọc lại hơn ba ngàn câu lục bát của Nguyễn Du trong Đoạn trường tân thanh sẽ thấy rõ. Câu nào cũng là lục bát mà hổng phải câu nào cũng là "thơ". Đầu-lòng-hai-ả-tố-nga-Thúy-Kiều-là-chị-em-là-Thúy-Vân mà thơ cái nổi gì. Cái kiểu người-lên-ngựa-kẻ-chia-bào-rừng-phong-thu-đã-nhuốm-màu-quan-san hay cánh-hồng-bay-bổng-tuyệt-vời-đã-mòn-con-mắt-phương-trời-đăm-đăm không phải chỗ nào cũng có. Đó là những viên ngọc trai thiên nhiên nằm lẫn lộn giữa mớ ngọc trai nhân tạo của thợ cấy Nhật Bản. Đúng cái lúc lá cây phong nhuộm đỏ rừng phong thì người ta chia tay, ông thi sĩ nhìn người ta bịn rịn (sao mà khỏi rưng rưng) rồi gọi màu đỏ rừng phong (lao xao lấp xấp y kiểu rưng rưng) là màu-quan-san thì thật là hết ý. Cái liên tưởng chớp nhoáng giữa một màu lá cây và một ý niệm chia ly làm thành một thứ màu mà không ông họa sĩ nào pha được. Màu-quan-san. Mà từ đâu Nguyễn Du "pha" ra cái màu không có trong bảy sắc cầu vòng ? Nơi miền ngôn ngữ trong thùy não trái của Nguyễn Du đã có gì xảy ra khi làm thơ mà tới nổi ấy chớ tôi chắc dù ông Nguyễn miệng ăn nói có dẻo đeo tới đâu trong khi trò

chuyện cũng không kịp "nói" ra cái màu quan san đó. Khi nói chuyện là một người và khi làm thơ, người ta hóa thân (metamorphose) thành một người khác ?

Có lúc ông Trần Hoài Thư đóng đồn ở tuốt trên cao, buồn quá ông làm thơ.
Anh ở trên này, mây đùn mây
Mây anh hốt, hốt hoài không hết
Chim thì ít làm sao nghe tiếng hót
Mà em thì xa, tiếng hát cũng xa...
Mây thì đùn mây, chuyện này ai cũng biết. Có điều mây-anh-hốt-hốt- hoài-không-hết thì không ai làm họa chăng có mấy ông thi sĩ cứ hay ở trên... mây. Người ta thường thì đi hốt lá, đi hốt rác (hay bảnh hơn là đi hốt... hụi chớ ai mà đi hốt... mây). Chạy xe qua mấy cái đèo cao nhiều bữa cũng thấy mây vắt lơ lửng ngang tầm cửa xe, vói tay ra vớt thử, thấy tay không... thì cũng chỉ là đùa chơi cho quên đường dài, chớ ai mà có chủ đích kỳ vậy. Vậy mà ông lính thú xa nhà lâu ngày cứ hay hốt mây. Vậy mà chữ "hốt" ở đây đắc địa hết sức. Phải lúc đó tính nhà lính mạnh hơn tính nhà thơ, ông viết mây-anh-quét-quét-hoài-không-hết thì hổng những là mây mà hổng chừng thơ cũng văng luôn mất tiêu. Ông không quét, ông hốt, ông quơ tay hốt mây nên nghe ra phiêu bồng lãng lướt thơ thẩn thẩn thơ ghê. Mà cũng lại vừa trần tục nữa. Hình ảnh của động tác thì phiêu bồng mà ý nghĩa của động tác thì trần tục. Hốt là quơ, là gom rồi bưng rồi ôm (không biết là bao nhiêu trong đó mà chắc chắn là nhiều hơn một) rồi hắt đổ đi. Hốt không phải là nhặt, là lượm. Nhặt, lượm mỗi lần chỉ có một. Hốt là nhiều lắm, là nóng ruột lắm, là nhớ thắc thẻo, là nhớ quay quắt mà cứ bị mây (hay đời !) án hoài, nên dang

tay ra xô cho lẹ, hốt cho sạch hết cái mớ cản trở làng chàng để không chừng thấy được mặt người thương. Có thấy được cái mặt nào không thì là chuyện khác. Nhưng chỉ nội cái động tác dang tay ra hốt-mây là đã đủ ăn tiền. Ông lính ổng ở tuốt trên cao, cao mịt, vợ con nhân tình nhân ngãi gì cũng thấp tít mù dưới mấy lớp mây-tần-lĩnh. Nhớ quá, không làm gì được, ông ra tay hốt-mây để thấy lại một người dưới phố dù chắc quyết là không thấy được. Biết là không được mà vẫn cứ làm. Tình ở đó và thơ ở đó. Cái động tác vì ngộ nghỉnh nên dễ thương hết sức. Ngộ nghỉnh vì ngu ngơ, vì ngớ ngẩn, vì ngây thơ (thi sĩ có phải là cái loại người ngây thơ nhất trần đời hay không !?) Hổng ngây thơ sao lại dang tay hốt mây, hổng ngây thơ sao lại làm như thật cái chuyện không làm được... ngây thơ, rồ dại, hay khờ khạo... gì đi nữa thì tôi chắc cái người được gọi là "em" trong thơ đố mà không cảm động, không rưng rưng, không thút thít khi nhận được bài thơ... Vậy là thơ có "thơ" rồi chớ gì ?

Làm thơ là bắt, là chụp, là hốt, là quơ quào sao cho kịp lúc cái ý, cái chữ "thần", cái "thơ" vừa nháng qua đầu. Chụp hổng kịp là thôi rồi, khỏi thơ với thẩn gì nữa! Người ta hay kể chuyện thôi-xao của Giả Đảo như để cầu chứng cho tính kỷ xảo tuyệt cùng của cái gọi là làm thơ. Có điều nghe ra sao có vẻ gượng ép thế nào. Tôi vẫn khoái cái lối liên hoa thất bộ của Tào Thực hơn nhiều. Thơ là hồn nhiên. Thơ là phiêu hốt. Thơ là đụng đâu làm đó. Thơ là vẩy-bút-làm-mưa-gió. Thơ là ba-nghìn-thế-giới-vo-tròn-nhỏ-lên-giọt-mực-chỉ-còn-trang-thơ. Suông sẻ. Mạch lạc. Một hơi.

Ngồi cắn bút mà tìm thơ chẳng thà đi mài mực mướn cho người ta viết đơn hầu tòa hổng chừng còn huê dạng hơn

nhiều.

Có lần bày rượu ra hàng ba, nói chuyện làm thơ với Hoàng Xuân Sơn, để truy tìm nguyên ủy chữ nghĩa trong thơ, cả hai bàn qua tán lại tới chắt cạn ba chai vang đỏ mà bí nhiệm vẫn hoàn là bí nhiệm. Ngôn ngữ thơ ở đâu ra mà không có trong mớ ngữ vựng hằng ngày. Cũng người cũng tình đó. Cũng thân cũng tâm đó. Mà sao lời trong đời không giống lời trong thơ. Sao lời trong thơ thì trơn tru châu ngọc. Mà lời trong đời thì lục cục lòn hòn. Thì cũng tự phát, cũng bốc đồng, cũng một mạch... mà chữ nghĩa thì khác hẳn. Không lẻ có một Nàng Thơ thiệt. Nàng ăn ở liêu trai với chàng, rồi thỉnh thoảng thì hà hơi móm lời cho chàng, choàng vai cầm tay chàng viết nên những câu lục bát... đồng thiếp.

(thơ cũ như là áo xưa chút hương theo gió chút mùa gởi trăng chút phân vân duột tơ tằm chút mình lẫn chút trăm năm bùi ngùi chút thân da thịt sần sùi chút tà dương sợi săm soi tuổi đời)

Thơ đẹp như ... thơ.

Sao vậy, sao làm được vậy ? Chữ nghĩa ở đâu mà mượt mà mà khuây khỏa mà êm ái mà ngọt lìm lịm...

Đọc thơ mà như nghe lại hơi ai hà lên ngấn cổ, mát rượi những trưa hè xưa...

nét ơi !
chiều
tấy không cùng
đêm như hoa tưởng
như lồng lộng
trăng
miệng cười
thèm ? nhớ môi chăng ?

cắn đôi hạt ngọc vỡ
mằn mặn
tim
Thôi nói hoài cũng không tới đâu, tìm hiểu hoài cũng chỉ tội cho mấy chai vang đỏ vang trắng, đã chiêu đãi tới ráo cạn mà thơ thì vẫn mãi mãi là một... niềm bí ẩn.
Nhưng dẫu bí ẩn tới đâu, anh làm được thơ anh khoái, tôi đọc được thơ tôi khoái... mấy cái chữ mấy cái câu hay kỳ cục... *trờ, hốt, bằn bặt, vo tròn...* hay *cho-dù-lịch-sử-đau-bầm-dập..* hay *hãy-tin-rằng:-thịt-xươn-g liền-vào-trong-muôn-kiếp-lậm-tiền-duyên-nhau...* cứ trở tới trở lui trong đầu, những khi...
Cũng đủ rồi há!

Hãy nghiêng tai nghe lại cuộc đời...
đâu đó, vẫn âm âm những lời,
những chữ...
nghe êm ru như tiếng ai dổ ngọt giữa mớ âm thanh cuồng nộ của một thế giới đã... hóa điên.

TRANG THƠ XỨ QUẢNG

ĐẶNG TIẾN* HÀ NGUYÊN THẠCH* HOÀNG LỘC* LUÂN HOÁN * THÀNH TÔN*TẠ KÝ* TRẦN YÊN HÒA* ĐINH TRẦM CA*NGUYỄN NHO SA MẠC * PHẠM TRIỀU NGHI * NGUYỄN LƯƠNG VỊ * UYÊN HÀ* VÕ MINH TRANG* HOÀNG ĐÌNH NAM* HẠ ĐÌNH THAO * XUÂN THAO* NGUYỄN NAM AN* LÊ VĂN TRUNG * TRẦM MẶC THIÊN THU * thủ bút NGUYỄN NHO CHÂU* PHAN XUÂN SINH *

ĐẶNG TIẾN

Về Đà Nẵng

Trả lời Luân Hoán

Đọc thơ bạn gửi tôi trên tờ báo nọ,
nhằm lúc đau vùi, sưng phổi sốt liên miên.
Thơ bạn gửi như một làn gió mát,
nghiêng cánh hoa hồng chao nắng ngoài hiên.

Về Đà Nẵng, tôi là người khách lạ,
những con đường lạc lõng bước chân xưa,
những đêm sao thoảng hương mùa hạ cũ,
những cánh buồm chờ gió mộng vu vơ .

Bè bạn cũ giờ phần đông xiêu lạc,
đứa đọa đầy, đứa chết, đứa tha hương,
Gặp lại nhau thằng cười, thằng mếu máo,
thằng tủi thân tránh ngõ quanh đường.

Thằng X tự hào vua cốt sắt,
xây móng cảng Phòng, lé mắt Liên Xô,
A với B xoay sang nghề xây cất,
kiếm đủ ăn vùng nghĩa địa Gò Cà

Bạn nhờ tôi xin ít hình căn cước,
bạn bè xưa, nhân ảnh khói sương xa.
Chúng cười ngất : mày Việt kiều ngớ ngẩn,
hình tụi này lỡ lọt mắt CA ?

(về Đà Nẵng, tôi người sang nhất tỉnh,
vườn hoang sơ bướm vẫn lượn ngày đêm,
lúc bay bướm đi phất phơ chút đỉnh,
thì phất phơ bươm bướm cũng bay kèm !)

Đà Nẵng hợp doanh sanh nhiều tiệm nhậu,
một món ăn : lương tháng công nhân viên.
Bạn bè mình làm gì vô tới đó,
trái ổi, trái me tàm tạm đẩy hơi men.

Nơi hẹn nhau vẫn lề đường quán cóc,
bún bò Mụ Đãi, hẻm Lê Đình Dương,
chúng khoát tay : mày lâu ngày về nước,
tụi này bao, cái đó sự thường,

tụi này đều xơ rơ xác rác,
mà gặp nhau ba sợi cứ lai rai,
mày uống đi, chai này còn chai khác,
tình nghĩa thời này không chắc có ngày mai.

Thôi Đà Nẵng, thôi lần này vĩnh biệt,
chào mẹ già, bạn cũ, tuổi xa khơi,
chào khóm phượng cuối mùa ri rỉ máu,
trên vết thương tươi rói đã muôn đời.

Tháng 6-1987

HÀ NGUYÊN THẠCH

Tiếp sầu

túi quần thu trọn đôi tay
nghe thân thể đã đong đầy khói sương
bóng hàng cây vá mặt đường
khoảng cô đơn trống gió luồn vi vu
mình qua đó đã mùa thu
hồn nghiêng dốc phố - phố mù sương lay
mình qua đó muốn giải bày
gõ vào lòng đá gót giày gọi nhau
xin người khẽ trở mái đầu
bằng hơi thở tiếp khúc sầu nửa khuya

Nỗi buồn trên cao

cây ru bóng đổ đường chiều
ngủ đi một giấc đìu hiu với đời
trên ta một cõi đổi dời
trong ta chừng cũng một trời đảo điên
nằm đây cát bãi ưu phiền
đêm theo sóng vỗ trăm miền phiêu du
lẫn trong em dáng mây mù
lên cao mới thấy niềm u uất lòng
còn trong nhau chút vô cùng
thắp lên cho sáng nỗi buồn của anh
lần đi bóng đuổi quanh mình
cho lòng tay trổ nhánh ngành khổ đau
dẫu ca lên nỗi ngọt ngào
con chim đó cũng bay mau cuối trời

mà thôi một chút vẽ vời
giữ đi em, đó, bóng thời gian qua

Phù ảo

cỏ xanh mướt đầy trời lên xa thẳm
chưa mùa thu sao lòng đã bay sầu
mây qua đó bao la miền biển động
hỡi núi rừng xin ngủ giấc miên du

hãy nhìn xuống loài chim theo lối gió
tiếng ca chìm trong bóng lá thâm u
ngày di động trên mỗi dòng thác đổ
có nghe không đời lẫn dấu trong mù

khi ngoảnh lại bàn tay mình năm ngón
là nỗi sầu thân xác gọi tên nhau
thời gian thức trên mỗi loài cỏ mọc
thấy gì đâu ngoài năm tháng lo âu

bởi theo mãi dấu chân đời lẩn khuất
chờ mùa xuân hồn phủ lá trên cành
nên từ đó bóng sầu vây u uất
ôi đỉnh trời xa khát vọng sao đành

ngày vẫn nắng cho tim mình bốc cháy
nước vẫn cuồng giao tận đáy sông dài
mai còn đó nụ cười trên tay vẫy
tôi hỡi về đâu cát bãi chia bày

Bây giờ, bao giờ

sầu vương trên khóe mắt
tôi về chiều quên mưa
mùa xuân nào sắp hết
dù một lần tiễn đưa

gót giày vang lối sỏi
biết mình còn hôm nay
khoảng trời xanh tuổi nhỏ
mây chiều đã nhạt phai

giọng cười ai đổ xuống
lạnh hồi chuông giáo đường
còn đây sầu âm hưởng
điệu kinh cầu tha phương

hoài vọng bay lên cao
mắt đong đầy bóng tối
sao chiều lên đầu núi
mình đi vào đêm sâu

ngày bỏ tôi đứng lại
làm quen dãy cột đèn
người bỏ tôi ở lại
nhìn nỗi buồn lớn lên

bây giờ tôi ở lại
biết bao giờ nguôi quên?

(Chân Cầu Sóng Vỗ - Ngưỡng Cửa 1967)

HOÀNG LỘC

Lại một mùa xuân viễn xứ

cũng chỉ mình anh nhìn qua cửa sổ
sân nhà người vạn thọ đã vàng bông
với đôi mắt cũng vàng hoe cố xứ
nghe hắt hiu chút nắng tạt bên lòng

lại chỉ mình anh qua hè phố lạ
chân lênh đênh không bước kịp tình người
nửa kiếp sống cứ thua hoài thiên hạ
sự nghiệp buồn gió thổi chiều ba mươi

rồi cũng mình anh ngùi thương kỷ niệm
giận ngày xưa quên tính chuyện ngày về
khi dong ruỗi với trăm lần lỡ vận
bỗng nghe thèm tắm lại nước sông quê

khu vườn nhà anh năm nay bão lớn
biết em còn qua ngõ cũ tìm nhau?
tóc có đủ che quanh ngày bất hạnh
khi mùa xuân chưa tới đã xanh xao

mẹ ở đó cũng buồn hơn tháng chạp
lòng mỏi mòn tựa cửa chừng ấy năm
buổi tàn đông trời vẫn làm mưa bấc
ngọn đèn run trong mắt mẹ âm thầm

anh ở phương nam dòng sông tưởng nhớ

ôi quê người không thể ấm thân quen
ai gọi tên anh một thằng viễn xứ
hồn đong đưa trên mấy sợi ưu phiền

chỉ biết một mình lui về ngõ hẹp
người chung quanh chắc đã đón giao thừa
anh xa xứ nên mùa xuân với Tết
cũng mơ hồ như những chuyện đời xưa.
(1969)

Ngày trở lại Hội An

khi anh về trời phố cũ lên sương
đôi chút lạnh đôi chút sầu tháng chạp
vừa đủ mỏi đôi chân thằng lãng bạt
anh nghiêng vai ngó lại cuộc đời mình
áo bụi mù và tóc gió phai xanh
tay vẫn ngắn để trăm lần thua thiệt
phố thì nhỏ anh còn qua chưa hết
lại hoài công đi bắt mộng bên trời
khi nhớ ra mình đã tuổi ba mươi
ba mươi tuổi sao cứ hoài lỡ vận?

khi anh về buồn hơn loài mây trắng
nghĩ người xưa phú quí mới hồi hương
chuyện công danh như muối xát trong hồn
chưa áo gấm nên hoài hoài viễn xứ
anh sợ qua nhà từng bằng hữu cũ
sợ qua đường gặp những dáng tình xưa
kỷ niệm thì xa, xa quá - mơ hồ
chẳng lẽ nhắc để làm nên yêu dấu?

khi anh về bé vừa lên mười sáu
rất dịu dàng nhưng rất lạ đời anh
khi đưa tay gõ vội trái tim mình
nghe sai lỡ như một lần dâu bể
anh đã già rồi hồn khô ý trễ
tương lai mù trên mấy ngọn sầu đông
yêu vô vàn cũng rớt giọt tình không!

khi anh về bất ngờ anh biết khóc
qua hiên nhà người, bé vào lớp học
bé đâu hay thành phố đó lên sương
là khi anh cúi xuống một đời buồn...
(1972)

LUÂN HOÁN

Cuộc họp mặt đầu năm Kỷ-Dậu

L.T.S (tạp chí Trước Mặt - Quảng Ngãi)
Cuộc chiến đã toàn diện, có người đã ngã xuống, người đã mang tàn phế. Một Y Uyên tử thương ở Nora (Phan Thiết), một Chu Tân bỏ một chân cho chiến trường Quảng Ngãi và bây giờ đến lượt Luân Hoán. Trong một cuộc hành quân tại Mỹ Đức, Luân Hoán tức thiếu úy Lê Ngọc Châu đã để lại cho quê hương chúng ta một ống chân trái vào ngày 25 Tết vừa qua. Trong đau đớn này, Luân Hoán đã ôm từng người bạn thân, và bài thơ sau đây là những giọt lệ biếc của Châu khi nằm điều trị tại bệnh viện ...

hỡi toàn thể bạn bè
những người tôi chưa hề biết tên quen mặt
những người tôi từng bắt tay
từng ôm nhau ngủ
tôi sắp sửa nói cùng các anh
những lời vinh hiển
những lời chân thật
mà từ trước đến nay tôi chưa bao giờ nói được
dù tôi đã làm thơ
dù tôi đã dùng chính máu mình hòa vào những giòng thơ đó
hỡi các bạn thân yêu
thật khó mà tin tôi còn đủ bình tĩnh đủ lạc quan
để nghĩ và viết
cho các bạn bài thơ này
chắc các bạn sẽ không đánh giá
sẽ không tìm ý nghĩa nội dung hay bố cục
mà cũng hiểu được tôi
ôi tôi còn nói làm gì ? còn nói những gì ?
tôi nói cùng ai đây ?
cho các bạn hay cho chính tôi ?

hỡi Khắc-Minh hỡi Trần-Anh-Lan
hỡi hai cây thịt mang áo màu như ta
đã hân hạnh được ta gặp mặt đầu tiên trong đầu năm Kỷ dậu này
hôm nay ngày mùng tám âm lịch phải không ?
ngày bánh mức đã cạn
ngày những câu chào mừng xã giao đã ngượng
hai đứa mày còn nhớ gì không ?
khi chiếc xe thồ và người tài xế già đưa ta về

ngôi nhà trước khi ta và Lý ở
ngôi nhà có giàn hoa
có tổ chim se sẻ
ôi những giọt nước mắt
ta có khóc bao giờ đâu
sao ta không nhìn được hai đứa mày
sao ta cúi mặt
hai bàn tay ta bận cầm nạng gỗ
còn bàn tay nào để nắm tay nhau ?
còn bàn tay nào gạt trôi vết lệ ?
buổi chiều thật lặng yên
ta nào dám nhìn chung quanh
ta nào dám nhìn mái tóc bạc trên đầu người mẹ già của Minh
đang run run mừng ta về đó
và những nụ cười trên môi bé Ý
và những tiếng chó sủa vang
ta bước đi
một bên Trần-Anh-Lan
một bên là mày phải không Khắc-Minh
sao không ai nói cùng ta hết
lời chia vui sao nở cạn rồi ?
ơi cái bàn này ta đã ngồi
ơi cái giường này ta đã nằm
thân mật quá
ta muốn nói ta muốn tỏ tình ta muốn thét
ta muốn đi chỗ này
ta muốn lại chỗ kia
ta muốn ra chuồng heo
ta muốn ra giếng nước
ta muốn vào thăm cầu tiêu

nhưng than ôi ta phải nằm đây
dĩa mức cuối cùng để dành cho ta
những cái bánh cuối cùng để dành cho ta
ta đã nhai thật lâu thật nhỏ
mà nuốt vào vẫn nghẹn

rồi Vương-Thanh
rồi Hà-Nguyên-Thạch
rồi Phan-nhự-Thức
và biết bao nhiêu người ta chưa hề quen
vội vả vào thăm ta
vào thăm ta hay xem một vật lạ
một vật mất một chân
còn đứng đi nói cười
ôi Thanh ôi Thạch ôi Thức
tại sao chúng mày lại khóc
tại sao chúng ta không nắm được tay nhau
tay ta vẫn còn đây
vẫn còn nguyên năm ngón
năm ngón ngũ hành của Tường Linh
trong một bài thơ nào đã nói
ôi Thanh ôi Thạch ôi Thức
ôi những con mắt đỏ ngầu
những con mắt căm hờn
những con mắt thương xót
chúng mày đã nhìn lên ta
bằng những bàn tay xoa dịu vuốt ve
như một cơn gió mát
cơn gió của trái tim họp lại
cơn gió làm tủi lòng ta
nào ta có dám trách đâu

nào ta có dám nghi ngờ đánh giá
bố thí tình thương
hay chia nhau nỗi đau xót ?
sao ta khổ sở thế này
mười bốn ngày trong bệnh viện Mỹ
ta chưa bao giờ được khóc
không phải là ta sợ
không phải là ta không đau buồn
nhưng bây giờ nước mắt ta chảy được
chảy hân hoan
và cả bọn mày nữa
vô duyên và hèn nhát
cũng khóc được cho một bàn chân
gởi cho quê hương yêu dấu
ôi nên tha thứ hay kết án đây ?
có tình nào cao hơn tình yêu và tình bạn
ta cảm ơn đất trời
đã cho ta những người bạn như bọn mày
những người bạn không thể nào kể hết trên giấy
gọi hết trong bài thơ
nhưng trong trái tim ta
ta đã ghi đã khắc rõ
đã dành mỗi chỗ ngồi cho mỗi đứa
hỡi những bạn đã đến cùng ta.

THÀNH TÔN

Dạm mặt

Cõi chiều chuyến cuối, hư không

Hồn treo biển đợi trời hồng rán xa
Nhá nhem một cuộc đời ta
Chân như phách thế gian tà tấm thân

Trở về giáp mặt, phân vân
Trăm năm nháp bản một lần hắt hơi
Trăm năm, ngày dậm chân đời
Hỏan trì kiếp kẻ đầy vơi tình người

Soi ta, kéo xếch môi cười
Gương bày mặt nạ buồn phơi cõi hồn
Ngậm lòng một cuộc, bôn chôn
Sầu ta kín mái hiên mòn chân mưa

Mịt mù cảnh sắc sau xưa
Cứng thân tượng gỗ chờ, chưa nhập thần
Sống mài nhẫn cuộc ly thân
Xác ngay bóng ngã thể dần hồn thiêng

Cõi ta kẻ dữ người hiền
Nhân gian dạm mặt oan khiên một đời.

kẻ đào ngũ

Buổi sáng soi gương và đội mũ
Lòng đã hồ nghi khuôn mặt quen
Dấu vết riêng nào trên nhân dạng
Đã hằng hằng không tuổi không tên

Chân bước ra đường luôn chạm mặt
Những bàng hoàng trên nhan diện ai

Sống nửa đời người chưa dám chắc
Chân dung ta trung thực bao phần

Nên nhiều lúc tâm thần chấn động
Một kẻ nào ẩn dạng, âm mưu
Hắn tà giáo hay giòng chính thống
Mặt đầm đầm đường nét hư vô

Những dội dập ngày đêm bấn loạn
Trán phẳng phiu dậy sóng muộn phiền
Thân chống bộ xương ròn hữu hạn
Hồn mang ảo giác kẻ tham thiền

Ngực sống đã mơ hồ nhịp đập
Tim trong tay kẻ lạ âm thầm
Cõi nào phân chia miền tranh chấp
Thân vô cùng ràn rụa mối thương tâm

Ta bắt gặp ngoài ta hình bóng
Những đường quen nét thuộc hàm hồ
Kẻ đào ngũ, lầm lì, ngập ngọng
Nhàn nhạt trong cơ thể hồ đồ

Kẻ đào ngũ, chính ta trong hắn
Ngực dường như đập nhịp ai xa

TẠ KÝ

Đoạn trường gợi lại

Bước chân nào nặng phù du
Ngón tay nào thắt sầu tư trói hồn.
Cô đơn rồi vẫn cô đơn,
Bốn mươi thu đó đòi cơn đoạn trường.

Sông xa bãi cát vàng hanh,
Đìu hiu bến vắng, mong manh sương chiều.
Mười lăm năm giấc mộng vèo,
Bốn dây nhỏ máu xuôi theo Tiền Đường.

Từ em lần lữa lầu xanh,
Cuộc say đầy tháng, tàn canh, vẫn thừa.
Chừ đây bên cạnh người xưa,
Nửa đêm tái ngộ nghe mưa cuối trời.

Mà thôi, đàn kiếm giang hồ,
Trở về cát bụi, cơ đồ ngả nghiêng.
Say đến khóc, cười như điên,
Ngàn xưa đọng lại một thiên não người!

TRẦN YÊN HÒA

Lời xin

Cho tôi được ngủ nhà đêm nay
cho tôi ngủ nhà một đêm rồi mai đưa tôi đi đâu cũng được
bao nhiêu tháng bao nhiêu năm
tôi sẽ xa thành phố sẽ xa mái tóc em xa những đứa con yêu dấu

hãy cho tôi ở nhà đêm nay
không còn gì để van xin
sao đẩy tôi đi quá xa như vậy, quá xa như vậy
hỡ chiến tranh loài người ?
Cho tôi được bế bé Bảo một lần trong buổi tối gia đình
ba sẽ làm ngựa cho con phi nước kiệu
con đâu biết một đời ba làm ngựa
một thời của Việt nam loạn ly
ba sẽ làm ngựa cho con suốt đời nhưng ba không là ngựa
cho mọi người
tiếng cười các con trong như thủy tinh
ba làm sao quên được
rồi ngày mai ngày mốt và những ngày sau đó
ba sẽ ở một tiền đồn xa xôi nào đó
thật ngoài nhìn tầm nhìn của con, của mẹ, của nội ngoại
con không bao giờ biết
không ai có thể biết được
một đời làm lính thú như ba

Cho tôi ngủ nhà một đêm
để nghe hơi thở của vợ, của con mùi nước tiểu thương
yêu đã từ lâu tôi thèm muốn
âu yếm nào trên môi
hãy cho tôi lời xin thật nhỏ
một lần rồi thôi
đã từ lâu ba hằng nhớ các con
như đã khóc cho mình.
(trích Khởi Hành bộ cũ)

ĐINH TRẦM CA

Phương Nam
Khúc ca trôi dạt của khóm lục bình

Đi
như là trôi
ta lần về phương nam
phía bầy én giang hồ gọi xuân về rối rít
phía những dòng sông đỏ phù sa chảy xiết
ta gặp thêm những cụm lục bình
trôi

Trôi
trôi
và trôi...
ta dần xa bến cũ
mấy mươi năm gió nhớ thổi mù trời
vẫn muốn chở về sông mẹ những nguồn vui
dù ta chỉ nở được hoa tím nhạt

Đi
như là trôi
tựa đóa mây nở trên trời luân lạc
có mong gì người nhìn ngắm phút giây
trong lang thang mây cứ nở đời mây
rồi tan loãng giữa vô cùng
bát ngát

Trôi

trôi
trôi...
bềnh bồng theo tiếng hát
khúc tráng ca cuồn cuộn chín sông rồng
ta,
lục bình vừa trôi vừa trổ bông
cởi đầu sóng chở mùa xuân phiêu dạt

Phương Nam, phương Nam
trôi đó đây
rải rác
những mảnh đời ngơ ngác tha hương
hẹn cùng nhau
trôi nhé
mà trổ bông
dẫu sóng vỗ đầu vàm
sóng xô cuối rạch

phương Nam phương Nam
xin cám ơn những-dòng-sông-không-bao-giờ-ngăn-cách
những Lục-Vân-Tiên-trong-khí-phách-con-người
xin cám ơn câu vọng cổ rất mùi
thấm trong hạt phù sa
đượm những tấm lòng cây trái
gió chướng
mùa lên
ta còn trôi mãi
buổi qua đây
hoa nở
tặng đất này

cố hương cố hương
hun hút mây bay
đôi mắt mỏi ngóng mù sông bến đợi
đỉnh núi nhớ nghiêng mòn gió nổi
biển mẹ ơi sao chưa gọi con về

ừ
thì thôi
ta sẽ cứ trôi
hỡi những khóm lục bình nở hoa tím nhạt
hoa nở tím trên đường trôi dạt
tỏa chút hương ngan ngát gởi quê nhà

là nỗi buồn cất được tiếng ca

Cần Thơ - Long Xuyên
2-1989

NGUYỄN NHO SA MẠC

Cuộc đời

Tôi sinh ở xóm nghèo
một khung trời nho nhỏ
kéo lê đời hắt hiu
qua tháng ngày mệt mỏi

mẹ già ăn khoai sắn
nuôi con lớn chừng này

đời vẫn còn tay trắng
nuốt từng quả đắng cay

cha cày sâu cuốc bẩm
đất cát thấm mồ hôi
chắp từng manh áo vá
tiếp nối thêm cuộc đời

người anh đi đánh giặc
lâu chưa về hậu phương
nhớ nhà mòn con mắt
mây trắng lợp sa trường

những mùa đông giá lạnh
tôi ngồi nhìn mưa rơi
thơ cũng sầu giá lạnh
buồn chi thuở làm người

những đêm dài gió bấc
trở mình thấy xót xa
tìm vành nôi dĩ vãng
lời mẹ còn ngân nga

đất dạy tôi đời sống
máu mặn đổi miếng cơm
thịt xương làm phân bón
cho ruộng đồng xanh hơn

mẹ dạy tôi làm người
phải yêu thương đồng loại
nhưng bức tường ô nhục

còn mọc lên khắp nơi

nên tôi buồn biết mấy
làm người dân Việt Nam
hằn vết thương chia cắt
đớn đau màu da vàng !

người con trai gục khóc
ôi nỗi buồn - nỗi buồn !
ngồi lặng nhìn ngục tối
suy tư chảy vào hồn.

23-9-63

Vàng lạnh

chuyện bữa ấy chiều nay em kể lể
màu môi chôn kỷ niệm đã lâu rồi
mi mắt đó ghi ân tình đổ vỡ
đời nữ sinh vàng lạnh tháng ngày trôi

em đã khóc cả buổi chiều hôm trước
chúng bạn đùa biết hết chuyện riêng tư
những yêu thương trong đời người con gái
bảo em buồn nức nở trước trang thư

mới hôm nao người và em gặp gỡ
chiều bên ni, bên nớ mãi trông tìm
người bước qua con đường thơm lá cỏ
nắng mùa Xuân em đứng đón bên thềm

em thầm bảo thương yêu người ấy lắm
những chiều xanh, chiều tím đợi người sang
tình thơ dại với môi hồng má thắm
sao cõi người vẫn lặng lẽ rừng hoang !

chuyện bữa ấy chiều nay em kể lể
dáng mi trầm nuối tiếc những ngày hoa
thứ bảy chiều chúng mình mừng sinh nhật
của mối tình sớm nở - sớm đi qua

PHẠM TRIỀU NGHI

Qua chiến trường xưa

Chôn gươm bên cái khe này
Gò kia cởi giáp tuột giày vùi nông
Một đêm muối mặt anh hùng
Anh mang xiềng xích cùm gông tội đồ
Oằn vai làm kiếp trâu bò
Gánh gồng khổ nhục xây mồ thanh xuân
Năm năm khiêng núi vác rừng
Nhiều khi ngó mặt phong trần cười khinh
Mười năm nắng thúi mưa sình
Râu trơn mày trụi giận mình thất cơ
Cam tâm lịch sử trở cờ
Cái chân cái ngụy lập lờ lừa nhau
Hai mươi năm tóc trắng đầu
Hỡi ơi biển lặng và dâu xanh rồi!

Khe xưa cỏ lấp cát vùi
Gò lau đêm nọ đã dời ra sông
Mình anh đứng ngó mông lung
Hồn xưa binh giáp trận vong chập chờn.

Tháng 8.2006

NGUYỄN LƯƠNG VỊ

Chia tay

Gửi Ngô Thuỷ Phượng

Chia tay kiếp nầy, chắc gì đâu kiếp khác
Nhói chút trời xanh, lỡ nhịp với em rồi
Lời mây trắng nhuốm bao mùa luân lạc
Gió thâm tình không níu được xa xôi

Không níu được tình sau thương ý trước
Chỉ vì ta ngơ ngác nhớ muôn năm
Gió vô sắc nhưng rằm kia quá mượt
Thơ u hồn đắp nấm gọi tinh âm

Ta gọi mãi suốt một thời niên thiếu
Tiếng vàng khô quay quắt trước hiên nhà
Ta gọi mãi nên bây giờ mới hiểu
Thơ vô cùng vô lượng nắng chiêu hoa

Vô lượng nắng nghĩa là trong chút nữa
Hồn chiêm bao gần gụi biết bao chừng

Thơ biếc máu để nuôi hoài chút lửa
(Dẫu về sau lau lách đã vô chung)

Chia tay kiếp nầy, đành thôi nhưng rất tiếc
Tuyết buồn lây sương bữa nọ chưa tan
Ta trúng độc tự bao giờ chẳng biết
Gió thâm tình hay búng huyết đa mang?!...

10/2002

Tượng

Mẹ băng huyết giữa đồng
Đứa em chưa kịp tượng
Trôi tuốt ngoài thinh không
Chập chờn con bướm lượn...
4/1970
(Âm Vang và Sắc Màu)

Chưa kịp tượng nhưng mẹ vẫn thấy
Em vẫn trôi trong những giấc mơ
Bướm vẫn gáy những chiều không đáy
Lượn chập chờn trong nắng vàng tơ

Ba mươi năm về thăm nắng cũ
Đất cằn khô phơi một sắc hoa
Hoa nắng rụng bên thềm chó ngũ
Say giấc mơ gà vịt quê nhà

Và có lẽ lòng ta quá vắng
Nên con đường tượng số mọc gai

Gai ốc nổi lạnh lùng dấu lặng
Một dấu chìm nghe buốt hai vai

Cỏ chín suối cây mười sông hát
Lời nhương sao trao lại dư vang
Bướm vẫn gáy những chiều âm nhạc
Tượng số còn đi lại lang thang

Và có lẽ lòng ta là nắng
Nên thất thanh phơi hết sắc trời
Chết một nửa trời kia mướp đắng
Xanh buốt hồn thơ dại đang trôi...

8/2000

UYÊN HÀ

Giấc mơ thanh bình

Người thợ săn thèm quay đầu súng lại
Loài thú nào ca hát dưới lũng sâu
Anh đắm đuối nhìn mặt trời xuống thấp
Nhường không gian cho tất cả trăng sao

Và từ đó em chẳng còn nhỏ dại
Nuôi tình yêu bằng nước mắt tinh cầu
Chiến trường hẹp trong lòng chân em bước
Điệu ca buồn thành phiên khúc thanh cao

Qua một thời anh nằm lo lửa máu
Thuở tung hoành nhỏ mọn ấy qua chưa
Với quê hương mang vết hằn thuộc địa
Em ngủ vùi trong lớp vỏ che mưa

Người thợ săn thèm quay đầu súng lại
Loài thú nào ca hát dưới lũng sâu
Chúng mình đi qua từng dong đất tổ
Đem tình người nối lại rồi thương nhau

Chúng mình đi qua từng dong đất tổ
Êm đỉnh rừng gió lạ thổi vi-vu
Vườn lộc bỗng đơm thêm nhiều quả mới
Thuở thanh bình khói rạ bỗng dâng cao

Người thợ săn thèm quay đầu súng lại
Loài thú nào ca hát dưới lũng sâu

Kẻ ở lại trần gian

Thân đau buốt con làm sao đi được
Hồn tang thương nên Chúa bỏ bê rồi
Suốt mùa Đông làm con chim én lạc
Để Xuân về, ôi mỏi cánh khôn nguôi

Máu lên xuống máu chia đều tủi nhục
Tim ơi tim mòn mỏi dấu than hồng
Con đứng ngó trăm miền trăm cơ cực
Tội cho mình cho đất nước, quê hương

Con bỗng sợ những cánh đồng ngát lúa
Tổ tiên ơi da thịt vẫn chưa mờ
Quê hương đó lấp cho đầy xác chết
Lấp cho cao màu máu với tang cờ

Đêm không ngủ sợ vô cùng bóng tối
Không thấy người con sợ phải cô đơn
Anh em đó, bạn bè, chia mấy ngả
Thôi quá buồn người tay súng tay gươm

Ngày hắt hiu lê theo đời bất hạnh
Những hẹn hò tin tưởng đổ sau lưng
Trong vũng sầu con cam lòng an nghỉ
Nước mắt này pha giòng máu nô vong

Thôi xin Chúa cho hồn con ở lại
Thiên đàng nào chứa hết những hoang mang
Tuy trần gian con khổ hơn nghìn địa ngục
Nhưng Mẹ quê hương, ôi bỏ lại sao đành

VÕ MINH TRANG

Cớ mất

Cành trăng gãy con chim không chỗ trú
Tôi lộn về cớ mất bóng tôi xưa
Chạy trối chết sợ đụng nhằm quá khứ
Thì đơn trương viết mấy cũng bằng thừa

Chợt nhận ra éo le của sự việc
Như dòng sông dằng dặc chảy trong đời
Nợ mùa Xuân những chồi non lộc biếc
Có lẽ nào chỉ cớ mất không thôi

Cầm cây bút gõ lên đầu số phận
Đừng bảo tôi kỳ cục dám chơi liều
Sợi thòng lọng xúi người ta tự vẩn
Tôi sẽ đem trói chặt cứng tình yêu

Cái mũng rách nếu được đem lót ổ
Đàn gà con sẽ từ đấy ra đời
Cành trăng gãy con chim bay vườn gió
Có lẽ nào tôi lại cớ mất tôi

Đừng xúi dại mùa Xuân treo biển cấm
Bởi quanh tôi hoa trái rất thật lòng
Đã ngọt xớt dù hiến dâng thầm lặng
Con bướm nào khựng cánh trước mùa bông

Mây thắp trắng hướng nhìn mờ phố núi
Bóng em trôi hay là bóng mây trôi
Mai nếu chết cô đơn cùng cát bụi
Tôi quỳ thề: Chẳng chịu cớ mất tôi

1972

Hiên mai

Lá xanh lấm nắng đầu ngày

Mai ơi, bướm lỡ làm trầy bóng hoa
Chạm hồn vào cõi bao la
Mùi hương cất cánh Ta-bà bay đi

Phố hoa

Dã quỳ nhẹ vén chân mây
Kìa con bướm đói ăn chay hoa vàng
Má hồng lộ dưới sương tan
Rồi mai trong cõi Niết Bàn có em?

Nụ hoa nói Pháp hữu tình
Giữa lô nhô đá giựt mình suối reo
Dã quỳ vàng áo Tỳ Kheo
Phố khuya gọi nguyệt lên đèo nghe kinh

Thác treo dãi lụa trắng trong
Chiều phơi ngực hở mà trông dã quỳ
Thơ tình thế phát quy y
Vàng hoa phố núi tư nghì sắc không

Hiên chiều

Tàu cau vàng tàu cau rơi hồi xế
Em ra ngồi gốc khế chuốc tàu cau
Con dao xếp bóng mồ hôi tay Mẹ
Chợt nỗi đời không đánh cũng dư đau

HOÀNG ĐỊNH NAM

Cho dẫu em là có thật

Cho dẫu mùa Xuân là có thật
như em rồi sẽ ra đi
tôi một mình đứng lại
đường tìm nhau hun hút ngõ xuân thì

Cho dẫu muà Xuân đang tới
rồi Xuân sẽ đi qua
như tôi một lần đứng lại
nhìn con tàu sừng sững biệt sân ga

Cho dẫu em là có thật
chiếc lá khô không níu được chỗ treo mình
hương phấn một thời như cổ tích
thoảng trong đêm, phong kín nẻo bình minh

Cho dẫu tình yêu là có thật
cũng chỉ là dấu tích tuổi thơ ngây
gót hài lưu lại trên đường bụi
sẽ nhạt thời gian, lụn tháng ngày .

10/03/06

Linh hồn của cha

Có phải con là linh hồn cha thất lạc
Mượn sắc Hoa làm hương sắc cõi trần
Cha hoang lạnh giữa trùng trùng mộ địa

Nay con về đốt ấm lại tiền thân

Có phải con là giọt máu cha nhỏ xuống
Đã mất tăm trong bóng tối ta bà
Bỗng yên lặng một đêm trừ tịch
Đất âm thầm vươn trổ đóa Quỳnh Hoa

Có phải con là mùa Xuân phía trước
Là gió hay chim mang tin báo đổi mùa
Con có cả cuộc đời cha chưa sống hết
Nên đau hoài bên gối Mộng năm xưa

Cha mất cả không còn gì nữa
Đường ra đi thăm thẳm lối quay về
Có phải con Cội Hoa Vàng trước ngõ
Rộ cuối đời cha một góc trời quê

Có phải con là thiên đường cha mất dấu
Nên cha trôi hoài trong địa ngục u minh
Cha vuột cả một thời niên thiếu
Còn lại con là hơi thở chính mình

Cha vẫn đợi như chưa từng gặp gỡ
Linh hồn cha trong thân xác của con
Nếu không thể làm thân Tùng trên đỉnh núi
Là Quỳnh Hoa - con - lồng lộng hương thơm.

Ôi hoa Quỳnh
Chỉ một lần rực nở
Trắng trong và ngát cả đêm thanh

HẠ ĐÌNH THAO

Giã từ

Xin chào mi, hởi núi rừng Trung Việt
Ta đã qua và ta đã dừng chân
Ta đã nhiều đêm giấc ngủ chập chờn
Những tối trăng sao không buồn ló dạng
Những tối nghe mưa lòng sầu vô hạn
Những hạt mưa như nước mắt mẹ già
Những hạt mưa lạnh buốt cõi hồn ta

Xin chào mi, giã từ ta xuống núi
Gởi lại bàn tay với máu hồng tươi
Gởi lại những đêm thao thức ngậm ngùi
Xanh lá nhớ từng chiều mưa sầu thảm
Xanh dáng mẹ phương xa hằng lãng vãng
Và bóng hồng một thuở đã lênh đênh

Xin chào mi như một lần ta đã đến
Của một ngày có gió rất bâng khuâng
Của một đời ta bỗng thấy ngại ngần
Cái gian khổ khi làm người lính chiến
Cái tăm tối khi mặt trời vụt biến
"Ta bỗng điên và cười hát nghêu ngao"
Ta bỗng thèm một tiếng nói ngọt ngào
Như lời mẹ dỗ dành ta thuở bé
Như gió nhẹ của những ngày nắng xế
Ta nô đùa trên nội cỏ đồng quê
Ngày yên vui xưa đã mất, chưa về...

Xin chào mi hởi núi rừng Trung Việt
Những hố những hầm đã che chở đời ta
Hẹn một ngày kia ta sẽ đi qua
Để thăm lại những hình hài quê mẹ
Để thăm lại bàn tay ta đã để
Trên ngọn đồi Một Trăm Bảy Ba (*)
Hy vọng một ngày tươi sáng không xa

1972

(*)Đồi Chà Vu, Thăng Bình, Quảng Nam

XUÂN THAO

Về thăm chốn cũ

Ta về bóng lẫn trong sườn núi
Lén lút hơn một kẻ bất lương
Trời đất vô tình khung cảnh lạ
Nhớ gì ta nữa, đã bao năm !

Núi đứng gầm gừ như hổ đói
Đồi rập rình tia mắt chói chang
Lúa lởm chởm như ngàn chông nhọn
Mừng ta chăng, Mộ Đức ta xưa ?

Trời tháng Năm nắng như vãi lửa
Thiêu đốt ruộng đồng, nứt thịt da
Sông cạn giả vờ thiêm thiếp ngủ
Nằm chờ cướp lượng máu trong ta

Mây xếp từng chồng như gió quái
Mây báo hung tin sắp mất mùa
Núi đá vã mồ hôi như tắm
Gió loạn cuồng hốt bụi giữa trưa

Nhà đổ, tường nghiêng, tre cháy ngọn
Cây mang thương tích đứng trơ cành
Cầu rách tả tơi như áo cũ
(Huống hồ người trong lúc giao tranh!)

Đất uống máu tươi thành đỏ sẫm
Than tro trộn lẫn xương anh hùng
Anh hùng: thiêu thân lao vào lửa
Còn ai giữa bão đạn mưa bom?

Còn ai để nhận ta mừng đón
-Xương đã phơi trắng ngập ruộng đồng -
Quen quá bỗng dưng thành khách lạ
Chơ vơ đứng giữa cảnh tang thương

Rẻ lối vào thăm nhà trọ cũ
Ta gọi dồn chẳng có ai thưa
Nhà cũ đã thay ngôi đổi chủ
Tần ngần bên giậu nát rào thưa...

Ta đứng trông sang nhà em gái
Tường đông hầu vắng bặt yến oanh
Cửa đóng then cài lau lách mọc
Bờ tây rũ ngọn cây hoàng lan

Trở lại thăm em miền đất cũ
Cảnh sắc vô tình, người thản nhiên
Còn ta giữa đất trời hiu hắt
Tìm bóng mình trên những lối quen

Mộ Đức, 1980

NGUYỄN NAM AN

Dạ thưa mùa hè

sáng đi ra quán cà phê
đi về thấy có đôi bề rình rang
phố quen quán xá hai hàng
người quen mấy nẻo mùa sang lại mùa
em về nhỏ lại nắng trưa
đậu xe đèn đỏ dạ thưa mùa hè
vẫn còn sẩm kiếng mát che
đôi con mắt liếc đời nghe tình cười
em về như lúc bên người
i miss you quá giờ bùi ngùi đây./.

July 16, 2006

Giả thử anh là

giả thử anh Lệnh hồ Xung
cầm tay em lại đời lưng lưng rồi
nhưng mà trong mắt em, ngời

vẫn là anh đó của thời thương em./.

19 tháng 6, 06

Cám ơn Hồng Đức

cám ơn Hồng Đức tên trường
Đà Nẵng tên phố nỗi buồn tên em
chia đời như mái hiên quen
Phan Chu Trinh đứng ngó riêng trường người
cám ơn em ngày nụ cười
của ai rớt lại với đời đến nay
thuở đó sao...
không xin bàn tay./.

10 tháng 6, 06

Đêm đọc Qua Sông Mùa Mận Chín(*)

đêm đọc Qua Sông Mùa Mận Chín
gặp thời xưa cũ đã trôi sông
hình như có một điều câm nín
lại rụng tiếng kêu giữa vô chừng

Chiêm bao

poncho căng che lòng gió
mìn bẫy giăng mắc đường vào
đầu chốt xưa còn lối nọ
nhìn trời xanh đó, chiêm bao

Nguyễn Nam An

6 tháng 10, 05

(*) Qua Sông Mùa Mận Chín – thi phẩm Trần Hoài Thư

LÊ VĂN TRUNG

Trả hết ta về

Tôi lên xuống biết bao lần
Cái chân đã mỏi cái thân rã rời
Đi sao cho trọn kiếp người
Chiều kia ngồi dưới chân đồi nhân gian
Khấn hương đốt lửa hóa vàng
Tôi về hết cuộc trăm năn với người

Trả tan thương, trả ngậm ngùi
Trả oan khiên, trả đất trời lao đao
Thôi về trả hết cho nhau
Những mông muội, những chiêm bao muộn phiền
Thôi về trả lại cho em
Trái tim thiên cổ còn nguyên máu hồng

Tôi xuôi ngược đã vạn lần
Xơ rơ xác rác bao vòng tử sinh
Còn không tôi cái bóng mình?
Lang thang mấy cõi kiếm tìm hỗn mang
Còn không tôi giữa điêu tàn
Xác ôm huyệt mộ hồn quàng thế nhân!

Hồn và xác của phù vân

Tôi và em của có không mất còn

Trả nhau hết cuộc vuông tròn
Tôi về rũ sạch vui buồn nhớ quên

Ngủ đi hạt bụi mọn hèn
Thiên thu khép lại cũng đành phận ta.

2003

Chỉ còn ngươi ở lại

Ngươi mười năm tù tội
vắt kiệt Sức tàn hơi
Bán cho bầy muỗi đói
Máu trắng bạc hồn người

Chúa bảo chờ cứu rỗi
Phật bảo đợi luân hồi
Người đợi chờ mòn mỏi
Mấy ngàn năm qua rồi?

Chừ mười năm ngục tối
bao nhiêu năm ngụv đời
Ta nhìn ngươi ái ngại
Ngươi gào không thấu trời

Ngươi hỏi sng làm chi?
Ta bảo chết được gì?
Máu trong hồn đã cạn
Lệ trong lòng đã khô

Muốn khóc cũng không được
Đi chẳng biết về đâu
Ở không đành cam chịu
Rượu không cạn niềm đau

Chúa về nơi thiên quôc
Phật nhập cõi niết bàn
Chỉ còn ngươi ở lại
Nhìn đát trời tang thương.

03

TRẦM MẶC THIÊN THU

Một đời tôi vẫn đợi

Đêm lặng lẽ trôi qua hồn tĩnh vật
Hương thời gian vương lại giữa môi hồng
Mai em đi mang theo tình ngọt mật
Bỏ mình tôi sầu đá dựng mênh mông

Tôi gặp em lúc đời chưa vướng bụi
Hồn trinh nguyên như áo trắng sân trường
Ngày tôi gửi lá thư tình vụng dại
Đêm tôi về trong nỗi nhớ đơn phương

Có nhiều lúc tôi bỏ trường xa lớp
Vì yêu người nên khói thuốc vàng tay
Mười sáu tuổi đi giữa đời choáng ngợp
Bước chập chờn trong chất ngất men say

Rồi bỗng chốc em bỏ đi đâu mất
Mấy năm dài tôi ngớ ngẩn ngu ngơ
Theo bè bạn tôi vào nơi gió cát
Kỷ niệm hồng chôn tận đáy ba lô

Tàn cuộc chiến tôi thành tên thất trận
Em lại về theo mấy giọt buồn mưa
Khâu hộ tôi manh áo đời lận đận
Và vết thương đau buốt buổi giao mùa

Em đã đến cho tôi còn tiếng khóc
Em sẽ đi không để lại môi cười
Hồn tôi đậm mắt em xanh màu ngọc
Lọn tóc bồng quấn quít những ngày vui

Em yêu nhé, mai này em trở lại
Xin đừng đi dù một bước xa gần
Bởi không em tim tôi thành phế thải
Máu không còn căng nổi những đường gân

Tôi sẽ đợi như một đời đã đợi
Đợi em về mang mây gió trăng sao
cho tôi dệt lụa tình xanh rất mới
May yếm đào làm lễ cưới cô dâu

cuối tháng 3/06

Đầu Xuân
về qua phố cổ Georgetown

Hoa vàng đã nở bên sông
Giật mình mới biết mùa Đông sắp tàn
Phố già theo bước thời gian
Cỏ xanh dốc đá, nắng vàng mái rêu
Xuân về sao phố buồn thiu
Gió hiu hắt lạnh trong chiều nắng phai
Nhà ai khói tỏa ngây ngây
Vương trên mắt viễn khách cay sợi buồn
Ta về trong bóng hoàng hôn
Theo dòng sông nước quặn hồn nhớ thương
Loanh quanh qua mấy ngả đường
Đi đâu cũng thấy sầu vương chập chùng
Quê người còn ấm bao dung
Sao Xuân vẫn lạnh trong lòng người đi...

cuối tháng 3/06

PHAN XUÂN SINH

Nghe chim hót trên đồi 55

nằm trong hầm, lắng nghe chim hót
mà tưởng mình đang sống thái bình
tiếng súng, tiếng chim. Nghe buồn lạ

vây quanh ta giữa chốn đao binh

chắc bây giờ em vừa bát phố
đang ung dung trau chuốt sắc hương
tìm phấn son, thay đôi giày mới
thong thả dạo quanh những con đường

ta vẫn nằm. Trên đồi gió thổi
chim hót ban ngày, pháo dội ban đêm
em cứ chạy theo từng mốt mới
còn ta, uống rượu để tìm quên

trên đồi trọc, cỏ không kịp mọc
sống chết một đời có nghĩa chi
khi tỉnh giấc, ngó bên rào chim hót
lòng ta đau, nhìn mãi cuộc tình đi

như thỏi son môi. Không còn thắm
nên em quên một thứ chẳng cần
ta bấn loạn, cơn đau cùng cực
chào thua. Em trong cõi trầm luân

Đồn Bồ Hòn, tháng 2/72
(Đứng dưới trời đổ nát)

tiếng vạc kêu trong sương

ta ngồi đếm những giọt mưa
là em chợt thả tình vừa vụt tay
tình không chỗ trú, tình bay

ta không chỗ đứng cho ngày lỡ chân
một khi em đã xa dần
thì tình như đã phù vân của đời
chỉ còn ta với ngậm ngùi
còn em bỏ cuộc rong chơi chốn này

trong đời khói phủ sương mây
lạ chi tình đã đứt dây nửa chừng
tiếng kêu của vạc trong sương
nghe ra như thể rưng rưng nỗi lòng

Huế, tháng chạp năm 1970
(Đứng dưới trời đổ nát)

bên sông nhớ người

bao năm ta trở về chốn cũ
ngồi bên sông chờ chuyến đò ngang
nước với ta bao lần rong ruổi
cùng chia nhau bao nỗi xót xa

ta nhớ đò, người qua thuở ấy
nước mắt còn ướt dẫm bên sông
oan khiên ụp xuống đời con gái
tiễn người đi. Ta nát cả lòng

có những buổi chiều ta đứng đợi
những chuyến đò qua ngập những người
vẫn thiếu bóng ai bên sông ấy
để lòng ta đau lặng ngậm ngùi

tháng năm sống đời trai phiêu bạt
đôi chân dẫm nát núi rừng cao
có lúc dừng chân bên sông lạnh
nhớ người ta thấy dạ nao nao

biền biệt người đi từ thuở đó
con sông nước vẫn miệt mài trôi
bến đò kia có ai còn nhớ ?
người năm xưa đã khóc một người

bao năm ta trở về chốn cũ
ngồi bên sông chờ chuyến đò qua
cây với ta một mầu ủ rủ
người có hay ta lệ nhạt nhòa

đà nẵng tháng 11. 70
(Đứng dưới trời đổ nát)

uống rượu với người lính Bắc phương

hãy rót cho ta thêm cốc nữa đi
ngồi với bạn hôm nay làm ta hứng chí
chuyện ngày mai có chi đáng kể
dẹp nó đi cho khỏi bận tâm
thằng lính nào mà không rét lúc ra quân
khi xung trận mà không té đái
ta cũng có người yêu nhỏ dại
mỏi mắt trông chờ song cửa quê nhà
chuyện sống chết căn bệnh trầm kha

đâu dễ gì thoát vòng sinh mệnh
những thằng lính thời nay không mang thù hận
bạn hay thù chẳng có một lằn ranh
thôi hãy uống. Mọi chuyện bỏ lại sau
nếu có thể ta gầy thêm cuộc nhậu
bày làm chi trò chơi xương máu
để đôi bên nuôi mầm mống hận thù
ta chán lắm rồi ba chuyện ruồi bu
chỉ có bạn, có ta là thua cuộc
người yêu của bạn ở ngoài phương Bắc
giờ này đang hối hả tránh bom
hay thẩn thờ dõi mắt vào Nam

NGUYỄN NHO CHÂU

Nhà thơ Nguyễn Nho Châu là bào đệ của nhà thơ Nguyễn Nho Sa Mạc. Nguyên là một họa sĩ. Sau một cơn bạo bệnh, tay anh run khó chủ động được. Chúng tôi xin đi hai thủ bút của anh và xin được cám ơn một người thơ xứ Quảng từ quê nhà đã dành cảm tình đặc biệt cho TQBT. (TQBT)

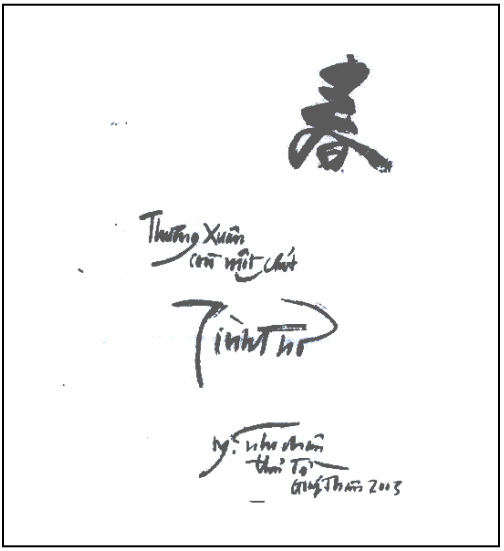

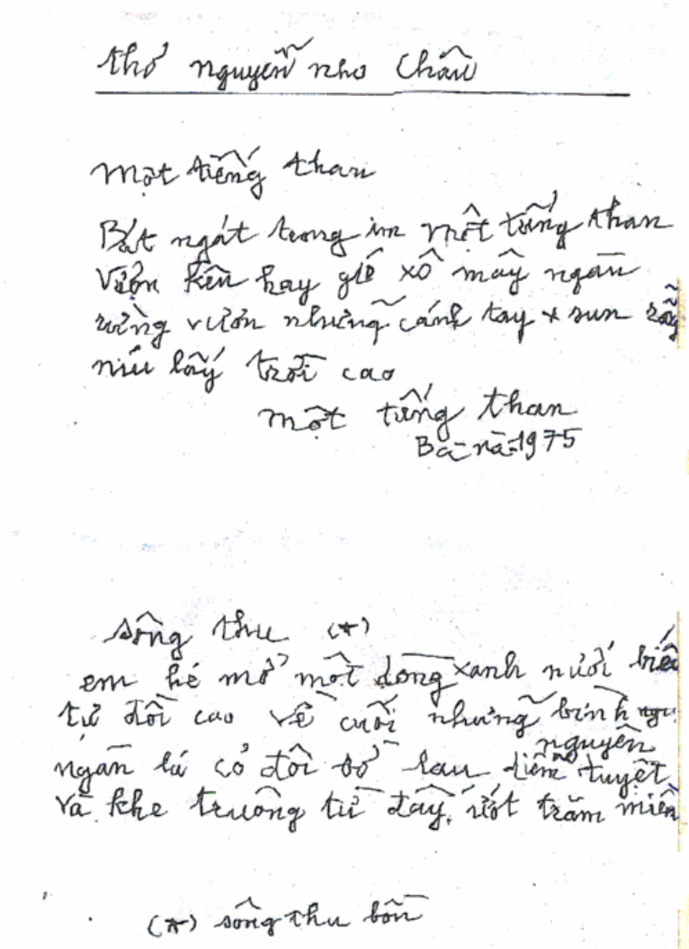
thơ nguyễn nho Châu

Một tiếng than

Bát ngát trong im một tiếng than
Vọng kêu hay gió xô mây ngàn
rừng vươn những cánh tay sun rễ
níu lấy trời cao
một tiếng than
Bà-nà-1975

sông thu (*)
em hé mở một dòng xanh nuôi biển
từ đồi cao về cuối những bình nguyên
ngàn lá cỏ đôi bờ lau tiễn tuyệt
và khe trường từ đây, rót trăm miền

(*) sông thu bồn

Thủ bút hai bài thơ của Nguyễn Nho Châu

TRUYỆN NGẮN

TRẦN HOÀI THƯ * NGUYỄN LỆ UYÊN * KHÊ KINH KHA* TRẦN HUIỀN ÂN* LỮ QUỲNH * TRẦN BANG THẠCH* TRANG LUÂN * NGHUYỄN PHÚC NGUYÊN * NGUYÊN MINH *

TRẦN HOÀI THƯ

Nhật Ký Hành Quân

(Cuối năm 1968 tập san VĂN số 114 thực hiện số chủ đề Những Cây Bút Trẻ gồm: Lê Văn Thiện, Trần Hoài Thư, Nguyễn Lệ Uyên, Yên My, Mường Mán, Lương Thái Sỹ, Cao Thoại Châu.... Nay chúng tôi xin trích đăng lại một số truyện của các nhà văn đã trưởng thành trong thập niên 1960 đến với độc giả để có cái nhìn toàn diện hơn về cuộc đời văn chương của họ.
Trong số này, chúng tôi đi lại Nhật Ký Hành Quân của Trần Hoài Thư đi trên văn số 114, mà lúc ấy, anh bị thương đang nằm điều trị tại quân y viện QN. TQBT xin trích nguyên văn trên VĂN số 114 đã viết lời giới thiệu:
(VĂN số 114 giới thiệu: Nhật ký trên được viết tại Quân y viện, sau lần bị thương thứ hai.
Mặc dầu bị cận thị rất nặng, Trần Hoài Thư vẫn đang chiến đấu trong một đơn vị thám sát miền duyên hải Trung phần.
Trong văn có nghẹn ngào hơi rượu, nhưng người đọc tinh ý chắc sẽ còn bắt gặp nhiều hơn thế nữa…)
TQBT.

Buổi trưa vào giờ đóng quân

Chúng tôi đến mục tiêu cuối cùng trong bản đồ vào một giờ trưa. Ngôi làng nằm dưới chân núi, ngó ra bãi cát trắng rộng mênh mông chạy về biển. Tôi chỉ thấy năm mười nóc nhà gạch đổ nát bơ vơ sau khóm dừa trơ trụi. Những hố bom sâu thành những giếng nước. Bờ cỏ

cháy đen khô cằn len từng nhánh vào làng. Tôi dựa lưng vào vách đá. Gió từ biển thổi vào. Lạnh, nước biển xanh lơ lấp lánh dưới ánh mặt trời. Ngoài khơi, một chiến hạm đang bắt đầu nhả đạn vào để yểm trợ đoàn trực thăng đổ quân. Ba chiếc trực thăng mang hoả tiễn đang nhả liên tục xuống làng. Tôi thấy nhức ở mắt. Những đốm lửa loé lên và đất một lần rung chuyển. Những đốm lửa tắt lịm và những cột khói lại bốc lên. Nhức nhối.Tôi liếm lưỡi. Chẳng biết nhức nhối ở chỗ nào. Đầu gối, cánh tay, bắp đùi hay cả thân thể.

Khi nãy chiếc trực thăng chở chín đứa tôi, vừa sửa soạn đáp xuống chỗ có trái khói tím, thằng xạ thủ đại liên Mỹ đã xô cả bọn nhào ra ngoài. Mấy thằng ngồi ở hai bên nhảy ra khi chiếc trực thăng hạ thấp, đến phiên tôi, ngồi ở giữa, thì chiếc trực thăng đã bay lên cao. Tôi bị thằng lính khốn nạn xô, vừa nhào xuống, sức chong chóng đã lôi cả thân thể cộng với ba lô súng đạn, như một hòn đá lăn từ đỉnh núi xuống vực. Hai chân tha hồ chạy. Thằng mang gạo chạy trước té nhào trên lớp đá cuội. Tôi chạy sau, té chồm trên thân hắn. Hắn lồm cồm bò dậy, xuýt xoa, đỡ tôi dậy hỏi: Thiếu uý có sao không? Tôi cười mếu máo: Đau quá mầy. Tôi tấp tểnh lên đỉnh, tập hợp lính, cho bố trí về mặt bắc. Những chiếc trực thăng đang quay đầu trở về, những chấm đen in trong bầu trời trắng xám. Đằng xa, thành phố hiện nhấp nhô. Những đợt khói, những con tàu nhỏ nhoi đậu san sát, những mái ngói đỏ yêu kiều, một chiếc phi cơ sắp sửa đáp xuống. Thành phố giờ này đã đi vào cơn mệt mỏi. Con đường nhựa và những tiếng còi trống rỗng. Tiếng nhạc tại quán cà phê Bạch Tuyết cất lên bơ vơ. Một hai gã nhàn du nhìn con nắng rơi chầm chậm. Thành phố, mấy đứa con

gái làm tiền nằm hớ hênh trên nệm trắng trong phòng ngủ và chàng đi ngang, đến bên giường, ngồi xuống. Thành phố. Tôi làm quen sau những ngày hành quân bằng rượu chè, nói tục, kể chuyện bạn bè ra đi, ở lại, lên lon, xuống chức. Thành phố tôi nôn mửa nhìn lại tuổi trẻ, trong màu ly cà phê đen đặc, tự nói mình già hay trẻ đây. Đến lúc này mình đã sống đầy đủ chưa. Những đêm vùi đầu nách đàn bà, thủ thỉ trơ trẽn: Em ơi, anh xin em ân huệ. Rủi ngày mai anh không trở về thì sao.

Đại bàng ra lệnh tìm đường xuống núi. Tôi bảo tổ tiền sát viên đi mở đường. Tổ gồm những người Thượng đã quen với núi rừng. Nhưng đường xuống gai nhiều quá (loại gai chó đẻ, dài và nhọn, lính gọi là gai mắt mèo). Gai chằng chịt, bò quanh những hòn đá, cao quá đầu gối. Quần bị gai làm rách toẹt một đường từ đầu gối đến háng. Da mầy trắng như con gái, đó Tân. Tôi len qua từng lớp, từng lớp. Có một số hầm của bọn nó ở các khe đá. Cứt bốc thúi nồng nặc. Thằng Lại mò vào, lấy được một áo ấm và mấy tờ báo Quyết Thắng. Tôi nhét chúng vào trong áo trận. Dừng quân, sẽ coi mấy cậu viết thế nào, nhé.

Vừa xuống dưới chân núi, thì súng trong làng bắn ra. Đại Bàng ra lệnh dàn hàng ngang xung phong. Cánh đồng với đất bùn thật khó chạy. Đạn bay lổm chổm trên nước. Cả bọn vừa chạy vừa rống: Xung phong. Tôi cũng la: Xung phong. Đến bờ đê làng, bọn tôi núp dưới những ụ đất cao. Nắng rát trên da. Áo đã ướt đẫm mồ hôi. Mặt trời chỉ là một khói chói lọi, rình mò trong bầu trời xám trắng. Bây giờ Đại Bàng bảo trung đội bạn lên yểm trợ. Lớp lớp người chạy trên cánh đồng. Tôi chợt nhắm mắt. Mùi thối từ phía làng bay tới nồng nặc. Chắc là một xác

chết bị rữa. Những đống gạch nằm dài bên cạnh những tấm gỗ đen hay những cột nhà cháy. Tôi đợi lệnh để xung phong vào làng lần cuối cùng.

…Lính bắt một nhóm người gồm ông bà già, đàn bà và trẻ con từ dưới hầm lên. Nhóm người khốn khổ đang ngồi trên nền gạch, khóc lóc. Mỗi người đều mang theo một gói vải lớn hay va li thiếc. Tôi bảo lính khám đồ đạc của họ. Mụ đàn bà có chiếc va li thiếc, run rẩy không cho lính mở. Hắn tức mình đá và chửi: Đến đâu, đàn ông thanh niên cũng không có, sao mụ lại có bầu. Chồng mụ lên núi phải không. Tôi nhìn suốt các gương mặt. Các gương mặt đang vươn lên từ những đống tro tàn, đang nhăn nhúm với đôi mắt van lơn sợ hãi. Trời nắng chói chang. Tôi cảm thấy nhức nhối. Huế chẳng khác ở đây. Nhưng Huế còn có người nói đến hàng ngày, có đồ cứu trợ tới tấp, có những mục nhắn tin miễn phí. Thằng lính khám thấy bộ quần áo ka ki vàng, hét lớn: Chồng bà đi đâu. Chỉ mau tôi bắn. Mụ đàn bà cứ cúi xuống lạy. Tôi quay mặt. Thú thật tôi không quen sống với tiếng khóc. Mẹ tôi đã khóc nhiều rồi. Bà lạy thằng Tây. Thằng Tây. Bây giờ mụ đàn bà lạy tôi – người cùng màu da với bã. Tôi chán nãn, nói: Thôi chốc nữa, dắt họ về vùng an ninh. Ông già ngước lên. Tôi hét: Ông không biết ở đây mất an ninh, nẫu chiếm. Đạn cà-nông bắn cả đêm ngày. Sao các ông không đi tản cư. Ông già trả lời, giọng run run: Dạ, bọn tôi đói quá. Đi làm sao sống nổi. Ở đây có chút lúa sống qua ngày… Bây giờ, tôi cảm thấy rã rời. Chẳng muốn gì cả. Chỉ muốn ngủ yên. Con tim ơi, ngủ yên nhá. Tôi nhìn những cánh đồng vàng ửng, thỉnh thoảng vài hố đạn hoặc bom, chơ vơ giữa đồng. Mắt tôi muốn mỏi. Lúa vàng thật đẹp, xa tít đằng chân trời. Mùi

thối theo gió bốc lên. Mắt tôi theo dõi đám bèo trên mặt hồ đen sạm. Tôi hét: Tại sao đồng bào không bỏ đi chỗ khác. Đồng bào không sợ ca-nông, súng đạn sao?

Buổi tối đại đội đóng quân đêm tại một ngôi làng cách núi không bao xa. Trung đội tôi phòng thủ mặt bắc, đối diện với cánh đồng rộng. Tôi bảo lính đào hầm và chia vị trí cho mỗi tổ. Khi về ngôi chùa làng, tôi sửng sốt khi nhận ra vợ ông già ấp trưởng quấn trên đầu khăn tang. Bà bảo chồng bà bị nẫu chặt đầu tháng trước. Bà vừa nói vừa khóc. Đêm đó, nẫu về gọi cửa, tôi mở. Nẫu hỏi ổng. Tôi bảo ổng đi rồi. Nẫu ra về và gửi viên đạn nói dành cho ổng. Khi nẫu ra ngoài, tôi nghe có tiếng chồng tôi. Chẳng biết ông về làm gì. Đêm nào ông đâu có dám ở nhà. Nẫu bảo nếu ông là ấp trưởng, nói thật nẫu tha. Ông không trả lời. Tôi chạy ra, lạy từng người: Lạy ông tôi lạy, ổng không có tội. Người ta bắt ổng làm, ông phải làm. Nẫu xách báng súng đánh vào màng tang tôi rồi bắn một phát trúng đùi. Tôi ngã xuống, la làng xóm. Chẳng ai ra. Thanh niên, dân vệ mấy ổng nghe nẫu về cũng bỏ đi trốn. Sau đó…

Bà khóc rống. Tôi nghe quặn đau. Thế này thì quá lắm. Chiến tranh cái giống gì mà bẩn thỉu quá vậy. Tôi nhìn trong bầu trời đêm thẫm. Những lá xoài loang loáng ánh trăng. Mới đây, bọn tôi còn về, ông ấp trưởng còn ngồi hàn huyên bên tách trà nóng, còn kể chuyện sự tình. Khổ lắm ông ơi. Người ta bắt mình phải làm. Đêm nào nó cũng mò về vác loa về gọi tên tôi đích danh, đòi chặt đầu. Đêm nào bọn tôi cũng nằm bờ mương bờ ruộng. Súng ống đâu có phát, thưa ông. Người ta chỉ phát hai trái lựu đạn cho mỗi anh em… Nghe ông ta nói, tôi bùi ngùi.

Tôi đứng dậy, cầm cây M-16 ra trước ngõ. Chán đời đó phải không. Sương đã xuống trên vai, và tiếng loài côn trùng đêm vang lên não nuột. Bây giờ có lẽ là mười giờ đêm. Tự nhiên tâm hồn tôi cảm thấy bơ vơ. Trăng đã hôn trên đám giậu trước sân. Một trái sáng bắn lên. Có tiếng rì rì đều đều của chiếc C-47. Cô độc, anh phi công nhỉ. Rồi cuộc đời mình cũng mãi bơ vơ như một tinh cầu, đợi ngày rụng xuống. Tôi nghe thân thể rã rời. Tiếng vạc ăn đêm kêu lên từng hồi, u oán.

Tôi trở về chỗ ngủ. Xin giấc ngủ bình yên đi nhé. Xin đêm nay một đêm không nghe tiếng chó sủa, không tiếng súng vu vơ. Nằm trên poncho, ở dưới là lớp lá đa khô. Buồn. Tôi lấy chiếc giầy trận lót dưới poncho và nhẹ nhàng đặt đầu lên. Chó sủa vẳng về từ đầu làng. Một chốc, trái sáng lại oà vỡ trongthinh không. Thằngmang gạo nhỏm dậy, chờ dù trái sáng bay tấp về. Ánh trăng rọi trên sân đình trắng xoá. Tôi trằn trọc. Huế ơi. Bây giờ giá có tiếng hò Nam Ai, chắc mình phải khóc. Sáu vành cầu, hiền lành, dễ thương thế mà cũng đã gục xuống. Còn gì nữa không. Quỳnh. Tôi cảm thấy nhói ở ngực. Sao thằng bắn không nhắm kỹ một tí, để trái tim ta khỏi gào thét cuồng nộ. Qùa mồng một đó. Viên đạn A.K đó. Tôi đặt tay vào bên trong áo trận. Vết sẹo phồng lên giữa bộ ngực gầy lép. Tôi úp mặt trên poncho. Đêm nào cũng ngủ bờ ngủ bụi, cũng thức phờ râu canh gác. Má đã lạnh rồi. Quỳnh. Chú gọi cháu nghe không. Chú buồn và muốn lấy M-16 bắn hết cấp số đạn mang theo đêm nay đó.

Ba gửi thư vào nói lư hương đã đầy nhang. Đêm nào ba cũng cầu Trời Phật phù hộ cho con. Nhà mình bị máy bay bắn rocket sập hết. May cả nhà tản cư sớm. Ba

tưởng nhà mình tiêu hết rồi. Con bây giờ đã lớn, phải lo lập thân. Lập thân. Buồn ngủ quá rồi. Có lẽ buồn nôn nữa. Tôi trăn trở. Tiếng cà-nông vẫn dồn dập ở một nơi không xa, đìu hiu như một cung đàn vỡ. Tôi xoa bàn tay nhẹ vào má. Bàn tay lạnh còn đẫm mùi hôi. Bỗng có tiếng súng nổ ở đằng tổ trung sĩ Y Bim. Tôi cầm vội cây M-16, nhào xuống hố. Một lát, thằng Nay Lát chạy về hớt hãi nói: Bắn lầm thằng nhỏ, thiếu uý. Nó bị thương nặng. Tôi gọi thằng y tá và truyền tin chạy bay về nơi xảy ra tiếng súng. Đến nơi tôi thấy thằng nhỏ trạc mười ba, mười bốn tuổi quằn quại trên nền đất. Ông già, cha thằng nhỏ, đang ôm con khóc lóc thảm thiết: Con ơi, cũng vì cha. Tại cha sơ ý để làm đèn tắt. Tôi hối y tá tiêm thuốc và băng nạn nhân. Thằng y tá làm việc xong, lắc đầu: Bọng đái bị bể hết. Giọng nó nhỏ và run: Chắc không sống nổi thiếu uý. Tôi gọi C-10 xin Đại Bàng phương tiện tản thương. Đại Bàng bảo không còn cách nào khác ngoài việc săn sóc thằng nhỏ được chừng nào hay chừng nấy. Tôi nói Đại Bàng ráng giúp xin trực thăng Mỹ, kẻo tội quá. Dù sao mình cũng bắn lầm. Tiếng ông già ngất quãng: Tại cha, tại cha… Thằng bé thì rên: Đau quá cha ơi. Tôi bảo lính vác nạn nhân về trạm y tế xã. Suốt đêm, đứng canh chừng, tai nghe bà mẹ thằng bé chửi: Sao các ông lại bắn nó. Con ơi. Anh con cũng chết vì người ta bắn. Bây giờ đến phiên con. Thú thật, tôi muốn về chỗ ngủ, muốn coi mọi chuyện không quan trọng đến tôi, nhưng nhìn đôi mắt thằng bé khép kín và tiếng rên não nuột lòng tôi quặng thắt. Tôi ra ngoài sân đình nói thầm: Không, không có gì cả.

Ngày 5 tháng 5 – 68

Thế là ta thoát chết. A ha. Ta còn sống. Còn sống để xem cái ngày hòa bình, cái ngày ta về, bỏ hết những bâng khuâng, xao xuyến. Ta còn về cưới vợ đẻ con và còn hưởng chút hạnh phúc. Đêm đầy chớp lửa. Nó về bên kia sông, Nó đặt súng ở bụi tre. Nó bắn tơi bời lên đồi. Đạn xoáy, đạn gào, đạn làm tim ta đập thình thịch. Ta áp tai vào bờ đất và chỉ chờ. Đêm về sáng tối như địa ngục, ta nói với thằng trung sĩ. Tao quên mang gương rồi. Vừa đứng dậy, thì một quả 82 ly rớt gần đó. Một thằng lính bị thương nằm trong hầm rên: Chuẩn uý, tôi chết. Tôi chết. Chuẩn uý gọi y tá giúp tôi. Cái kiểu này ai mà dám chạy. Cứ an ủi. Mày ráng chờ nó hết pháo kích tao gọi cho.

Những cột khói đa bốc lên ở khu nhà tiếp liệu. Những viên đạn lửa bay ngang dọc trong màn đêm. Nai ơi, mày ngồi bên tao. Rủi một quả lựu đạn rơi trúng chỗ này, hai đứa mình cùng chết luôn nhé. Nhưng hèn lắm. Chết kiểu này hèn lắm. Chết mà chờ đợi tuyệt vọng thế này hèn lắm. Nai ơi tao thương mày. Hồi chiều mày vừa nhận thư của vợ mới cưới: Lá thư hồng gửi ông xã. Mày đọc vang cho cả bọn cùng vui. Buồn không Nai? Nàng có biết đêm nay mày đang chạm vào biên giới hai miền, để khóc giùm nàng không Nai?
Ngồi bên cạnh Nai than thở. Để tao chạy vào lấy kính. Nếu bọn nó tấn công lên đồi, còn thấy mà bắn. Nai giữ lại: Ông đi lỡ…
Đêm địa ngục. Anh sắp lọt vào địa ngục đó. Quỳnh.

Ngày 6 tháng 5 – 68
Buổi sáng, đại đội lội sông truy kích địch. Có tin một đại đội địch về, yểm trợ đoàn đặc công và toán pháo kích

hồi đêm. Ngày chủ nhật đ. về Qui Nhơn như người ta. Buồn không nhỉ. Ngày chủ nhật, ly cà phê và tiếng hát cũng đủ làm tôi quên một chút sầu muộn rồi. Nếu chán đời, thì đi tìm em, nằm trên nệm trắng, nhìn quạt trần trần kêu vù vù để tạm quên cuộc đời chó má. Còn gì nữa. Thành phố chẳng bao dung như ta bao dung nó. Ta đã đổ máu vì nó. Lính của ta cũng đã nhắm mắt, đã chịu tàn phế vì nó. Thành phố, ta trở về như một tên hề khốn khổ, nhìn con gái đi qua, con trai đi lại. Nhìn cảnh ô nhục đầy đường đầy sá. Con gái từ Sài Gòn ra làm đĩ, con trai từ mọi ngã đổ về. Buổi chiều, đi xe lam qua trường sư phạm, ngỡ ngàng nhớ màu áo thân yêu. Tất cả chỉ là dĩ vãng, chìm lắng trong làn khói thuốc.

Chẳng tìm ra tung tích. Họ đã chạy đằng nào. Có Trời mới tìm thấy. Suốt buổi sáng mệt mỏi, rã rời. Một đêm kinh hoàng còn vương lại. A ha ta còn sống, còn sống.

Đến tối lại dắt lính đi kích. Xuống đồi mang thân ngựa gầy. *Đồi Cao, Tháp Mẹ đìu hiu. Người đi lần ấy bóng chiều thướt tha.* Dắt lính về kích tại một ngôi làng tình nghi. Suốt đêm không chợp mắt. Chiếc trực thăng Mỹ cứ lờn vờn trên đầu rọi xuống đèn pha. Rủi mấy cha trên phi cơ, ngứa tay nhả một tràn rocket thì có nước chết. Vội gọi C-25 về yếu khu, xin can thiệp nếu có chuyện gì chúng mày chịu trách nhiệm. Ta đi kích nằm bờ nằm bụi để chúng mày yên thân, ít nhất chúng mầy phải lo cho ta. Suốt đêm hôm ấy cứ hai, ba tiếng chiếc trực thăng lại lờn vờn đến. Nằm trên poncho làm bộ khoát tay. Tao là bạn chứ không phải VC đâu. Mày thương tao. Trong C-25, dồn dập tiếng kêu cứu. Địch xung phong, xung phong

nhiều lắm. Hãy bắn trái sáng ở toạ độ… Lại đánh nhau tơi bời. Nha Trang gọi Sinh Trung. Hà Nội gọi Sinh Trung. Tôi nghe chúng hét hò cách đây một trăm thước. Nhờ anh cho soi sáng.

Tôi nằm trên poncho. Con trăng lưỡi liềm hiền hậu và cô đơn. Những giọt sương lóng lánh trên ngọn lá và điểm sáng của con đom đóm dập dìu. Tất cả đều quen thuộc với thằng lính thám kích. Tất cả đều vỗ về trong tâm hồn cô đơn của tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy già. Sờ tay lên mép cằm tìm những sợi râu lởm chơm. Ước gì mình nằm đây ngủ thật ngon lành. Quỳnh ơi, đêm nay dài lắm.

Ngày 7 tháng 5.

Lại một ngày cơm nóng và hai ngày lương khô. Mục tiêu là ấp T.M thuộc quận Tuy Phước. Đi bộ ròng rã, chả gặp một mống. Trung đội mình bắt thanh niên trốn quân dịch, về nhà làm ruộng. Người vợ mới cưới ôm chân chồng khóc ròng. Tội nghiệp. Nghỉ trưa tại ngôi nhà ngói. Bà già than dạo này cà-nông bắn dữ quá. Tất cả đều quen thuộc. Đều là sợ hãi, chết chóc, căm thù và nước mắt. Chẳng còn gì. Chân đã qua bao mảnh đất, xóm làng, chưa lần nào dừng lại để khỏi nhớ đến những trái xoài đầu mùa và những con kiến đỏ bò trên thân cây. Người đàn bà xanh xao, hình như vừa sinh, mếu máo xin mình. Thiếu uý, tôi lạy thiếu uý, tha cho chồng tôi. Ảnh chỉ còn mẹ già. Rồi buổi chiều, vượt sông lên đồi. Hai chân rã rời. Dạo này cảm thấy thấm mệt rồi. Thương mấy thằng lính dù sao bọn nó là những người chịu khốn khổ nhiều nhất.

Ngày 13 tháng 5

Tôi viết những dòng chữ này sau bốn ngày được nằm quân y viện lần thứ hai. Tôi không còn gì để nói, để làm, để thấy, để nghe, bởi lần này tôi đã chạm vào bức tường biên giới. Biên giới đó, tôi không dám nói ra và tất cả ai cũng không dám nghĩ đến. Tại sao tôi còn run rẩy để nghĩ đến đó. Bây giờ tôi thất thơ, thất thểu như con chó, có khi như thằng điên, có khi như thằng hề khốn khổ.Lạy Trời, cho tôi đừng nghĩ nữa Nai ơi, cho tao đừng nghĩ đến mày nữa. Đó, thân thể trần truồng đang hấp hối trên giường nệm trắng, đôi mắt mở nửa trừng, trợn trắng, đầu bị băng kín. Tụi nó chém trên đầu mầy, đau không Nai. Nai ơi, đừng nhìn tao nữa. Tao đau lòng lắm. Bởi dù sao tao cũng chịu trách nhiệm một phần, bởi dù sao tao cũng là trung đội trưởng, cũng có quyền, cũng gọi C-25 kêu cứu. Tao đang rưng nước mắt đây, Nai. Sao mày nằm yên thế. Cứ nằm thoi thóp ba ngày trời rồi, cứ đái ra máu, cứ chuyền từng bính sérum. Không ai đến thăm mày, sao. Ôi lính lại bị hắt hủi thế kia, sao?

Xin tha lỗi cho tôi. Tôi không còn đủ sáng suốt để sáng tạo câu văn, ý lạ. Tôi đang nằm trong quân y viện đây. Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm. Lính của tôi nằm nhiều trong đó. Hai thằng đã nằm ở nhà Vĩnh biệt. Trời, tôi xin, tôi xin. Ngày hôm đó, ngày 9-5 thì phải. Mặt trời thì gay gắt. Chỉ có mặt trời mới thấy bọn tôi. Tôi nằm trong bụi, mặt dầm dề máu và mảnh lựu đạn, đít mông cũng vậy. Tôi, lần đầu tiên, niệm: *Nam mô Quan thế âm Bồ tát, cứu nạn cứu khổ*... hàng trăm lần. Nhìn mặt trời. Cho con sống. Sống. Sống. Tôi vùng dậy chạy. Đạn bắn dưới chân. Tôi lộn nhào. Chạy. Chạy. Đạn rít trên đầu, tôi nhào xuống bờ suối. Đạn đuổi theo. Nó canh kỹ. Ló đầu ra. Tắc, bùm. Thụt đầu vào. Chạy, lăn. Tội nghiệp thân

thể mày chưa, Thư ốm yếu thế kia. Cha mẹ nâng niu thế kia, bây giờ vùng vẫy, bò, chui từng đám bụi, bò hai chân, hai tay. Bò ngửa. Bò sấp. Ngọn cây vừa xê xịch. Tắc bùm. Đ.M. Chó đẻ. Mày giết tao. Mày hả dạ lắm sao. Tao còn viên đạn cuối cùng đây. Tự tử.

Trung đội tôi mất hết hàng ngũ khi chúng ném hai trái lựu đạn từ dưới khe đá lên. Trái đầu, Mễ bị thương. Lúc đó bọn tôi đã chiếm được mục tiêu. Mục tiêu là hầm đá và vô số khe. Lúc đó chín giờ ba mươi sáng. Bọn nó đợi chúng tôi lên ngay trên hầm, đứng trên bờ đá, mới nổ súng và ném lựu đạn. Đại Bàng và ban chỉ huy ở dưới núi. Chính tôi không ngờ họ đông thế. Chúng tôi cứ ném lựu đạn và bắn súng M-16. Chẳng ăn thua gì. Ném lựu đạn may ra giết được. Chứ bắn thì bắn vào bờ đá. Tôi không ngờ trận giặc chó đẻ như vậy. Tình báo cho biết mười, mười lăm mạng. Chỉ việc đến đó, ném lựu đạn cay rồi thanh toán như mọi lần.

Khi bọn tôi lên, không một tiếng động. Toán đi đầu đã đến bờ đá. Thằng truyền tin bỗng la: Hưng bị bắn chết rồi. Th. bị thương. Tôi cho cá tổ bố trí trên bờ đá. Có tiếng súng vút qua đầu. Lựu đạn ném xuống. Súng bắn xối xả. Lại có tin: Thiếu uý Ch. ở trung đội Một bị bắn tử thương. Các tin dồn dập, dồn dập bay về. Bỗng một trái ở dưới hầm, ngay chỗ tôi, thằng mang máy C-25 và hai ba thằng nữa đứng được quăng lên, tôi bị tung lên cao rồi té nhào xuống vực. Máu ở mệng, mũi trào ra. Tôi quị xuống. Có tiếng la: Thiếu uý bị chết rồi. Tôi hét: Rút xuống mau lên. Tôi mò trong bụi gai, bụi dứa, té lăn trên đá. Lính đã đi đâu hết. Chạy. Chạy. Tôi không thể chạy. Tôi quị, nhưng bò về hướng trái, nằm trong bụi rồi xỉu.

Khi tỉnh dậy thì trời nắng ghê gớm. Mặt trời nằm giữa

bầu trời trắng xám. Tiếng tắc bùm vẫn nổi lên đều đều, xé tan vẻ hiu quạnh của thung lũng K.S. Tôi chỉ nằm chờ. Bên tôi không một mô đất. Tôi nằm trong bụi, nằm yên. Một cành cây vửa xê xịch, là tiếng tắc bùm vút qua. Chúng tôi bị vây. S.O.S. Không ai cứu trừ viên đạn cuối cùng sẽ bắn vào con tim, sẽ kê vào bộ óc. S.O.S. Không ai cứu tôi với. Đ.M, bọn mày. Trước khi nằm xuống, ta cũng lên trên miệng hầm, cũng nã từng loạt đạn, cũng ném vào từng quả lựu đạn. Buổi trưa, ai làm chứng nhân. Đại Bàng ở giữa, đang mắc nạn. Địch ra xung phong, đòi bắt sống… Không còn tin tức. Tôi nằm xỉu, khát khô cổ họng. Những ngọn núi trọc vây quanh, rùng rợn. Tôi nghe súng rít từ bốn phía. Thôi rồi, một chuẩn uý khoá 24, đến đây là hết sao. Tôi nằm ngửa. Hai chân đạp bụi gai, mở đường. Tay kéo khẩu M-16. Tôi lên đến mô đất cao và tìm thấy bốn năm thằng lính đang nằm trong đó.

Đại Bàng bị thương.

Tôi nghĩ đến ngày đôi mắt ngủ như đứa trẻ thơ. Mẹ tôi, tóc trắng như bông lau, đang chờ tôi ở cánh cổng trên cao. Cha tôi. Quỳnh. Đó, sao Quỳnh không thương chú. Chú không ghét Quỳnh đâu. Bao giờ chú cũng cầu nguyện cho Quỳnh. Nếu chú ra đi, chú không ân hận. Chú chỉ buồn là chưa giúp đỡ gì cho gia đình, thì chú lại làm mọi người đau buồn. Tôi không muốn nghĩ nữa. Tôi biết viết sao bây giờ. Anh Hảo ơi. Hai đứa mình mới thay cửa, đổi hướng. Hai đứa đã cười ha hả nói rằng năm nay thế nào cũng có vợ… Bây giờ anh lại ra đi, chưa kịp nằm một đêm trong căn phòng vừa sửa sang lại.

Tôi xin lỗi. Mỗi ngày tôi lê thân trong Quân y viện tìm mỗi thằng lính bị thương. Bọn nó cũng chết nhiều lắm. Mình đã rửa mối hận phần nào. Tôi xin lỗi, mấy tháng

trời mang nặng trên áo hai chiến thương, cho tôi có sức. Tôi đuối quá rồi. Tôi đuối quá rồi.

Anh Chấn ơi – Cả Qui Nhơn biết anh hết. Ngồi nghe họ nói nhiều về anh, nhớ anh rưng rưng nước mắt. Làm sao tôi quên, anh mặc đồ rằn, vác trên vai thằng lính bị thương, chạy như bay. Sau đó, bọn tôi đứng trên miệng hầm trên cao, nhìn rõ ràng anh té xuống, hai tay buông ra và nằm sấp. Thiếu uý Chấn chết. Thiếu uý Chấn chết. Tội nghiệp, một vợ năm con và cả dũng khí còn vang trên đất Kỳ sơn. Tôi thì quá hèn. Hèn. Đến thằng truyền tin, bị thương ở chân và tay, không lết nữa, tôi cũng chả khiêng được, như lời kêu cứu của nó vào buổi trưa địa ngục. Tôi khóc: Tao thương mày quá, Hường ơi, rán bò sau bụi, lết đi… Tao cũng bị thương, xích ra bị bắn. Mày nghĩ cho tao. Tiếng Hường rên: thì thiếu uý sai hai thằng cõng tôi. Tôi khóc: Mày xem, xung quanh đâu có ai. Luông bị thương. Phong bị thương, tao nữa. Mày thương tao… Tao ra thì bị bắn. Nó canh sẵn…

Đ.M. Thiếu uý!

Tôi úp mặt vào đất sỏi, khóc như đứa trẻ.

Khi nhận attachment từ anh PVN chuyển để bắt tay vào việc in ấn, tôi rất ngạc nhiên không ngờ anh em trong nhóm chủ trương đã âm thầm sưu tập bài văn cũ của mình và đã đi nguyên toàn bộ, kể cả lời giới thiệu của Văn trên đầu bài cách đây gần 40 năm. Đọc lại mà lòng như rưng rưng. Tuổi trẻ VN trong chiến tranh là thế. Và, có lẽ mỗi người còn sống đến bây giờ là cả một sự mầu nhiệm, nếu không nói là phép lạ.Xin cám ơn bằng hữu.

(THT đọc lại và viết về truyện của mình sau 40 năm. Tháng 9-2006)

NGUYỄN LỆ UYÊN

Nơi Không Chỉ Có Khói Núi

Hai đứa trẻ đứng thập thò ngoài cổng, bộ dạng rụt rè. Đứa con trai chân đất mặc quần cộc, áo ngắn tay màu đất, tiệp với đôi chân mốc cời. Đứa con gái mang dép nhựa, quần đen hụt lên trên mắt cá chân, tóc hoe rối nùi, trên tay xách bịch ni lông màu đen, không rõ đựng thứ gì. Trực ngồi trên chiếc đẩu gỗ mộc sần sùi, nửa muốn chạy ra mở cánh cổng ghép bằng những cây chà rang, nửa muốn ngồi miết để quan sát điệu bộ lóng ngóng của chúng. Cả hai có vẻ chịu đựng, chờ đợi sự lên tiếng của các cô giáo trong căn nhà tập thể.

Qua khung cửa bằng những vạt cây cắm sâu vào vách đất, thân thể hai đứa bé bị vạch từng đoạn gãy khúc, mờ mờ trong màn sương núi đặc lềnh, lung linh, hư ảo trước vạt núi màu xanh phía xa bắt đầu co lại, nhòe nhoẹt lớp khói trắng quấn thít, từ từ như người ta kéo tấm vải mỏng phủ trên đồi cỏ hoang. Khúc sông trước mặt cũng đục lềnh lớp khói trắng sà thấp sát mặt nước. Khói núi tuôn xuống xuôi theo gió cuối ngày lúc mỗi dày thêm, lạnh ngắt.

Hai đứa nhỏ chắc thấm lạnh, Trực nghĩ và đứng dậy quơ đôi dép dưới gậm bàn bước ra sân.

Thấy Trực, đứa con trai dịch nép sau lưng chị. Cánh cổng kéo qua bên, ngã nhoài về phía sân. Trực nói:

-Các em vào nhà, kẻo lạnh.

Đứa con gái bối rối chuyền chiếc túi từ tay này sang tay kia, lí nhí:

-Má em… má em biểu mang cho cô… – nói và đặt

chiếc túi đen xuống thảm cỏ và chạy ngược ra hướng bờ sông. Đứa con trai lúp xúp chạy theo sau, thỉnh thoảng ngoái lại ngó về phía Trực. Bóng của chúng lượn trên đồi cỏ rồi nhòa dần trong lớp sương trắng ở đoạn những ruộng bắp bạt ngàn. Trực chưa hề biết chúng, có lẽ là học sinh của lớp Thẩm hay Diệp, Trực đoán vậy.

Trực quay vào nhà, quành xuống sau chái bếp xách theo bọc cá hai đứa học trò nhỏ mang biếu, đổ ra chiếc rổ nhựa. Một vài con quẫy mình hay cố nhoi chiếc đầu nhỏ lên trên những con khác. Đó là những con cá lúi, cá mương vảy bạc lấp lánh, dài như phần đầu sơ chiếc đũa bếp, có lẽ người nhà của chúng quây lưới trong các tum hay đánh dẹp bên những con suối.

Trực ngồi trên chiếc đòn kê đổ rổ cá vào thau thì Thẩm và Diệp từ phía rẫy trồng sắn sau trường trở về, khiêng theo bó củi khô dựng bên đầu hồi. Thẩm hỏi gì thế? Trực nói cá của học trò mang biếu, không rõ học trò của cô nào. Thẩm thọc gáo dừa vào lu múc nước rửa tay vừa liếc nhìn thau cá lầm bẩm: cá lúi nướng dầm mắm ngò thì không còn gì bằng. Tiếc rằng bọn mình không phải là đàn ông con trai để có thể nhấm nháp chút rượu trong buổi chiều trắng khói núi như thế này. Diệp đứng cạnh đang kéo ống quần để lộ bắp chân tròn trắng, xì một tiếng dài, bảo: nhìn những con cá nằm trong dĩa mắm ớt tỏi mấy bà không cảm thương thân phận đàn bà con gái tụi mình sao. Trắng phau thế mà phơi chình ình trên dĩa đợi người ta thọc đũa vào ngoáy. Bà nào cũng chuẩn bị tới cột số "băm" hết trơn trọi rồi còn thú nỗi gì? Thẩm hứ đánh cốc "nói xàm" rồi quày quã bước vào nhà. Diệp đứng xớ rớ một lúc, không nghe Trực nói gì, khum người chui qua hàng rào thưa khóa cửa các phòng học. Trực

rửa sạch sẽ những con cá cuối cùng cũng vừa lúc ý nghĩ tòe ra, đụng cột số "băm" Diệu nói. Chưa biết có xàm thiệt hay không, nhưng bốn năm rồi cứ bám riết nơi núi cao suối sâu này, đôi lúc cũng tủi lòng. Nhan sắc không biết phô bày với ai. Những người dân miền núi chân chất thiệt thà, luôn nghĩ ba cô giáo là những con người chỉ cách thần núi thần sông một sải tay, đám thanh niên thì luôn nhìn họ ở một khoảng cách xa, nên son phấn cũng trở nên ngượng ngịu trên đôi gò má xàm xạm lỗ chân lông. Hiếm hoi lắm mới nhìn thấy vài người đàn ông thồ hàng từ xuôi lên đổi các loại nông thổ sản cho đồng bào rồi ào trở về như thể chốn này là nơi ma thiêng nước độc không nên qua đêm… Sự xuất hiện đột ngột và ra đi cũng đột ngột đôi lúc gợi nhớ những mẫu tình vụn vặt thời học trò: nói vài câu vu vơ góc sân trường, khẽ chạm tay nhau những đêm diễn văn nghệ hay ngồi bên ly nước góc phố… dường như không đủ sức để hạt mầy chút mầm xanh yêu đương. Thỉnh thoảng Trực bật cười một mình, nụ cười giống hệt nồi cá kho bốc mùi sả, ớt và thứ mùi nặng trịch lưu cửu. Đó là những con cá trâu, cá nhét cong khum lại như cố chịu đựng sức nóng từ đáy xoong vồng lên, đến khi, như không còn sức chịu đựng, chúng cứ ùng ục giống tiếng rên khẽ.

Ba cô giáo thường xuyên dùng món ăn này và mỗi khi ngửi mùi cá kho, Diệp nhăn mặt kêu giống y chang cái mùi con gái ẩm mốc. Thẩm lừ mắt, thì bà cuốn xéo về thành phố đi. Việc gì giam giữ thân gái trinh nơi hóc núi này. Diệp buông đũa cười ha hả, khéo xúi dại, có nước đi bán bia ôm. Mà nghề bia ôm nay chỉ toàn các em mười chín hai mươi, làm gì có chỗ cho thứ gái già này… Diệp kéo dài mấy chữ cuối câu và khóc òa, chén cơm và

đôi đũa trên tay thiếu chút nữa là rơi xoảng xuống nền đất ẩm. Trực dùng đùa gõ lên thành xoong, các bà ăn nói cẩn thận, chớ quá bi lụy… rồi buông đũa quẹt nước mắt trước tiên. Mâm cơm chiều trở nên lạnh ngắt. Con mèo mướp ngồi chồm hổm liếc nhìn các bà chủ không hiểu cớ sự, kêu mấy tiếng meo meo rồi bỏ đi nơi khác. Thời gian cứ lếch thếch bay qua đầu ba cô giáo bằng những chuyện không đâu như vậy, thỉnh thoảng nó như chiếc kềm nhéo nhẹ vào da thịt, không trầy xước nhưng cũng gợn nhói lên chút đau tê.

Trực bưng rổ cá vào bếp, kẹp chúng nằm sắp hàng trên chiếc kẹp tre và mang vào bếp cời than hơ lửa. Trực định bụng chỉ cần nướng sương rồi hong khói theo cách mà Trực học được dưới chợ thị trấn, ai muốn ăn gì tự chế biến. Mùi cá nướng bắt đầu bay tỏa ra thơm phức khiến Trực nghĩ ngay đến chuyện những cọng ngò màu xanh cuộn quấn lợn cợn màu ớt đỏ quanh những con cá nướng và Thẩm và Diệp. Trực lên gian trên mang theo mùi cá nướng đậm đặc trong buổi hoàng hôn tràn khí núi lạnh. Căn phòng vắng hoe, không rõ hai đứa đi đằng nào vẫn chưa về?

Gian nhà tối dần, khói núi len vào tận bếp, lạnh. Trực quay xuống cời than, vần nồi cơm rồi đứng lên dựa vào phên cửa nhóng sang phía bờ sông. Vẫn chưa thấy bóng Thẩm và Diệp ở đoạn bến nước. Nhớ những hôm trời lạnh dữ, nửa khuya Diệp cong người rúc mũi vào ngực Trực, tiện tay mở cúc áo vân vê đầu vú, kích động cho nó căng cứng lên. Lúc đầu Trực cảm thấy nhột nhạt, giận, nhưng rồi những cảm giác mới lạ, khó tả làm Trực tê rúm cả người và mệt nhoài trong giấc ngủ chập chờn với những giấc mơ về sự đụng chạm thịt da căng phồng

niềm phấn kích bóng nhẫy. Sáng dậy Trực nghiêm mặt: tối nay bà Diệp nên ngủ riêng. Diệp nhăn nhó: trời lạnh thế này tôi đến chết cóng mất. Thẩm lê chiếc chổi trên nền đất: cô Trực không nên gây mất đoàn kết. Sướng khổ có nhau, chuyền chút hơi ấm cho nhau đâu mất mát gì mà la nguây ngẩy, cứ như con Diệp hãm hiếp bà không bằng.Trực như không nghe thấy, vục mặt xuống thau nước pha nóng, dùng chiếc khăn ấp nước lên mặt như thể che lấp sự xấu hổ, lơ mơ nghe tiếng nói xa gần nửa bỡn cợt hờn dỗi, nửa trách móc. Lúc vắt chiếc khăn mặt lên sợi mây phơi căng ngang trước đầu hồi, Thẩm đi xuống dựng chiếc chổi ở chái phên, tiện tay nhéo nhẹ vào hông Trực. Bà mà giả bộ. Tôi nằm nghe bà rên ư ử như con mèo cái trong mùa động dục. Trực đỏ mặt bỏ ra giếng tìm chiếc gàu, không trả lời, không phân giải; chỉ thấy nóng bừng trên hai vành tai, tê cay nơi sống mũi.

Lúc cây đèn dầu đốt lên, hắt bóng mình chao lượn trên vách đất, Trực bắt đầu sốt ruột. Trời cứ tối dần. Dãy núi phía xa chỉ còn là khối đen thẫm trong màn đêm. Sự lo lắng pha chút sợ hãi khiến bóng đêm trở nên dữ dội hơn. Trực nghĩ ngay đến sự cố tưởng tượng ban chiều, mở một nụ cười như mếu. Nụ cười ngay chính Trực không nhìn thấy. Nụ cười cô đơn chúc đậu trên đôi môi lạnh. Lạnh như từ chỗ ở này từ ngôi trường này vào tới làng xa hụt bước chân trong bóng tối nhập nhòa để có thể lang thang nhìn những quầng đèn sáng hắt ra từ những căn nhà sàn, từ mùi chua ngai ngái bã hèm, mùi phân gia súc vung vãi trên nền đất, đầy ắp sự êm đềm, ấm cúng hơn căn nhà và ngôi trường đứng biệt lập trên dãy đồi hướng ra phía bờ sông.

Đang loay hoay với mớ ý nghĩ lộn xộn thì từ bến nước có

tiếng hú gọi đò. Trực đứng bật lên, nhóng cổ nhìn về phía bến tối u u. Lại nghĩ, thôi kệ. Chừng nào chúng về thì về, hơi đâu rồi quay vào nhà, ngồi tì tay vào chiếc bàn gỗ mộc nhưng mắt vẫn nhóng qua ô cửa sổ lệch. Con mèo mướp nhảy tọt lên lòng Trực, dúi chiếc đầu cọ cọ vào bụng kêu meo meo có vẻ như vỗ về, an ủi cô chủ: thôi chị đừng buồn, sơm muộn gì hai chị ấy cũng về… Trực vuốt lên lưng nó. Lớp lông mềm mượt như tơ gây chút cảm giác ấm áp tẻ muộn.

Con mướp đang nằm im bỗng dưng nhảy khỏi lòng Trực, phóng vút qua ô cửa cùng với những tiếng meo meo lướt nhẹ trong đêm và mất hút đâu đó. Lát sau nó lại cất tiếng nghe xa ở phía góc sân trường, trên lối mòn dẫn ra bờ sông, lúc mỗi rõ dần cùng với hai khối đen nhấp nhô di động. Trực vặn to ngọn đèn dầu, nhoài người ra khung cửa. Thẩm và Diệp đã về. Hú hồn, Trực kêu lên nho nhỏ và chạy ào ra như một đứa bé chờ mẹ đi chợ về quá lâu. Nếu như mắt lúc này nhòe ướt thì Trực là con bé con thực. Hai chiếc bóng đen rõ dần. Trực dịch cánh cổng và căng mắt thật to như thể thu hết hai người bạn đồng môn vào sâu trong đồng tử. Bóng hai người ngã chúi về phía con dốc ngược lên nhà. Trực nói vọng ra:

-Hai bà đi đâu dữ thế?

-Qua bên nhà Ama Bơk coi có tin tức, công văn gì từ Phòng gửi lên không?

Lúc cả ba bước hẳn vào nhà, Trực hỏi:

-Không có tin vui?

-Không – Thẩm đáp cụt lủn và với tay lên giá gỗ rót đầy cốc nước uống ực một hơi, trong khi Diệu nằm ngã lên giường, giang rộng chân tay như kẻ bị câu móc.

Trực hiểu tiếng "không" của Thẩm khi nhìn thấy cô nàng

đang đung đưa kẽo kẹt chiếc võng gai mắc giữa hai cây cột. Tiếng "không" mỏi mệt rớt gọn xuống nền đất với dài theo sự chờ đợi, hy vọng mỏi mòn ngày về thành phố. Tờ giấy cam kết phục vụ miền núi ba năm càng lúc càng giống hình ảnh bà mẹ đi chợ dưới con mắt trẻ thơ, khiến mỗi khi chạm nhẹ vào nó cả ba cứ loay hoay vừa lo lắng sợ hãi vừa tìm cách tự an ủi, rồi ngó vào mặt nhìn nhau như mếu.

Tiếng đập bèm bẹp. Đập muỗi. Trực ngoái lại:

-Ăn chút gì chớ?

-Thôi tao mệt, mai ăn luôn thể.

Trực ái ngại leo lên giường buông mùng, khẽ khàng nằm xuống cạnh Diệu. Tiếng võng vẫn đu đưa kẽo kẹt, đều đều.

Cái lạnh từ những khối đá vô tri tận rừng núi sâu bắt đầu len tận vào vạt giường. Trực cong người lại ôm riết lấy Diệu, chờ hơi ấm từ người nó chuyền qua…

**

Cuối buổi học, Thẩm cho học sinh tập hợp trước cột cờ căn dặn: ngày mai có các thầy cô trên tỉnh về thăm chúng ta. Nhớ ăn mặc thiệt đẹp, nhất là nói các bạn còn đang nghỉ ngày mai phải đi đông đủ, sẽ có thưởng.

Thẩm nói dứt câu, có tiếng lao nhao "thưởng, thưởng" nổi lên dưới sân khiến cô giật mình với lối nói dối vốn dĩ cô rất ghét. Thẩm dáo dác nhìn chúng rồi tự trấn an "chẳng qua là bản năng tự nhiên của con người trong những hoàn cảnh thúc bách" và bật cười. Ờ có thưởng, nhưng chưa biết thưởng gì. Các em về nhắn lại với bạn, nhớ đi học thật đông đủ.

Thẩm cho giải tán. Đám học trò miền núi ùa chạy xuống

chân đồi như đàn ong vỡ tổ. Những bàn chân đen đủi lướt trên đường đất, trên những vạt cỏ xanh rờn rồi tản dần qua các ngả đường, khuất lấp trong những cây rừng còn sót lại bên vệ đường, nhấp nhô bên các ruộng mía, đồi cỏ… Sân trường phút chốc vắng hoe, chỉ nghe thoang thoảng mùi khét nắng, mùi cây rừng bị đốt cháy, mùi lông bò bay vờn quanh chỗ các cô giáo đứng. Nét mặt Thẩm có chút tươi. Trực và Diệu cũng vậy khi mường tượng ngày mai ngôi trường ít còn ai nhớ đến này sẽ được Sở được Phòng về thăm. Chưa biết thăm gì, nói gì nhưng dường như có chút niềm vui len lén mơn man, vuốt ve đầu óc ba người đông đặc sương núi này.

Thẩm, Trực, Diệu lục đục cả đêm không ngủ với mớ tâm trạng mừng lo trộn lẫn. Cả ba ngóng chờ lãnh đạo về thăm trường ngày mai như thể chính phái đoàn này sẽ mang đến cho ba cô hơi hớm phố phường, văn minh đô thị, sự sôi nổi ồn ào của tuổi trẻ thành phố, sự rạo rực của con tim chưa định hình.

Sáng ra, ba cô giáo ngồi ba góc. Chính giữa bàn là đống son phấn ngổn ngang. Những món đồ trang điểm hình như cũng lây niềm vui vơi các cô chủ. Hiếm hoi lắm chúng mới được tập trung đầy đủ trên mặt bàn để nhìn mặt nhau, được những bàn tay thon mềm chạm khẽ vào vuốt ve, nâng niu, chuyền sang hơi ấm và niềm hạnh phúc nở xòe như nhnữg cánh hoa dại mọc tràn trên khoảng sân cỏ trước nhà.

Ngày thứ hai chúng lại được các chủ nhân kéo dựng dậy thật sớm, nhưng niềm vui tựa như vết cào xước trên bức cổ họa, có chút gì gần như sự chịu đựng quá sức trong vẻ mặt của ba người.

Ngày thứ ba, không còn là sự nâng niu, nhẹ nhàng, trân

trọng. Chúng được lôi ra và vất lăn lóc trên bàn. Thê thảm hơn là không ai buồn động đến, chỉ nghe những tiếng thở sượt dài.

Thẩm là người đầu tiên ném chiếc lược đang cầm trên tay, văng đụng vào lọ nước hoa Chanel, đụng tiếp vào hộp kem Bioré, xoãi ngang gần sát với núm bông thoa phấn, gần thẳng góc với chiếc bút chì tô mắt.

-Tao không còn đủ sức để nói dối với học trò được nữa. Ngày nào cũng chầu chực. Ngày nào cũng ngóng dài cổ về phía bến nước như chờ ngọn lửa đêm giá rét…

Diệu ôn tồn:

-Bà đừng làm ồn lên. Có khi bị trục trặc gì đó biết đâu chừng!

-Trục trặc gì thì cũng phải báo.

-Ai báo cho bà?

-Bộ mày tưởng đây là khu chợ xổm sao? Một ngôi trường hẳn hoi, có tên trong danh sách, có giáo viên đứng lớp, có học sinh, phụ huynh…

Trực gom hết những món đồ trang điểm cho vào tủ, nói giọng cầu hòa.

-Đến giờ lên lớp. Thôi hẵng chờ một bữa nữa. Cứ theo triết lý dân gian "bất quá tam"… Trực nói và ôm tập giáo án bước qua trường trước tiên.

Câu nói của Thẩm và hình ảnh đám học trò cứ lởn vởn mãi trong đầu Trực suốt cả buổi, tựa hồ mũi kim nhọn hoang mang mỗi khi chúc đầu găm sợi chỉ vào tà áo sút. Mũi kim lúc một cồn cào, sôi réo hơn khi mà buổi chiều sắp tắt, những vị khách vẫn biệt dạng sau những dãy đồi, đám học sinh nhấp nhổm đưa mắt nhìn nhau, len lén nhìn về phía cô giáo lòng đang rối bời hết ngồi xuống ghế lại đứng lên bước ra cửa, quay lại… như thể đang tìm kiếm

vật rơi quý báu.
Ngôi trường vắng lặng cùng với chút nắng chiều sót lại trên chỏm cây cao trước cổng. Cả ba mặt mũi héo xàu chẳng khác cọng hành vớt ra từ xoong nước sôi. Thẩm quăng xạch tập giáo án lên bàn:
-Thế này thì quá thể, không còn chịu nổi nữa.
Diệu chun mũi:
-Thôi bà ơi, từ tỉnh về tới đây ngót nghét bảy chục cây số. Bộ bà nghĩ những đôi chân mịn màng, những giày vớ bóng lộn có thể chịu đựng nổi như lũ mình sao?
-Còn tụi mình, những bốn năm ròng rã thì là cái gì, hả?
-Bà bớt giọng đay nghiến kiểu đó đi. Ai bắt lên? Cả ba đều làm đơn tình nguyện hẳn hoi mà? Thôi họ không về thì đỡ phải nhọc công đón tiếp, phân giải. Kẹt là không biết phải ăn nói sao với đám học trò và cha mẹ chúng để có thể hiểu ra vấn đề.
-Chẳng có vấn đề gì ráo trọi. Vấn đề là ngày mai tao sẽ xuống chỗ ông Hào hỏi cho ra lẽ.
-Oi chào chuyện vặt – Trực kêu lên, vừa nghe tiếng mở cúc áo của Thẩm giật bừng bựt kiểu bắn bông vải của các bà mẹ thuở xa xưa. Câu nói của Trực như để khỏa lấp cơn bực bội vô hình đang ào ạt dâng lên như nước lũ vây quấn cả ba người, như cố lăn tảng đá lấp kín miệng núi lửa trong lòng Thẩm đang chực phun trào. Những hoang mang a tòng với cái lạnh buốt về đêm khiến Trực cứ lăn trở trên giường như người bị chứng đau khớp hành hạ.
Giấc ngủ chập chờn ngắc ngoải của Trực, sự mỏi mệt của Diệu khựng lại lúc về sáng, khi cả hai nhìn thấy mảnh giấy đặt dưới lọ hoa sành cắm đầy bông hoa dại hái quanh nhà tập thể. “Tao đi gặp ông Hào đây. Chiều

về sớm".
Diệu liếc nhìn tờ giấy, bĩu môi:
-Đồ khùng.
Nét chữ nguệch ngoạc, ngã chúi về phía trước dễ gây sự tưởng tượng về một Thẩm đang nhoài người trên những con dốc, bờ đá kéo lăn theo nỗi bực bội tìm ẩn lâu nay trong người nó. Cũng may Thẩm chỉ mới chúi người chứ chưa vấp ngã. Không hiểu lần này nó có té lăn xuống chân dốc không…
Lớp học như mọi ngày, vẫn thưa thớt không bao giờ đông đủ sĩ số.
Trực và Diệu thay nhau chạy qua chạy lại lớp của Thẩm. Những đứa học trò nhanh nhẹn tháo vát trên nương rẫy giờ ngồi trong lớp giống như những con chim bị nhốt trong lồng, ngơ ngác nhìn hai cô giáo.

**

Trưởng thôn Ama Bơk là người đến trước tiên. Ông ngồi dạng chân trên chiếc ghế đẩu khuyết một mảng chỗ tựa lưng, phì phèo điếu thuốc sâu kèn to bằng ngón tay cái, bốc mùi khét lẹt. Một lúc sau ba bốn người nữa cùng đến ngồi trên chiếc băng dài, hết ngó lên kèo nhà lại cúi xuống phun nước bọt phèn phẹt trên nền đất. Gian nhà đầy khói thuốc và mùi đàn ông. Họ còn mang theo mùi núi rừng, nương rẫy và nắng và khói lạnh tràn kín gian nhà với những đôi mắt mở to thảng thốt. Diệu đầm đìa nước mắt vừa rót nước mời khách vừa lấy ống tay áo quẹt ngang. Trực lóng ngóng sau chái bếp um khói. Thẩm nằm vật trên giường ngăn đôi gian nhà bằng tấm phông màn vải hoa, tay giữ chặt chiếc túi xách căng

phồng như sợ ai đó giật đi mất. Chừng mươi đứa học trò đứng thấp thỏm ở hiên trường, mắt ngó chăm chăm về phía khu tập thể. Lúc Trực quay lên vừa thấy ông trưởng thôn dụi tắt điếu thuốc nhét phần còn lại vào túi áo. Ama Bớk hắng giọng:

-Khổ. Thiệt khổ – và khạc nhổ xuống nền đất.

Trực và Diệu ngồi ở đầu chiếc bàn dài đối diện với trưởng thôn và những người đàn ông khác.

-Mấy cô mang cái chữ lên cho tụi nó. Giờ mấy cô mang về thì cái đầu của lũ nó sạch trơn.

Diệu huých nhẹ cùi chỏ vào hông Trực, dùng ngón tay cào cào lên mặt bàn gỗ. Trực nói giọng thật nhỏ:

-Dạ… tụi cháu…

-Từ ngày có mấy cô về dạy cái chữ, dân làng mừng lắm. Tụi nhỏ biết được cái chữ, biết tính giạ lúa thùng bắp. Biết viết cái chữ cho dân làng vay tiền… Tụi tôi biết được chuyện này chuyện nọ… Bây giờ mấy cô bỏ đi… thì hết ai dám về! Mấy cô mang tuốt cái chữ của tụi nhỏ đi theo…

Có tiếng hít mũi nho nhỏ, không rõ của Thẩm nằm ở trong hay của Diệu. Trực lại lí nhí:

-Dạ…

Tiếng người đàn ông ngồi đầu băng ghế cất lên:

-Mấy đứa nhỏ có cái chữ bằng hột lúa, hột bắp. Tụi nó mang được cái chữ ra bờ ruộng, lên rẫy lớn bằng trái bầu trái bí… Rồi cái chữ đẻ ra bắp lai, đẻ ra con heo tốt con bò tốt đều có mấy cô… Giờ mấy cô bỏ hết chữ vào túi mang đi…

Nghe những thanh âm đều đều, đứt khúc, ngập ngừng cuộn theo yết hầu lên xuống của người đàn ông đen gầy ngồi trước mặt, như thể ông đang mắc nghẹn khúc sắn

luộc trong cổ họng khiến lòng Trực thắt lại, Diệu thì quay mặt đi chỗ khác và Thẩm bắt đầu sụt sùi nghe thật rõ trước khi vẹt tấm màn ngăn, bước ra với bộ dạng thảm não. Thẩm nhìn ông trưởng thôn, nhìn những người đàn ông màu da đồng hun, nước mắt ràn rụa:

-Tụi cháu không định… – Thẩm bỏ dở câu nói nửa chừng và nhìn qua ô cửa như gửi theo sự trách móc ở đuôi cặp mắt ướt tới một nơi chốn không thật rõ ràng.

Ông trưởng thôn đổi tư thế ngồi sau khi nghe câu nói lơ lửng của Thẩm và cho tay vào túi áo định lấy nửa điếu thuốc còn lại ra đốt. Nhưng ngón tay ông không chạm vào mẫu thuốc thừa mà dừng lại ngập ngừng bên mép túi, nhìn theo hướng nhìn của Thẩm và thở xì ra:

-Mùa bắp đang trổ cờ… trái bắp sẽ no tròn, không bị răng cưa vì các cô còn ở bên này bến nước với dân làng… – Giọng Ama Bơk có vẻ hoảng hốt thật sự.

Ông trưởng thôn còn nói nhiều nữa về rừng cây, về những đứa nhỏ, về con chữ nhưng dường như cả ba cô giáo không còn nghe thấy gì nữa. Trước mắt họ là những dãy núi xanh đậm nhô lên phía sau những ruộng bắp, những cánh đồng mía ngút ngàn kéo theo con sông nhỏ lượn quanh. Nhánh sông nhìn thấy từ bến nước sẽ hòa vào dòng sông lớn, dòng Krông Pa trôi xuôi ra biển, mang theo mùi hương núi rừng, mang theo giấc mơ khắc khoải, sự chờ mong của tuổi thanh xuân tròn bóng và sự khát khao thỉnh thoảng uốn lượn dập dờn theo tiếng đàn đinh goong chưa thoát ra khỏi nhánh sông trước mặt ngôi trường. Tiếng đàn ấy chưa bao giờ dành riêng cho ba cô giáo trẻ. Nó là cõi lòng riêng mở về một hướng khác, hướng mà các cô đang mơ tới và chưa hề được chạm nhẹ một cách ấm áp.

Nhưng giờ đây, khi ngoảnh lại trong khoảng cách nhìn gần, thấy những đứa học trò chân đất, chân tay mốc cời, đứng túm tụm bên kia sân trường nhìn sang ngơ ngác khiến các cô chạnh lòng. *Mấy cô mang hết cái chữ của tụi nhỏ đi theo*... những âm giọng đều đều giống mũi chỉ khâu vết thương hoác miệng, đau rát.

Những người đàn ông nói thêm mấy câu an ủi, động viên rồi đứng dậy bước xuống bậc thềm đá, nhấp nhô xa dần cuối dốc. Những đứa học trò nấn ná một lúc sau cũng tản dần về các hướng mà không nghe tiếng cười la hét như mọi khi.

Thẩm đứng lặng người nơi mép bàn. Diệu thì xoay xoay bình trà nóng trong tay như thể đó là điểm tựa trống trải của mùa gió núi hiu nhẹ đang đến thật gần. Trực nhìn hai người bạn trong nỗi co ro lạnh ngắt, buột miệng:

-Chốn này là của những đứa trẻ ấy, tao không chịu nổi những ánh mắt thất thần như bầy gà con lạc mẹ.

Câu nói dường như ngân ngấn chút nước mắt, nhòe những bóng người đàn ông đen đúa, những đứa trẻ đen đúa có những bước đi ngã chúi dưới con dốc.

(tháng 4 . 2006)

KHÊ KINH KHA

Hàng Phượng Vĩ

- Mưa lớn quá, làm sao em về lại trường được, chắc em

...
- Không sao em. Tôi cắt ngang câu nói của nàng. Anh sẽ đưa em về, và bảo đảm, em sẽ về đến nơi đến chốn an toàn, không bị xứt mẻ gì cả.
- Sao anh lúc nào cũng đùa được. Năm giờ rưỡi Bác em đến đón mà không thấy em...
Nàng bỏ lững câu nói của mình, nhìn lên chiếc đồng hồ treo trên tường, gần quày trả tiền.
-Chỉ mới hai giờ thôi, còn hơn ba giờ nữa. Em không trể đâu.
Tôi nói để trấn an nàng.
Ngoài trời mưa vẫn rơi. Sài Gòn có những cơn mưa bất chợt. Mưa đến không báo trước, đổ xuống xối xả, nước lênh láng khắp nơi. Nhưng có khi ngừng vội vả như lúc đến, nắng chan hòa trở lại, bầu trời dịu mát hơn.

Tôi quen nàng thật là tình cờ và "duyên nợ". Một hôm đi cùng thằng bạn thân, tên Thành, đến đón bồ của hắn tại trường nử trung học ở góc đường Võ Tánh. Ngôi trường nằm bên cạnh một nhà thờ lớn, trông nghiêm trang và kín đáo. Trường thật kín cổng cao tường, cứ như một tu viện cố xa lánh người đời, mà cũng hơi giống như một nhà tù nào đó. Trường bao bọc bởi một bức tường bằng bê tông cốt sắt, cao gấp hai đầu người, che kín không thấy gì bên trong sân trường cả. Trên đầu bờ tường có gắng đầy những mảnh ve chai nhọn. Có lẽ nhiều cô nữ sinh leo tường trốn học lắm đây? Tôi thầm nghĩ rồi mỉm cười bâng quơ .
Cổng trường còn đóng kín mít. Chưa đến giờ tan lớp mà trước cổng đã đầy bao chàng cây si. Cây mập, cây ốm, cây cao, cây lùn, và chắc chắn cũng có nhiều cây trốn

lính trong đó lắm. Nhìn vẻ mặt lấm la lấm lét mỗi khi có xe cảnh sát chạy ngang là tôi biết rồi. Nếu tôi là cảnh sát, chỉ cần đến những nơi như thế này thì thế nào cũng thâu quả được nhiều thành công hơn là chặn khám giấy tờ giữa đường.

Khi cổng trường mở ra, bao tà áo trắng như giòng nước chảy túa ra, những cây si ngưỡng cổ tìm hình dáng người mơ. Tôi cũng nhìn theo những mái tóc dài, tóc ngắn, tóc quăn; những ánh mắt lánh đen, những ánh mắt lơ láo, và những ánh mắt nhìn quanh xem có cây si nào đang chú ý đến mình không? Những vòng eo thon, và eo không thon.

-Hôm nay gió nào đưa anh Hùng đến làm cây si ở đây vậy nhỉ?

Loan, người yêu của Thành, vừa nói vừa cười.

-Người ta còn cô đơn vui tính mà. Thành hùa theo. Em có cô bạn nào hiền như ma sơ, hay sư tử Hà Đông cũng được, giới thiệu cho hắn đi.

Thành vừa nói vừa cười vừa vổ tay lên vai tôi như để an ủi sự "cô đơn" của tôi. Tôi chỉ biết cười trừ thôi. Vì tôi biết nếu mà cố đính chính hay bào chửa thì còn bị nhiều câu chọc quê khác nữa. Thành và Loan là số dách trong chiến trường chọc quê này. Hai người ăn rơ với nhau khủng khiếp, cứ như một đại ban nhạc hoà tấu, từng tiếng kèn, tiếng trống, tiếng đàn, rất ăn rơ và đúng cung vận. Lần nào chọc quê nhau, cuối cùng tôi cũng là người phải chịu thua cuộc và cười trừ. Chắc vì vậy mà tôi "luyện" được chiêu chưởng cười trừ chăng. Với lại người ta hay có câu nói đại khái là cười một tiếng, mọi việc tà tà ngay, nên tôi cứ thế mà áp dụng. Hôm đó thật sự Loan đã giới thiệu tôi với Phượng, bạn cùng lớp với

Loan.
- Anh Hùng, đây là Diễm Phượng, bạn thân cùng lớp của em. Cũng còn cô đơn và vui tính như anh. Chúc hai người trăm năm hạnh phúc nhé.
Nói xong Loan cười khanh khách, rồi nhảy lên yên xe honda của Thành đi mất. Lúc ấy tôi như người mất hồn. Tôi đã bị thu hút bởi đôi mắt đen tuyền của Phượng. Mắt của Phượng lánh đen và đẹp hơn mắt bồ câu. Mặc dù tôi chưa bao giờ bắt chim bồ câu để ngắm đôi mắt cuả chúng đẹp như thế nào, tôi chỉ có nhậu bồ câu rô-ti thôi. Tôi thật sự đã mê đôi mắt đó từ giây phút đâu tiên khi gặp nàng. Nàng còn có thêm mái tóc dài phủ cả bờ vai nhỏ bé. Tóc nàng không chẻ giữa như phần đông nhưng được cắt ngang vừa phủ trán, dài đủ chấm đến hàng chân mày đậm, làm cho đôi mắt to của nàng lại càng thấy to hơn.
Chiếc áo dài trắng nàng đang mặc ai cắt may mà dể thương không chịu nổi, nó ôm sát bờ vai và cánh tay nhỏ nhắn của nàng. Nơi vòng eo thì không thắt sát sợ quá lộ liễu, không buông thả quá sợ người chê, chỉ ôm vừa đủ để khoe vòng eo thon một cách duyên dáng lẫn tí thẹn thùng, như ngập ngừng nửa khoe nữa dấu vậy. Phượng có một làn da trắng như hoa lan. Với cái nắng Sàigòn mà có được một làn da như thế thì phải là người chỉ ở trong nhà suốt ngày hay có đi ra ngoài thì trùm đầu trùm cổ kín mít như Ấn Độ. Có lần tôi khen da nàng trắng đẹp như da của những người ở tù lâu năm. Phượng đã giận tôi hơn hai thế kỷ. Thật sự thì hơn hai tuần nhưng tôi tưởng như hơn hai thế kỷ. Nàng có vẻ thích thú trên sự đau khổ này của tôi khi tôi thú thật với nàng sau này. Thật tôi không hiểu nổi cô gái Hà Nội này, nàng chỉ vui

và thích thú trên sự đau khổ của tôi thôi. Đôi khi muốn nàng vui và cười tươi để tôi có dịp ngắm cái đồng tiền với chiếc răng nghiêng của nàng, tôi phải tìm cách chọc cho nàng giận, rồi than thở đau khổ nỉ non để được nàng cười. Có lần Phượng giận tôi hơn bốn thế kỷ. Tôi cứ như người mất trí. Ngồi đứng không yên. Bạn bè rũ đi uống cà phê cũng không màn. Thành với Loan được thế tha hồ chọc quê. Và dĩ nhiên trước cổng trường nử sinh này đã có thêm một cây si hoa lá um tùm. Cuối cùng tôi phải năng nỉ Loan giúp một tay thì mới thấy lại được nụ cười của Phượng. Một lần tôi hỏi Mẹ tôi tại sao gái Hà Nội ác thế, có thể giết người một cách dể dàng mà không cần súng ống. Mẹ tôi biết ngay là tôi đang bị một cô Bắc kỳ nào đây quay vòng vòng như con vụ, nên bà nói ngay: " Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Nha Trang, Sài Gòn, Long An, Vũng Tàu gì gì cũng vậy thôi, con mà gần lửa thì có ngày sẽ bị cháy đấy con ơi". Bà dừng lại để lấy hơi, châm điếu thuốc, vẻ suy nghĩ rồi tiếp: " Con nhớ đừng quên học, con phải thi đậu, nếu không thì bị đi nhập ngũ đánh giặc." Tôi không thích nói chuyện chiến tranh chết chóc nên phải đùa : "Nếu con là Tổng Thống, con sẽ ra lệnh đi chiu mộ hết những thứ lửa này vào quân đội mình, thì sẽ đốt cháy bao con tim của mấy thằng Việt Cộng, chiến tranh sẽ chấm dứt ngay mà không tốn một viên đạn, Me thấy đúng không ?" Mẹ tôi chỉ mỉm cười lắc đầu. Chắc Mẹ tôi nói đúng, nhưng tôi vẫn mê cái thứ lửa này. Lửa Phượng lại có một nụ cười duyên dáng không thể tưởng tượng nổi. Tôi không biết Tây Thi ngày xưa như thế nào, nhưng đối với tôi chắc chắn Tây Thi không thể nào có được nụ cười duyên dáng bằng Phượng. Mỗi khi cười, nàng có thêm một đồng tiền.

Đồng tiền của nàng không ở giữa má mà ở bên cạnh bờ môi trái. Nó chỉ lún vào vừa đủ để mọi người nhận ra cái sắc sảo của nó. Rất nhiều lần tôi muốn hôn vào cái đồng tiền đó nhưng cứ mỗi lần đến gần nàng thì mặt nàng nghiêm như bà giám học, làm tôi cũng cụt hứng luôn.
Chưa hết đâu, nàng lại có thêm một chiếc răng nghiêng. Tôi phải gọi là răng nghiêng vì nó không phải là chiếc răng khểnh, răng cời bình thường như của nhiều cô khác. Chiếc răng này nghiêng vừa đủ để làm cho bờ môi của nàng hơi vảnh lên một tí như để mời mộc nụ hôn. Chiếc răng nghiêng của nàng nằm bên hướng tay phải như để cân bằng với cái đồng tiền bên tay trái. Mỗi khi nàng cười tôi được thưởng thứ cả hai. Phải công nhận ông trời là một nhà điêu khắc gia có một không hai nên mới có thể tạo ra một Diễm Phượng như thế.
Tôi hay khoe với ông cậu Sơn của tôi về chiếc răng nghiêng và cái đồng tiền này và cũng nhiều lần năng nỉ cậu làm giùm một bài thơ để tôi tặng Phượng. Nói là cậu nhưng cũng chỉ hơn nhau một hai tuổi gì đó nên cứ như là bạn vậy thôi. Cậu Sơn tôi, tính hiền, dể chịu, học Văn Khoa nên chữ nghĩa văn chương đầy bụng. Chẳng bì tôi, học ban toán, đầu óc khô như bánh tráng nướng. Cậu thích uống cà-phê và cũng hay làm thơ. Tuy tôi không biết làm thơ nhưng cũng hay đọc thơ văn và thích nói chuyện văn nghệ. Thật sư tôi không thích chính trị và chiến tranh, nên nói chuyện văn nghệ vậy thôi. Mặc dù chiến tranh đang diễn ra từng ngày trên đất nước này. Những thằng con trai cở tuổi tôi đều phải nghĩ đến. Cứ đứa naò thi rớt thì vào Thủ Đức. Chạy chọt được thì ở Sàigòn tà tà dạo phố và làm cây si, còn không thì đi biệt tăm biệt tích, bạn bè chẳng biết đâu mà liên lạc hay thư

từ. Ước mơ của cậu Sơn là có nhiều sáng tác đăng trên những tạp chí nổi tiếng ở Sài Gòn. Tôi phải mất mấy chầu cà-phê thì cậu Sơn tôi mới cảm hứng ra thơ. Tôi phục cậu sát đất, chỉ có một chiếc răng nghiêng và cái đồng tiền nơi vành môi trái thôi mà cậu cũng tuôn ra được mười câu thơ lục bát rất là bay bướm. Tôi hí hững như người trúng số độc đắc. Đọc đi đọc lại bài thơ cho đến lúc thuộc nằm lòng. Nghĩ chắc sẽ làm Phượng vui, nói khen vài câu dịu ngọt êm tai, và cũng cười tươi để tôi tha hồ thưởng thức cái đồng tiền và chiếc răng nghiêng. Nhưng rồi tôi lại không dám trao cho nàng. Tôi chỉ sợ nhở nàng bắt tôi làm thêm mấy bài thơ ca tụng mặt trăng mặt trời, hay mưa nắng, hay cây cỏ mùa Thu, mùa Hạ gì đó, thì tôi sẽ bị lộ tẩy ngay, lúc ấy tôi có bỏ đi lính cũng không sao xóa nổi cái quê của mình.

Cái gì của nàng cũng hoàn hảo cả, từ tấm thân mảnh khảnh như những nàng kiều nữ trong tranh vẻ của Tàu, đến ngay cả từng bước đi nhẹ nhàng. Giọng nói ngọt ngào (gái Bắc mà), hay ngay cả tiếng cười của nàng cũng có thể ru ngủ tôi một cách dể dàng. Chỉ riêng có cái tên là tôi không vừa ý lắm. Diễm Phượng, cái tên này nghe giống như bài hát rất nổi tiếng. So về tuổi tác của nàng với bài hát đó, thì biết ngay ông nhạc sĩ lãng mạn này đã mượn đở chữ Diễm của tên nàng. Nhưng bây giờ cả nước Việt Nam ai cũng biết bài hát này, như thế đâu có gì đặc biệt cho riêng tôi. Tôi nhất định phải đặc cho nàng một cái tên thật độc đáo mà không ai có hết. Nào là Phượng dịu dàng, Phượng yêu, Phượng kiêu sa, Phượng tóc dài, Phượng đồng Tiền, Phượng răng nghiêng, Phượng mắt bồ câu, Phượng mắt hạt nhản, Phượng Hoàng, Phượng Tiên Nữ, Phượng của tôi,

Phượng Hùng, Phượng Tây Thi, Phượng hơn Tây Thi,... có đến mấy trăm cái tên khác nhau mà tôi vẫn chưa thấy tên nào vừa ý cả . Vô tình một hôm đứa em gái tám tuổi của tôi hỏi tôi:

-Anh Hùng, tại sao mùa phượng vĩ là mùa chia tay ?.

-Tại vì mùa phượng vĩ là mùa hè, mùa hè thì nghỉ học, thì bạn bè chia tay nhau .

Lúc ấy tôi chợt nhớ đến Phượng và cái tên mà tôi cố "sáng tác" nhưng chưa ra. Mùa Phượng Vĩ, Mùa Phượng Vĩ, tôi lẩm bẩm lập đi lập lại cả buổi chiều hôm ấy. Đến mấy ngày hôm sau thì tôi biến nó thành Hùng Phượng Vĩ cho có vẻ đầy gắng bó tình tự, nhưng tôi thấy vẫn không ổn vì cái tên "Hùng" mắc dịch của tôi nghe sao quá "cải lương". Tôi hay trách Mẹ tôi sao không đặt cho tôi một cái tên gì hay ho hơn và ít người có. Khi tôi còn bé đi học, cứ mỗi lần thầy giáo gọi: "Trò Hùng, đứng lên", thì gần nửa lớp đứng dậy, cả lớp cười chọc quê. Mấy thằng lớn con trong lớp còn cứ hay hát chọc "Anh hùng là anh hùng rơm, tao cho bó lửa hết cơn anh hùng, thình tùng thình...tùng thình..." Tôi ghét cái tên cúng cơm cải lương của tôi kinh khủng.

Cả mấy tuần sau tôi suy nghĩ đến muốn rụng cả tóc, cuối cùng tôi vui sướng với cái tên Hàng Phượng Vĩ. Tôi thấy nó hay hay và lạ lạ sao đó. Thêm nữa, sẽ không ai biết tên nàng là Phượng cả. Tôi thật sung sướng và không ngờ với cái óc khô như bánh tráng nướng của mình lại có thể "sáng tác" được một cái tên hay ho và bay bướm như thế này.

Nhưng rồi hơn sau ba tuần, tôi vẫn chưa biết làm sao để nói với Phượng cái tên hay ho và mới mẻ này mà không bị giận mấy thế kỉ. Cuối cùng tôi nhờ Loan trao cho nàng

lá thư mà tôi đã nắn nót viết : "Em Hàng Phượng Vĩ yêu qúi ", rồi ký tên mình bên dưới . Hôm đó tôi đến chờ ở cổng trường từ mười hai giờ trưa vì chỉ sợ không gặp nàng.

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy cổng trường mở ra và nhiều học sinh được ra về sớm. Trong đám có Loan và cả Phượng. Tôi còn bâng khuâng thì Loan đã lên tiếng:

- Anh Hùng sao hay thế, sao anh biết lớp em được về sớm hôm nay mà đến đón Phượng? Sao anh không cho Anh Thành em biết?

- Anh đâu biết trước. Mà tại sao lớp ...

Tôi chưa hỏi hết câu thì đã thấy Phượng đứng sừng sững trước mặt tôi. Trái hẳng với lòng dự đoán của tôi, Phượng rất thản nhiên và không tỏ vẻ gì giận dỗi, nhưng cái thản nhiên gần như lạnh lùng sỏi đá của nàng đã báo hiệu cho tôi một điều gì không lành sắp xảy đến trong đời tôi.

- Anh đã đưa nhầm thư người khác cho tôi.

Nói xong Phượng dúi lá thư vào tay tôi rồi quay lưng bỏ đi một mạch về hướng nhà thờ. Nàng không dùng chữ "em" hay "Phượng" để xưng hô với tôi nữa đã làm cho tôi thấy đời bổng đen tối và vô nghĩa. Tôi nghĩ thầm chiều nay mình sẽ buồn thối ruột. Tôi lẻo đẻo đi theo nàng như một tên tiểu đồng khúm núm đi theo sư tổ. Thỉnh thoảng nàng quay qua mỉm cười với cái tên lái xe Honda kè kè một bên lề đường như để chọc tức tôi. Nếu tôi to lớn lực sĩ như ông cậu Giang của tôi, thì tôi đã đấm vào mặt cái thằng trơ trẻn này vài thoi cho bỏ ghét.

Phượng rẽ vào cổng nhà thờ rồi đi thẳng đến đứng trước tượng đá Đức Bà Maria. Cái thằng trơ trẻn Honda không dám lái xe vào sân nhà thờ nên hắn quẹo vòng trở lại

cổng trường để tìm người mơ khác. Tôi từ từ đi đến đứng cạnh nàng. Rồi bắt đầu than oán nỉ non:
- Thư đó là anh gữi cho em, anh đâu có ai mà đưa lầm thư. Cái tên...
- Tên tôi là Diễm Phượng, tôi đâu phải Hàng Phượng Vĩ. Phượng cắt ngang với giọng cay cú. Nàng nói mà chẳng thèm nhìn tôi.
- Cái tên Hàng Phượng Vĩ là do anh đặt riêng cho em như một bút hiệu vậy mà. Nếu em không thích anh sẽ không bao giờ dùng đến nữa.
Phượng đứng yên lặng, mắt vẫn nhìn vào tượng Đức Bà. Nét mặt có vẻ dịu lại hơn, rồi nàng nhắm mắt, cúi đầu, cầu nguyện nho nhỏ. Tôi thấy hơi yên bụng một tí. Biết đâu nàng đang cầu nguyện cho tôi thi đậu để khỏi bị đi lính. Hay nàng cầu nguyện cho tôi bị trúng gió lăng đùng ra giữa đường, dãy đành đạch như con cá trên thớt, cho hả giận. Nếu tôi bị trúng gió lăng đùng ra giữa đường để nàng hết giận thì tôi sẽ chịu ngay, hình phạt này tôi còn thích hơn là những hình phạt kéo dài đẳng đẳng từ thế kỉ này đến thế kỉ khác. Tôi như người lạc đường giữa sa mạc. Thịt da cháy khô, trông như một xác chết không hồn. Bắt tội mẹ tôi phải gọi ông thầy lang đến chuẩn mạch hốt thuốc.
Tôi ngẩm nghĩ mình cũng nên cầu xin một cái gì nên tôi cũng nhắm mắt, cúi đầu như Phượng Vĩ. Một lúc sau tôi mở mắt ra thì Hàng Phượng Vĩ của tôi đã đi trở ra gần đến đường rồi. Tôi lật đật bước nhanh theo nàng, năng nỉ:
-Anh thấy cái tên Hàng Phượng Vĩ cũng đẹp gần bằng em.
Tôi cố nhấn mạnh hai chữ "gần bằng" để cho nàng thấy

là không có cái gì bằng nàng cả. Phượng Vĩ không nói năng gì, tay vẫn ôm sách học trước ngực, băng qua đường, đi dọc theo đường Võ Tánh về hướng ngõ Sáu.

Tôi nghĩ nàng im lặng như thế chắc có thể đã chấp nhận và tha thứ rồi, nên tôi không nỉ non nữa. Tôi đánh bạo nói với nàng:

-Bây giờ còn sớm lắm, Bác em chưa đến đón đâu. Hay mình đi xuống ngã Sáu tìm cái gì uống nhé?

Phượng Vĩ không trả lời câu hỏi của tôi nhưng vẫn tiếp tục đi về hướng Ngã Sáu. Tôi bước nhanh theo sát bên nàng. Tôi định cầm tay nàng như những lần trước nhưng không biết nàng đã hết giận chưa.

Nắng chang chang phủ đầy trên đầu trên tóc, trên mặt đường, trên những dãy nhà lầu cao. Nhưng tôi không thấy nóng tí nào. Tôi chợt nhớ một câu hát "Nắng Sàigòn anh đi mà chợt mát". Bây giờ tôi mới thật sự thấu hiểu nổi lòng của ông nghệ sĩ tài ba này. Không hẹn mà được đi dạo phố với nàng thì thật là may mắn mấy đời, nên tôi cứ lẳng lặng đi bên nàng, cho dù nắng có thiêu đốt tôi, tôi vẫn thấy lòng vui sướng như vừa mới thi đậu.

Gió từ đâu bổng dưng nổi dậy, thổi tung cát bụi cùng rác rưới bên đường. Phượng đi sát vào những tòa nhà lầu như để tìm một chút che chở.

-Có lẽ trời sắp mưa đấy em. Mình đi nhanh tìm cái quán nào ngồi cho khỏi ướt.

Nói xong tôi cầm tay nàng kéo đi nhanh gần như chạy. Gió cuốn thổi mạnh từ sau lưng như giúp sức. Tà áo dài trắng của Phượng bay lồng lộng trong gió. Phượng cố giữ mái tóc cho khỏi bị gió rối. Một vài giọt mưa đã bắt đầu rơi như để báo hiệu trước.

Phượng Vĩ và tôi vừa ngồi xuống bàn kê gần cửa ra vào, thì trận mưa cũng vừa đổ xuống. Những giọt nước nặng hạt đổ nhào từ trời cao, vở tung tóe trên mặt đất, thành từng dòng nước chảy mạnh vào những chổ lủng thấp, lênh láng đầy đường, rác nổi lềnh bềnh. Cơn mưa nào cũng đem đến nhiều dịu mát, xóa dần đi cái nóng bức của buổi trưa SaiGòn. Phượng vuốt mái tóc, mỉm cười, dịu nói:

-May quá anh nhỉ? Em không có đem theo dù, nếu bị mưa ướt sợ bị cảm lắm.

Nàng đã đổi cách xung hô làm tôi thấy an tâm dể sợ.

Quán vắng người, không ai ngoài tôi với nàng. Phượng rất thich quán vắng người, để được tự do nói chuyện, tự do im lặng và tự do giận dỗi tôi nếu cần, mà không sợ ai chú ý đến.

Gió thoảng nhẹ đem theo những bụi mưa vào quán. Tôi thấy thèm một li cà-phê nóng. Tôi định gọi người đến thì đã thấy con bé cở khoảng mười tuổi, đi từ bên trong ra, trên tay cầm một quả dừa tươi đã được chặt đi một đầu, và có cắm thêm một ống hút. Con bé đến đặt quả dừa trước mặt Phượng rồi cười toe tóe, nói với nàng:

- Chị là Hàng Phượng Vĩ phải không? Tên chị đẹp mà chị cũng đẹp, hèn chi chú Hùng mê. Em mà chú Hùng, em lấy chị luôn...

Phượng đỏ mặt, nhìn tôi như cầu cứu, cố tìm hiểu sao con bé tinh ranh này biết được cái tên tôi mới đặc cho nàng, và sao nó lại biết nàng thích nước dừa tươi. Tôi vội nói:

- Bé Linh là con bà chủ quán, nó thường hay giúp mẹ nó tiếp khách... Những lần anh đến đây học chờ em, nó hay lẩn quẩn nói chuyện với anh...

- Chị Phượng Vĩ ơi. Con nhỏ Linh chỏ mõm chen vào.

Ngày nào chú Hùng cũng đến quán em uống cà-phê, đọc sách cho đến bốn năm giờ chiều thì nói là đi đón bồ. Em hỏi tên bồ thì chú không nói. Nhưng mấy tuần nay, chú lại khoe với em cái tên của chị. Ngày nào cũng đặt mua một trái dừa tươi, ướp đá lạnh sẳng cho chị... Chú nói người chú mê tít tò lò là Hàng Phượng Vĩ.
Nói xong con nhỏ Linh cười khúc khích. Con bé quỉ quyệt này hôm nay tôi thấy sao dể thương qúa đổi.
- Thôi được rồi Linh ơi, pha cho chú ly ca-phê đen đi. Tôi nói.
Mặt Phượng vẫn còn đỏ ửng vì thẹn lẫn sung sướng. Phượng nhìn ra trời mưa, nói lảng sang chuyện khác:
- Lúc ở nhà thờ em thấy anh nhắm mắt, anh cầu nguyện à?
- Anh cám ơn Đức Bà cho em được về sớm hôm nay.
- Anh đừng nói dại, thầy em vừa nhận được tin đứa con trai tử trận, thầy phải về đưa gia đình đi nhận xác...
Lời nói của Phượng bị nghẹn tắt nửa chừng. Ánh mắt nàng trở nên buồn thăm thẳm.
- Chiến tranh đấy em, thân phận con trai của bọn anh chẳng biết đâu mà mò.
Tôi và Phượng nhìn ra ngoài trời như cùng một tâm sự. Tương lai như sương mù phía trước, không ai thấy được mà cũng không đoán đươc. Bao giấc mơ, bao toan tính có thể vở tan tành vì một viên đạn nhỏ bé. Tôi và Phượng Vĩ ngồi im lặng như thế rất lâu trong nổi ưu tư riêng của mình.
Bầu trời vẫn còn xám, một vài tia nắng đang cố len mình trườn qua đám mây. Cơn mưa xối xả đã qua, giờ đây chỉ còn lại vài hạt mưa phất phơ, rất mềm, rơi thưa thớt trên mặt đường, trên những vủng nước ổ gà.

- Anh đang mơ mộng gì thế, Phượng thấy anh như ở nơi nào vậy?
Tôi như chợt tỉnh cơ mê, quay đầu nhìn nàng mỉm cười. Nhưng thấy nụ cười mình trơ trẻn dể sợ . Nếu lúc đó có cái gương trước mặt, tôi sẽ thấy bộ mặt và nụ cười cầu tài của tôi, chắc tôi cũng phải cười tôi.
- Anh đang nghĩ đến những ngày sắp tới... Nếu anh thi rớt, vào Thủ Đức, em có đi thăm anh mỗi tuần không?
Phượng khẻ gật đầu, mắt nhìn xuống mặt bàn. Nàng muốn nói một câu gì đó nhưng không thoát ra thành lời.
- Thế "nà" em thành người yêu... của "nính"... rồi. Tôi vừa nói vừa kéo dài như hát.
Phượng Vĩ cười tươi, nhìn ra bên ngoài, nói nhanh:
- "nính" tương "nai" ơi, thôi em phải về lại trường chờ Bác em.
Câu nói đùa duyên dáng của nàng làm tâm hồn tôi mát rượi và lân lân như trên mấy chục từng mây. Tôi đứng dậy, từ từ cởi nút áo sơ-mi của mình ra. Phượng Vĩ lố mắt nhìn tôi, la hoảng:
- Anh định làm trò gì thế?
- Anh chỉ muốn cởi áo, lót đường cho em đi khỏi ướt chân.
Phượng Vĩ cắn môi để cố dấu nụ cười, nhìn tôi với ánh mắt sáng ngời lẩn tí tinh nghịch:
- Manh áo bé tí teo thế kia thì lót được bao nhiêu?
- Anh còn thêm cái quần tây nữa.
Nàng quay mặt nhìn về hướng khác như không chú ý đến lời nói khôi hài nhưng không mấy lịch sự của tôi.
- Hay anh cỏng em về lại trường nhé ? Nói xong tôi khom lưng xuống sẳn sàng chờ nàng.
Phượng Vĩ đứng dậy, cầm chồng sách, bước ra khỏi

quán. Mưa đã dứt nhưng hơi nước vẫn còn đày trong gío. Gío thổi tung mái toc dài của Phượng Vĩ, nàng vội lấy một cuốn sách che nghiêng bên đầu. Tôi liếc nhìn qua bờ môi bên trái của nàng, thấy cái đồng tiền hơi lún vào một tí. Nàng đã bị lộ tẩy rồi, nàng đang cười thích thú bên trong nhưng không muốn cho tôi biết thôi. Tôi thật sự cám ơn ông trời đã cho nàng cái đồng tiền để tôi vừa được ngắm, vừa được biết thêm một vài bí mật bên trong của nàng. Tự nhiên tôi thấy mình hạnh phúc lạ lùng. Tôi đi gần đến bên nàng, quàng tay kéo nàng sát vào tôi. Gío thổi luồn qua mái tóc xõa, những sợi tóc mai đen tuyền, mềm mại, đập nhẹ vào mặt tôi, như những vuốt ve trìu mến. Mùi hương ngọt ngào, nồng nàn của da thịt nàng thoảng bay. Tôi muốn nói với nàng một câu thật chân tình. Nhưng không có lời nói nào có thể diễn tả nổi con tim của tôi trong giây phút này. Tôi khẻ hôn vào gò má nàng. Tôi cảm thấy nàng đi sát vào tôi hơn.

Chưa bao giờ tôi thấy lòng hân hoan và tràn đầy hạnh phúc như hôm nay. Tôi chỉ mong con đường về lại trường dài vô tận để không bao giờ tôi phải xa nàng. Để hai thân thể chuyền hơi ấm cho nhau mãi mãi dưới mưa. Những mơ ước, những xôn xao kéo nhau đến trong tôi như cơn mưa vừa qua. Tôi mơ một ngày đất nước không còn chiến tranh, tôi và nàng sẽ đi thăm khắp mọi nơi. Những thành phố lớn nhỏ, những làng mạc xa xăm, những đồi nương cây cỏ xanh tươi, những bờ biển cát trắng. Rồi cuối cùng tôi sẽ cùng nàng chọn một ngọn đồi thông reo nào đó, bên cạnh con suối nhỏ, hay một bờ biển vắng yên lành, dựng một căng nhà nhỏ có dàng hoa thiên lý. Tôi sẽ trồng thêm một hàng phượng vĩ trước

nhà, trong vườn đầy những cây ăn quả, bao thứ hoa lạ, và dĩ nhiên có vài chục cây dừa cho nàng. Còn phần tôi, tôi sẽ trồng một vườn trà và một vừơn cà-phê. Tôi sẽ đặt tên tổ ấm này là "Hàng Phượng Vĩ Gia Trang". Rồi những đêm trăng sáng tôi sẽ cùng nàng ngồi đối ẩm, ngắm trăng sao. Lúc ấy dù tôi không phải là thi sĩ, tôi cũng có thể làm được một bài thơ ca tụng tình yêu vĩnh cữu của tôi và Hàng Phượng Vĩ, ca tụng quê hương cùng trăng sáng. Một giấc mơ rất bình thường, chân thật, không bon chen, không ganh đua, không thù hận. Một giấc mơ mà tôi nghĩ cặp tình nhân nào cũng thèm muốn, cũng ao ước. Chiến tranh đối với họ như một cơn bảo vĩ đại. Họ cố gắng xa lánh để không bị những ngọn gió dữ dằn tàn phá những hạnh phúc mà họ đang xây đắp. Nhưng nhiều khi những ước mơ thật tầm thường cũng không thành tựu được, khi sự thật vẫn còn nhiều chết chóc và li tán xãy ra từng ngày.

***

Chiếc xe díp của người Bác chở Hàng Phượng Vĩ tôi quẹo qua đường Võ Tánh, rồi mất biến sau dãy nhà lầu. Tôi chợt thấy mình cô đơn qúa. Tôi nhìn lên ngọn cây. Nắng đỏ hoe trên cành. Những giọt mưa còn đọng trên lá, lung linh trong nắng như những hạt kim cương đủ màu. Tôi thấy mình dần bước về hướng nhà thờ. Tôi thầm nghĩ, mình nên cầu xin một cái gì, cho tình yêu, tương lai, chiến tranh, tôi và Hàng Phượng Vĩ...

Tiếng còi hụ inh ỏi của chiếc xe cứu thương và xe cảnh sát chạy nhanh về phía chợ Bến Thành. Chắc lại một vụ

đặt bôm nổ giữa đám đông?

(mass. 7/1974)

TRẦN HUIỀN ÂN

Sương Bến Tang Càn

(Tặng BẢO THIẾU GIU)

Không biết ai đã đưa ra chủ trương "quy hoạch dân cư" vùng quê tôi. Trước kia làng tôi nằm dưới lòng thung lũng, cách xa đường cái khoảng vài ba cây số. Gọi là đường cái, và từ cuối thế kỉ thứ 19 là "đường quan báo" từ huyện xuống tỉnh, có các trạm dịch, nhưng vẫn chỉ là đường xuyên sơn, nhiều chỗ quanh co chật hẹp, dốc thẳm vực sâu.

Làng tôi, tên nôm na là Đá Bằng, giấy tờ viết là làng Thạch Trụ. Trên đỉnh đồi hướng tây bắc có một khối đá lớn bằng phẳng, gọi Đá Bằng là đúng, họa chăng nó chỉ là đế, không thể là trụ, các cụ chuyển sang chữ Hán thành Thạch Trụ chắc có ý muốn nâng lên một tầm cao hơn, hay nghĩ rằng đế là dấu tích của trụ thuở nào xa xưa? Dưới chân đồi Đá Bằng dòng suối lớn phình rộng, dân làng không gọi là bàu mà gọi là bến: Bến Càn. Riêng bọn chúng tôi đặt cho nó cái tên theo Đường thi là bến Tang Càn.

Làng Đá Bằng nằm chênh chếch theo hướng đông nam – tây bắc. Hai dây ruộng từ trên cao trông xuống giống như hai dấu ngoặc mở đóng, các cụ cho là đôi rồng uốn lượn, một đuôi rồng gác lên Đất Cây Xoài, một đuôi rồng cuốn tròn Rộc Tre, hai đầu rồng cùng cúi xuống uống nước bến Tang Càn. Chính giữa là một gò đất trải dài thế hổ phục mang tên Gò Cây Sộp. Liền bên ruộng là đất thổ liên tiếp mãi đến những ngọn đồi bao bọc chung quanh làng, ra xa nữa bát ngát những trảng bằng tranh đế lau sậy. Nhà cửa rải rác trong đất thổ, phân thành ba xóm gọi theo việc canh tác chính: Xóm Vườn, Xóm Thổ, Xóm Ruộng, nhưng dù làm thổ hay làm ruộng xóm nào cũng có vườn cau, giếng nước.

Trang lứa chúng tôi sáu bảy đứa, gia đình khá giả có, trung trung có, tôi ít tuổi hơn hết, sinh ra, lớn lên, chơi thân với nhau không biết tự lúc nào. Ban đầu chung trường chung lớp, thầy giáo mặc đồ Tây trắng, đội mũ cối trắng, kiêm dạy từ lớp năm đến lớp ba, dẫn chúng tôi ra tận tỉnh lỵ Sông Cầu thi bằng Sơ học yếu lược. Về sau, có đứa xong bậc tiểu học ở nhà giúp cha mẹ làm ruộng làm thổ, có đứa hết bậc trung học đệ nhất cấp, có đứa bậc đệ nhị cấp. Chúng tôi vẫn thân thiết nhau, không phân biệt nam nữ, gia cảnh, học lực, chung các sinh hoạt thiếu niên, cắm trại, đốt lửa, ca múa vui chơi. Cho đến tuổi thanh niên mười tám vẫn nguyên vẹn hồn nhiên, hết lòng quý mến nhau mà không ai nói yêu ai, có lẽ tình cảm đối với nhau vượt lên trên cả tình yêu bình thường, trong sáng hơn tình yêu bình thường.

Thế rồi lần lượt mấy đứa có chồng, có vợ, ra đi. Còn lại Hậu, Kim và tôi ngoéo tay nhau hẹn rằng không bỏ cuộc chơi. Nhưng năm Kim 22 tuổi lại lấy chồng xa xứ, cũng như phần đông con gái làng đã coi đó là số mạng sẵn định. 20 tuổi, tôi đi làm một giáo chức vùng duyên hải. Chỉ còn mình Hậu, lấy vợ người làng, chúng tôi ngầm giao ước rằng Hậu là người giữ làng, là định điểm Thạch Trụ để chúng tôi gặp nhau mỗi dịp về. Nhưng không phải tại Hậu, do chiến tranh ác liệt, năm 1960 Hậu cùng dân làng tản cư. Bom đạn giội xuống, Xóm Vườn, Xóm Thổ, Xóm Ruộng không còn một nhà nào, những ngôi lá mái ba gian đồ sộ, những túp nhà thấp nhỏ, tất cả đã cháy rụi, vườn chuối xác xơ, ngọn cau gãy đổ, bờ tre cụt ngọn, làng tôi biến thành vùng đất hoang vu, cỏ dại ngập lút ruộng đồng, gai góc xóa mất đường đi. Chúng tôi tan tác mỗi đứa một nơi, chỉ còn liên lạc với nhau bằng thư, lá thư nào cũng da diết nỗi nhớ. Mười lăm năm, những số phận của những con thuyền phiêu bạc…

Sau năm 1975 chỉ một mình Hậu về làng. Mấy bạn khác đã thành dân Bình Dương, Long Khánh, Gia Lai, Ninh Thuận, Qui Nhơn … Mỗi người đều có về làng, nhưng chưa một lần ai được gặp ai, chỉ biết về nhau qua Hậu, nghe Hậu tả người này thế này, người kia thế nọ. Cũng chưa ai có thời gian ở lại để đến thăm dấu tích nơi xóm cũ nay biến thành khu sản xuất, trồng trọt hoa màu. Làng dời lên Đất Cây Xoài, một trảng rộng sát bên đường cái, ngay chỗ hồi nào là ngả rẽ, nhà cửa chen chúc như nơi phố thị, cách nhau bằng một hàng rào hay bức tường xây. Tôi tự hỏi: Tại sao không dùng Đất Cây Xoài làm khu sản xuất, khu dân cư vẫn giữ y, để nhà cửa ấm áp và

sinh động hơn nhờ ruộng lúa, bờ tre, hàng cau, vườn chuối, để làng có các xóm, bởi vì làng mà không có xóm thì cái ý niệm "làng xóm" không còn! Thật đáng tiếc! Tôi nói ý ấy với bà con, nhiều người bảo rằng đó cũng là ý của họ, nhưng chủ trương chung cấp trên là đưa tất cả dân lên ở dọc đường.

Tin Hậu qua đời đến thật đột ngột khiến tôi sững sờ. Tôi sắp xếp công việc để về Thạch Trụ ngay, nghĩ rằng sẽ gặp đủ những khuôn mặt ngày xưa. Nhưng chỉ có Kim và tôi đứng bên nhau vái quan tài Hậu. Lúc mới đến nơi, nghe tiếng đờn tiếng kèn, thấy ông thầy cúng mặc áo nâu, ban nhạc tương đối đầy đủ. Nhưng hai chữ "Trung Tín" treo ngược khiến tôi một phút nghĩ ngợi. Có phải đây là dụng ý như chữ "Phước đảo"? Rồi tôi cũng bảo đứa con của Hậu treo lại. Hậu được an táng nơi đám đất phía sau nhà cũ của anh, nhìn thấy hòn Đá Bằng và bến Tang Càn. Đường đi bây giờ hoàn toàn khác lạ, Kim đã quên hết, tôi vừa cố nhớ, vừa chỉ dẫn cho Kim. Điểm đặc biệt ngày xưa tôi dùng đánh dấu cảnh vật là một cây lớn ttrên đỉnh đồi Giồng Cui, nay cây không còn, thấy ngọn đồi nào cũng tương tự giống nhau.Trước khi hạ huyệt ông thầy cúng đọc bài tế. Đứng bên cạnh ông, tôi không tin nổi điều mắt thấy, bài tế viết trên tờ giấy vở, cũng theo hàng dọc, những chữ ngoằn ngoèo không phải là chữ Hán, chữ nào chữ nấy gần gần giống nhau, có thể nói là chữ Hán giả mạo! Té ra là một ông cúng thầy dốt, viết bậy và đọc mò! Cũng tại nhiều người trong tâm trạng "về nguồn" muốn tái hiện phong tục tập quán xưa. Nhờ ai đó biết chữ viết đúng một bài tế, sao chụp thành nhiều bản, học thuộc lòng rồi mỗi lần dùng một bản để

"đọc" không được sao, chuyện này đâu có khó khăn gì!

Buổi chiều tôi và Kim xuống un khói bên mộ Hậu. Hậu hiền lành, ngay thẳng, là người lớn tuổi hơn hết, là trung tâm của cả nhóm, là vạch nối với từng người. Cái chết của Hậu gây chấn động mạnh trong lòng chúng tôi. Hậu mất đi mang theo một phần trong mỗi chúng tôi. Thương tiếc Hậu cũng là thương tiếc tuổi trẻ của chính mình. Ngồi bên nhau chúng tôi nhắc chuyện thuở nào…

… Nhà Hậu bây giờ gần bên gốc xoài xưa, do cây xoài này mới có tên Đất Cây Xoài. Cây xoài gốc lớn, thân cao, tán rộng, cành lá sum sê, là tài sản chung của cả làng. Đến mùa xoài già dân làng lên đây hái đem về. Những người leo trèo giỏi lên cây khoèo, hái, rung cho trái rụng xuống, những người khác đứng dưới đất lượm gom lại, chia nhau. Hậu là một người leo trèo giỏi, thường nhắc bạn khác về tính chắc của các loại cây để cẩn thận đề phòng: "xoài giòn, mít dẻo, me dai". Mùa xoài là mùa chim rừng cá suối. Con chim gầm ghì lấp lánh màu cánh bạc trong nắng mai, con chim ngựa duyên dáng chòm lông ức màu đỏ, con chim xanh hiền lành những ngón chân hồng như chưa bao giờ dẫm lên bùn đất. Suối đủ loại cá, hàn nhao, trắng rằn, trắng chỉ, cá sốc, cá đa, cá tràu, cá trễ… Dĩa nước mắm ăn cháo cá, ăn bánh tráng cá ta băm vào nhiều xoài cho thêm vị chua thanh…

… Lần ấy chúng tôi cùng đi, không nhớ là đi đâu, đi sớm lắm. Buổi trưa nắng gắt, đêm khuya thật lạnh và trời sáng đầy sương. Sương trắng khắp các nơi, sương ướt đẫm những ngọn tranh, ngọn đế, làm cho áo quần chúng tôi ướt đẫm, ngón tay tê cóng. Chúng tôi phải hô nhau

cùng chạy, cùng reo to lên. Một phần vì màn sương xóa mờ cảnh vật, một phần mắt nhắm mắt mở sợ ngọn tranh ngọn đế quất nhằm, thế là chúng tôi va vào nhau, ngã bổ nhào lên nhau. Kéo nhau đứng dậy chạy lên khỏi Rộc Tre thì phương đông ửng hồng báo hiệu một ngày nắng to đổ lửa.

… Có những ngày mùa hè rủ nhau bắt cá bến Tang Càn. Ven bờ nước cạn đến đầu gối, thả lưới, úp nôm, rồi bơi vào chỗ sâu chính giữa, té nước, đuổi bắt, đìm nhau, lặn trốn. Cứ mặc nguyên quần áo ướt như thế lên nằm phơi nắng cho khô, hai tay khoanh kê dưới đầu làm gối, mỗi lúc nghiêng trở cử động tiếng sỏi sạn lại sạo dưới thân. Đi chăn trâu bò thì gài gà rừng, gà sao, gài cuốc, bứt mây, bứt dây kim cang thắt rế. Chiều gom trâu bò về, qua giồng cao nhìn xuống thấy những cuộn khói nhỏ tỏa lên từ những mái nhà tranh, ruộng và thổ đều trơ gốc rạ vàng. Trâu bò về chuồng không đi trên đường làng mà đi theo những đường riêng, gọi là truông bò, nền truông đầy bũn, phân trâu bò vương vãi, những bụi cây hai bên truông bị đuôi trâu bò quệt vào cũng hăng hắc mùi phân pha lẫn với mùi nồng nồng của đám khô đã hái hết trái thân đang khô rã. Đứa nào sau khi đóng cổng chuồng cũng về nhà xách gàu chạy ngay xuống giếng tắm, để sau bữa cơm chiều, chặp tối lại gặp nhau.

… Có lúc hoàng hôn xuống, trời dần dần tối, tôi ngồi nơi bậc thềm nhìn sang Gò Cây Sộp. Đây là nơi lũ chốc mào về ngủ buổi tối. Chim bay từng bầy, ban đầu còn thấy rõ, về sau chỉ là một mảng mờ mờ di động, quầng đi quầng lại, đáp xuống lùm cây, rồi bay lên, quầng đi quầng lại, tiếng kêu xao xác. Hết bầy này đến bầy khác, không bao giờ chúng chịu đậu yên ngay, phải năm lần bảy lượt xao

xác. Khi những bầy chim dừng cánh hẳn, không còn bay lên đáp xuống nữa thì trời vừa tối hẳn, nhà nhà cùng thắp đèn, ở thôn quê gọi là lúc đỏ đèn…

Quên hết năm mươi năm trong đó một nửa thời gian bị cuộc đời quăng quật đến xác xơ, tưởng đâu khoảng tháng ngày dài dẳng ấy chỉ là một giấc mơ không thật để vẫn còn tuổi mười sáu – đôi mươi, tôi và Kim mải nói với nhau những chuyện cũ không thứ tự, không mạch lạc, không ý nghĩa như thế thì Kim đập vào vai tôi, tay chỉ. Nơi hòn Đá Bằng ấy, mỗi khi thời tiết sắp thay đổi, đang nắng sắp mưa hay đang mưa sắp nắng, khi giữa đêm khuya lỗ tai nghễnh ngãng của các cụ già gạn lọc được âm thanh nghe ra tiếng hàn đổ ồ ồ tận ngọn nguồn nơi núi xa… thì từ dưới chân hòn Đá Bằng bốc lên những đám khói mờ mờ, là là trên mặt Bến Càn rồi bay lên đỉnh đồi, giống hệt như sương, người dân ở đây không nói sương xuống, sương rơi mà nói "Bến Càn lên sương". Chợt nhận ra ánh nắng vàng nhạt tươi thắm chiều cuối năm lúc nãy còn le lói khắp nơi giờ không còn nữa, mặt trời đã khuất núi, bến Tang Càn lên sương trắng đục, hơi lạnh từ rừng xa nhè nhẹ…tôi đọc câu thơ Lư Chiếu Lân: *Phù hương nhiễu khúc nhạn – Viên ảnh phú hoa trì* (Hương nổi vờn bờ nước – Bóng tròn phủ mặt ao).

Bất chợt bàn tay Kim nắm lấy bàn tay tôi, những ngón tay đan vào nhau, Kim hơi rùng khẽ mình rồi ngã vào lòng tôi. Một cánh tay vòng qua người Kim, tôi cúi xuống. Không phải sự đằm thắm như tuổi hai mươi, mà chính là sự đằm thắm của tuổi hai mươi còn mãi./-

LỮ QUỲNH

Người Ngồi Đợi Mưa

(tặng Trần Hoài Thư)

Hắn ngồi đó, nhìn con đường vắng ngắt trước mặt. Một ngôi sao thật lạnh lẽo nằm trên góc nhà đối diện. Ngôi sao sắp bị chết đuối trong biển mây đen. Thế nào đêm nay cũng có một trận mưa lớn, hắn nghĩ thế và ngồi đợi.

"Xin phép chị, tôi đêm nay thức khuya. Tự nhiên cảm thấy không ngủ được". Hắn nói với người chị họ của mình, rồi bắt ghế ra hiên ngồi. Hắn rỉ rả uống la-de. Hắn chờ cơn mưa đến, nhưng ngôi sao duy nhất vẫn chưa tắt ở trước mặt."Có lẽ phải mua thêm vài chai la-de nữa, cứ để đây rỉ rả. Khi cơn mưa đến chắc mình sẽ uống nhiều hơn". Hắn nghĩ, rồi bước qua bên kia đường. Hắn đưa tay gõ gõ lên mặt gỗ.

- Bà chủ à, cho thêm vài chai nữa.

Bà già ngái ngủ:

- Vài chai là mấy chai?

- Sao ngủ sớm thế? Vài chai là vài chai. Mấy cũng được...

Bà già đưa hắn mấy chai bia. Hắn vừa xách, vừa cặp vào nách.

- Cám ơn bà chủ.

Hắn băng qua đường, trở về chỗ cũ. Hắn đặt nhẹ nhàng mấy chai bia xuống nền gạch. Hắn nhìn lên trời. Ngôi sao trên nóc nhà đã mất hút. Mây đen phủ kín, nhưng cơn mưa vẫn còn ở xa.

"Uống nữa đi. Cứ rỉ rả, rỉ rả...Mưa chưa đến mà." Hắn

ngồi chờ những giọt mưa quất vào mặt, những bụi nước bám lên áo quần cho hắn cảm giác lạnh. Tự nhiên hắn thích được cảm thấy như vậy. Và hắn ngồi uống la-de rỉ rả. Hắn chờ đợi.

Bây giờ có lẽ trung đội đã xuống đồi, đã xuống hết ngọn đồi. Chúng nó đang di chuyển ra cánh đồng thường lệ. Không biết đứa nào sẽ thay hắn chia tổ gác. Thằng Tròn vẫn còn giữ máy truyền tin? Tiếng máy rè rè mọi đêm...Tự nhiên hắn cảm thấy nhớ. Hắn tự hỏi, không biết bây giờ tụi nó đang nghĩ gì về hắn? Chắc chắn là chúng nó phải hiểu sự bỏ đi của hắn. Phải hiểu chứ. Hắn đã sống với đơn vị ba bốn năm qua, đã bị thương nhiều lần, đã từng ôm tử thi đồng đội mà khóc. Hắn đã từng dẫn đầu trong những cuộc xung phong chiếm mục tiêu, từng nhịn đói chờ tiếp tế, từng run rẩy sợ hãi vì không muốn chết, vì sợ phi lý, sợ vô nghĩa. (Sợ, nhưng có mấy người thoát được!) Hẳn là tụi nó phải hiểu sự bỏ đi của hắn, hiểu cặp kính cận thị chỉ còn một độ nữa là ra hội đồng miễn dịch, hiểu những đêm trời mưa hắn cố đưa tay che nước, nhưng nước vẫn chảy xuống đôi kính nhòe nhoẹt làm hắn chẳng thấy gì.

Dĩ nhiên là chúng nó phải hiểu như vậy.

Hắn rót la-de ra ly. Mấy viên nước đá cuối cùng đã tan hẳn. Hắn nâng ly uống, rồi nhăn mặt, khà khà. Hắn thở và nhìn hơi thở. Tưởng hơi sẽ ra mù như khói chứ?Cơn mưa vẫn chưa tới, nhưng bầu trời ẩm đục hơi nước rõ rệt.

"Thì khi nào mưa cứ việc mưa. Rỉ rả, uống nữa đi. Cứ tà tà. Đêm còn dài mà."

Con đường vắng ngắt. À, không vắng ngắt. Có mấy con chó đang chạy lui chạy tới.

Chúng tìm cái gì thế? "Tưởng ta nhậu chắc. Ta đâu có

nhậu, Chỉ uống lè phè thôi mà". Hắn cầm chai bia lên soi trước ánh đèn đường, rồi rót vào ly.
"Sống thế nầy không ra cái gì cả. Lang thang, chui rúc. Nhưng được một cái là biết chắc rằng, có một ngày nào ta sẽ hết lang thang, chui rúc. Chỉ lý do đó, đủ để ta can đảm sống rồi". Khà khà. Hắn nâng cao ly. Bây giờ chút lạnh trong ly cũng không còn. Hắn uống một hơi, bọt bia dính quanh mép, những giọt bia nhỏ xuống cằm. Hắn đưa mu bàn tay quẹt lên miệng.
"Nóng quá. Sao cơn mưa chưa đến cà? Bây giờ là mùa gì nhỉ. Mùa thu. Ờ mùa thu.
Mùa thu có lá vàng rụng, có mây trắng bay. Cũng như tuổi trẻ, tuổi trẻ thì màu xanh, hăng hái, hy vọng, tin yêu..."
Hắn rót la-de ra ly. Ủa chai nầy là chai chót sao? Ồ, còn chai nữa, hay quá. Hắn nâng ly uống một hơi, nhăn mặt, thở phì phì. "Tuổi trẻ, tuổi trẻ là màu xanh...Ta bây giờ là tuổi gì? Là tuổi già? Ta hăm tám tuổi là tuổi gi? Là tuổi già. Khà khà. Đúng quá, là tuổi già."
Hắn đặt ly bia xuống bàn, nhìn vòm trời tối đen. Bỗng hắn hét lên:"Là gì?" Nhưng vội vàng ngừng lại, khi chợt nhớ ra người chị và những đứa cháu đang an giấc trong nhà. Là tuổi già nên phải chết, chết trận mạc, chết tự tử, chết vì chống tham nhũng..."
Nâng cao ly uống một hớp, hắn nhìn thẳng vào bóng đêm. "Vậy tuổi già là gì?" Khà khà, hắn cố nén tiếng cười, nhưng càng nén, hắn càng bị sặc sụa, hắn phải chạy ra giữa đường để tránh tiếng cười lớn. Mấy thằng nhỏ thức dậy thì cả nhà xúm lại dỗ đến sáng cũng chưa chắc đã nín. Hắn biết tẩy đó nên ngại làm phiền lắm. Hắn chạy ra giữa đường để cười, nhưng khi ra đến nơi,

thì tiếng cười lại tắt mất. Hắn chợt thấy cột đèn và ghé lại mở cúc quần đứng đái. Tuổi già là gì? Tuổi già là nước đái vàng vàng như rượu whisky mỗi tối. Là những thằng bụng bẩn thỉu, tuổi bốn năm mươi sống như trâu bò, là ham chơi cờ bạc suốt đêm, đến sáng về gọi xe tăng hộ tống, là những tên khôn vặt từng làm chó săn cho thực dân, cho đế quốc, là biết nói tiếng lóng: yêu nước, yêu dân, công bằng, dân chủ... Tiếng lóng yêu nước có nghĩa là chấm chấm. Không chấm chấm thì ta bỏ mạng từ lâu rồi".

Khà khà. Hắn cười ngất. Đêm nay không ngủ được là phải. Thức để cảm thấy lòng mình mở hội chứ. Hắn nhắm mắt có vẻ toại nguyện.

Cơn mưa cũng vừa trút xuống. Mưa lớn quá. Hắn nhìn mưa xối trắng trên mái nhà phía trước. Mưa trở nên ồ ạt. Hắn đứng dậy, hắn nhảy tưng lên như một đứa trẻ. Đêm đã khuya, ngoài tiếng mưa rơi xối xả, cả thành phố đều im lìm ngủ kỷ. Những giọt nước tạt vào mặt hắn, dần dần ướt đẫm cả mái tóc, ướt hết cả quần áo. Hắn ngồi xuống ghế. Cơn mưa làm tâm hồn hắn dịu lại. Trong hơi lạnh đang thấm qua cơ thể, hắn bỗng nhớ tới cảnh ấm cúng ngày cỡn thơ dại của mình, ngày mà hắn thường vỗ tay mỗi khi nhìn mưa rơi trắng xóa. Không như sau nầy hắn đã sợ mưa như sợ thần chết, vì mưa không làm hắn thấy đường, không thấy đường thì làm sao mà thấy địch? "Không thấy địch thì địch thấy ta. Địch thấy ta, thì ta không bao giờ còn thấy bạn bè, cha mẹ, anh em nữa."

Hắn rót số bia còn lại trong chai cuối cùng ra ly. Hắn đặt chai xuống.

"Uống ly nầy cho ai, cho cái gì? Quý lắm. Ly cuối cùng quý lắm! Vậy nãy giờ uống

cho ai? Không uống cho ai cả, uống cho cái buồn. Bây giờ uống cho ta, ly nầy uống cho chính ta, kẻ đào ngũ. Khà khà..."
Hắn uống cạn ly, rồi thẳng tay ném chiếc ly vào tường. Tiếng thủy tinh vỡ toang. Âm thanh sắc nhọn vang lên làm người đàn bà trong nhà thức dậy hốt hoảng, hỏi gần như thét:
- Cái gì, cái gì thế?
Hắn đứng dậy choáng cả khung cửa. Hai bàn tay run rẩy vi lạnh đang tìm lồng vào nhau.
- Không có gì cả. Xin lỗi chị. Chiếc ly vỡ...
Hắn nghe tiếng mình trả lời thật điềm tĩnh.
"Rõ ràng là tiếng mình". Hắn lặp lại trong đầu.

TRẦN BANG THẠCH

Thủy Táng

Gà chưa gáy sáng thì ghe đã rời bến. Nhờ nước xuôi nên ông Giáo nhẹ đẩy hai mái chèo chiếc ghe cũng đi ngọt sớt. Bà Giáo ngồi trước mũi ghe, vừa bỏm bẻm nhai trầu vừa cột những chiếc bánh ú thành chùm. Ông bà Giáo ép thằng Nhứt nằm trong mui ghe tam bản ngủ thêm một chút để dưỡng sức. Thằng cháu nội này sẽ phải dùng sức trai chèo mấy chặn nước ngược trước khi tới nơi thấy mặt ba nó.

Ra khỏi sông Vàm Ngo thì trời vừa đứng bóng. Thằng Nhứt đã thức dậy từ lâu, đã lót bụng bằng mấy

cục xôi vò và mấy trái chuối nấu cọng thêm một bụng nước sông nên trông tươi tỉnh. Nó bò ra phía sau chèo thay ông nội. Tội nghiệp thằng nhỏ, từ lúc mới đẻ cho tới bây giờ là 14 tuổi nó nào có biết chèo chống gì đâu, bơi lội thì cũng bì bõm, vừa đủ để bắt cá, giăng câu cho ra vẻ con nhà đồng áng. Nghe nói phải đi thăm ba bằng chiếc ghe tam bản mượn của bác Năm, hôm qua thằng Nhứt quyết lòng tập chèo từ trưa cho tới tối mò để chuẩn bị cho chuyến đi ngày hôm nay. Quanh năm suốt tháng, ngay từ hồi còn trong bụng mẹ nó đã theo cha ở hết hậu cứ này đến hậu cứ khác. Ngay sau ngày giải phóng, ba nó đưa mẹ con nó về sống nhờ ông bà nội. Non một tháng sau nó nghe nói ba nó đi học tập cải tạo vì là sĩ quan ngụy. Sau mấy tháng sống cơ cực ở quê chồng, má nó gởi nó cho ông bà nội, nói là đi tìm chồng rồi dông mất tiêu. Hai hôm trước, sau cả năm không tin tức, ông bà nội nó mới biết chỗ ba nó đang học tập. Những chữ như học tập, cải tạo, giải phóng, ngụy... thằng Nhứt chỉ mới nghe người lớn nói, nó cũng bắt chước nói theo mà chẳng biết ý nghĩa gì. Thằng Nhứt tuy nhỏ tuổi nhưng nhờ ăn nhiều mau lớn nên tay chèo khá mạnh. Ông Giáo cầm dầm ra trước mũi ghe bơi tiếp thằng cháu. Ngồi trong mui nhìn ra sau lái, bà Giáo thấy tự nhiên sao hôm nay thằng cháu lớn xộn, chắc tại trong lòng nó đang vui. Tay chèo của nó khá vững nhờ đôi tay dài. Cái điệu bỏ chưn mặt ra đằng sau rồi nhún mình một chút, hất mặt lên một chút mỗi khi đẩy hai mái chèo tới trước coi sao mà giống thằng cha nó quá. Tội nghiệp thằng con trai của bà, vợ chồng nó đặt tên con trai đầu lòng là Nhứt để mong tiếp tục với con Nhì, thằng Ba...Rốt lại cũng giống như vợ chồng bà : một cây sanh vỏn vẹn một trái. Bây

giờ thì coi như hết rồi.

Khi bắt đầu đi vào sông Yên, thằng Nhứt đẩy mạnh mái chèo tay mặt, lơi mái chèo tay trái để đưa chiếc ghe cập theo cái voi rộng trồng lát. Dễ chừng có tới cả công lát xanh mịt. Mũi ghe lần lần đi vào sông Yên. Nước bắt đầu ngược. May mà chiếc ghe nhỏ nên cũng nhẹ chèo. Sông thì rộng mà nhà cửa hai bên thì chẳng có bao nhiêu, thưa thớt như đồng hoang. Ngồi trước mũi ghe, ông Giáo đẩy mạnh thêm cây dầm. Có lúc thằng Nhứt dở cả hai cây chèo khỏi mặt nước để tránh mấy dề lục bình đang trôi ngược thì chiếc ghe gần như đứng lại. Bà Giáo ngồi trong mui ghe, hai tay vịn chặt be ghe như ngầm tiếp sức đẩy ghe về phía trước. Trước khi đi tới một nơi hoàn toàn xa lạ này, ông bà Giáo đã nghe ngóng, hỏi han đường đi nước bước. Họ biết trước là sẽ phải đi nước ngược trên sông Yên. Rồi đi nước ngược trên sông Thượng, sông Đối, trước khi đến Khu Trại Ngọc Trai nằm trong vùng U Minh Hạ. Trại Ngọc Trai, không phải chỉ ông bà Giáo mới nghe lần đầu, mà cả những người lối xóm như ông bà Chín Nâu, ông Hai Cảnh là những người từng ở vùng U Minh Hạ cũng chưa nghe tới bao giờ. Họ chỉ nghe mang máng là trại Ngọc Trai mới có sau ngày giải phóng. Ông Hai Cảnh nói nếu muốn đi nước xuôi thì ngay sau khi ra khỏi sông Vàm Ngo, đậu ghe lại năm bảy tiếng, chờ nước lớn thì đi dễ hơn, đỡ vất vả. Lúc đầu ông bà Giáo vì tay chân già yếu chỉ muốn đi đường bộ, nhưng người ta nói đi đến đó chỉ có xuồng ghe là phương tiện tiện lợi nhứt, lại chở được nhiều đồ tiếp tế. Vùng đó dẫy đầy sông rạch, ít cầu, nhiều nơi nước nổi, có khi dễ gặp mìn bẫy vì ở đó nghe nói trước kia là vùng trái độn, mặc bên nào nấy chôn

mìn, bẫy, lựu đạn. Khi nghe người ta nói đã có nhiều người học tập bị đạp mìn, chết không còn miếng thịt, ông bà Giáo càng lo hơn. Thật sự thì ông bà Giáo đã mất ăn mất ngủ từ cả năm nay, từ ngày thằng con trai giả từ gia đình, nói là chỉ đi học tập một tháng rồi về. Một tháng, rồi hai, ba tháng vẫn không thấy về; chỗ ở cũng không biết. Hỏi đầu làng cuối xóm cũng không ai biết; hỏi xã, hỏi huyện thì cũng chẳng ai cho tin. Có đứa học trò cũ nay đang làm Chủ Tịch Huyện, hỏi nó, nó nói để nó dọ hỏi giùm. Nó còn khuyên ông thầy đừng nóng, để ảnh học tập tốt, lao động tốt rồi cũng sớm về. Cả năm rồi có nghe nó cho tin tức gì đâu. Tới cơ quan tìm nó thì lần nào cũng cho hay là bận họp hành. Tới nhà thì nói nó đi vắng. Ông Giáo nhớ ngày xưa nó là thằng trốn học có tiếng trong cái lớp tư của ông dạy; lên các lớp trên nó cũng đi học bữa đực bữa cái. Cuối năm lớp nhứt, thi rớt vào lớp đệ thất trường tỉnh, nó bỏ học đi bưng. Phải nó siêng hơn một chút, chắc bây giờ là thủ tướng! Nhưng ông bà Giáo cũng có cái số may. Hai hôm trước, ông Giáo đang ngồi uống cà phê ngoài vàm, tình cờ có người khách lạ cho biết chỗ ở của thằng con. Nghe tin con, ông bà Giáo vui hơn đào được hũ vàng, vội vã cơm gạo đi thăm và tiếp tế. Ông bà Giáo dư biết là con trai họ đang đói khổ vì làm người tù sau ngày mất nước, chớ chẳng phải giải phóng giải phiết hay học tập cải tạo cải tiết gì hết. Lòng già thương con càng nghĩ càng đau. Đi tới trời, ông bà cũng đi tới nói chi mấy khúc sông con.

Ghe càng đi vào sông Yên thì gặp thêm gió ngược thổi mạnh. Sóng lớn. Ghe nhỏ lại chở đồ nhiều nên chòng chành. Nóng lòng gặp con, ông bà Giáo quyết đi không nghỉ ngơi gì hết. Thằng Nhứt cũng nóng lòng gặp

ba nên chèo hoài không biết mệt. Nước ngược cũng đi. Sóng gió cũng đi. Hơn một năm chờ đợi, lâu quá rồi. Ông Giáo đã nghe nói nhiều về con sông Yên. Tên là Yên nhưng nhiều sóng gió. Sông Yên là con sông cái nối những con sông nhỏ, đưa nước ra biển qua ngả Bảy Giá. Ngày xưa người địa phương nặng mê tín, và cũng vì lòng ước ao nên đặt là sông Yên để hy vọng sông sẽ trở thành yên lặng, bình yên, không sóng to gió lớn; cũng như người dân quê nghèo rớt mồng tơi, sanh con đặt tên là Giàu, là Đủ, là Dư...Người ta chỉ đoán sông Yên rộng chừng hơn trăm thước, dài chỉ non cây số, nhưng là con sông dữ, có nhiều ghe xuồng bị chìm, nhứt là ghe xuồng của người từ xa mới tới lần đầu. Có lời đồn đãi là người ta đã vài lần thấy cá mập từ Bãi Giá lội vào. Thời chiến tranh bốn lăm năm mươi, sông Yên là nơi tập hợp các thằng chõng chết trôi, những xác người cụt đầu, cụt chưn, cụt tay trôi về từ các nhánh sông con. Có ngày nhiều quá chôn không kịp, người ta đẩy xác luôn ra biển. Thủy táng. Bây giờ thì ông bà Giáo và thằng cháu nội thấy thế nào là con sông dữ khi chiếc ghe tam bản đến gần chỗ giao lưu của sông Yên với ba con sông nhỏ là sông Thượng, sông Hạ và sông Giữa. Nước từ ba con sông nhỏ đổ vào sông Yên tạo thành vùng nước xoáy mạnh. Chỗ này lòng sông rộng hơn và gió thì thêm mạnh. Ra khỏi vùng nước xoáy, nước chảy xiết. Trời đã xế chiều mà chiếc ghe vẫn còn trong vùng nước xoáy, vài phút đồng hồ mới đi được một xãy tay. Thằng Nhứt giữ vững tay chèo, cốt sao cho ghe đỡ chồng chành và không bị lật úp. Thằng nhỏ chưa quen chèo nhưng nhờ mạnh tay nên giữ được ghe đi gần bờ. Ông Giáo cũng ráng hết sức giữ cho mũi ghe không quay vòng. Bà Giáo thì ngồi yên, lâm

râm niệm Phật.

Trong tiếng cầu kinh, trong tiếng gió vù vù và tiếng nước xoáy, cả ba người trên chiếc ghe tam bản bên này bờ sông bỗng thấy phía bên trái, chỗ vàm sông Hạ, thấp thoáng trong màu chiều, một bè rồi hai, rồi ba, bốn, năm... chiếc bè gỗ trôi ra từ sông Hạ, nhập vào sông Yên rồi dừng lại ở đầu voi. Ông Giáo nhớ ngay lời người ta nói về những người tù và những chiếc bè tràm từ thượng nguồn sông Hạ theo con nước ròng đổ vào sông Yên. Tại chỗ nước xoáy này, khi vừa tới voi, những bè tràm sẽ cắm sào dừng lại, đợi khi nước lớn sẽ theo sông Thượng bè tiếp về trại tù Ngọc Trai ở thượng nguồn sông Đối. Khi thêm một chiếc bè vừa ra khỏi vàm sông Hạ, lúc ráng chiều nhuộm đỏ khúc sông, thằng Nhứt dụi mắt hai ba lần, nó thấy người đàn ông ngồi trên bè hơi quen. Nó lớn tiếng kêu ông bà nội cùng nhìn người đàn ông. Có phải đây là sự nhiệm mầu, hay là vì thần giao cách cảm, để linh tính cho người tù trên bè tràm và ba người trên ghe tam bản biết rằng họ là những người máu mũ ruột thịt. Họ đã cùng cất tiếng gọi nhau. Ba. Má. Con. Ba. Con. Con. Ba. Má....Những tiếng gọi lẩn vào nhau, chồng chất lên nhau. Gọi nhiều lần. Tiếng gọi bay trong gió, vang trong chiều tà. Có một tíc tắc, thằng Nhứt đã quên tay chèo, cúi khum người, hai tay nó bụm miệng kêu lớn ba, ba. Thiếu người cầm lái, chiếc ghe xoay vòng, ngã nghiêng như chiếc lá trong phong ba. Ông Giáo ngồi phía trước dồn hết sức lực trên đôi tay già, cầm chắc cây dầm giữ cho ghe thăng bằng. Khi bà Giáo thấy đầu hai cây chèo đập vào sau ót thằng Nhứt, máu phun thành vòi thì thằng Nhứt đã lọt tũm xuống sông. Ngay lúc đó người tù cũng bỏ bè tràm, phóng mình

về phía chiếc ghe. Nước xoáy. Gió mạnh. Bà Giáo la một tiếng thất thanh, bà thấy một vùng tối mênh mông trước mặt mình. Ông Giáo thì thấy một màu đỏ ối nhuộm hết khúc sông, nhuộm hết bầu trời. Những con sóng như những bàn tay máu vung cao. Nước xoay vòng bè tràm như cây tăm trong ly nước khuấy. Chiếc ghe cũng xoay vòng rồi trôi theo dòng nước. Bè tràm như ngựa không cương, trôi nhanh về phía hạ lưu. Người tù cũng trôi đâu mất, không thấy trồi lên mặt nước. Những bạn tù chưa kịp lặn tìm xác bạn thì bị nòng súng chĩa sau lưng. Có một người tù nhanh trí vội vã lấy hai cây tràm làm thành hình thập tự giá cắm ngay tại vàm sông Hạ, chỗ đất bồi.

Ba ngày sau, xác người tù tấp vào một tay đáy ở Bãi Giá, bụng sình chương, hai hốc mắt trống hoác. Xác thằng Nhứt thì không ai thấy; có lẽ trôi tuốt ra biển. Bà Giáo chết đi sống lại nhiều lần trước cái xác tròn như trái banh lông và trước cửa biển mênh mông trời nước, không một bóng người. Ông Giáo thì cứ ngậm hoài trên đôi môi điếu thuốc rê không cháy.

Từ đó ông bà Giáo cúng hết vườn đất cho chùa, dọn nhà về vùng sông Yên. Căn nhà sàn nhỏ dựng ngay dưới bến sông, chỗ ngả ba nước xoáy, nơi có cắm cây tràm thập tự giá. Mỗi buổi chiều, khi ráng đỏ nhuộm một gốc trời ông bà Giáo bắt ghế ngồi ngoài hàng hiên, mỗi người một góc. Nước vỗ như lời than khóc dưới chân. Nhiều khi nước phát ra những tiếng Ba. Má. Nội. Ba. Má. Nội....thành những tràng dài như tiếng hú rớt xuống từ cõi xa xăm mộng tưởng. Có khi dưới chân, nước là những con bạch tuột có hàng trăm vòi. Là máu. Là cái bụng sình chương. Là đôi con mắt thiếu tròng. Là giọt máu phun ra từ cái đầu xanh non như lá cỏ. Sóng nước ở

một bãi bờ xa lạ trong một đất nước bỗng nhiên xa lạ đã thủy táng hai người thân yêu nhứt của ông bà giáo già. Nhưng mà, lạ chưa, bây giờ ông bà cũng muốn sống hết đời ngay trên những lớp phong ba của một dòng sông dữ! Ôi! Cũng là một cách thủy táng đau thương! Ông bà ngồi đây mà tâm hồn thì đang bập bềnh trên sóng nước. Muôn đời oan hồn người con trai duy nhứt và đứa cháu nội duy nhứt đang trôi nổi bồng bềnh đâu đây trong khói, trong sương, trong màu chiều đỏ như máu và trong màn đêm đen như mực.

Trời nước mênh mông, phong ba cuồng nộ đã chôn sống hai người thân yêu nhứt của họ, cũng đang chôn sống thể xác họ, nhưng không chôn hết được nỗi buồn của người bỗng khánh tận lúc cuối đời.

TRANG LUÂN

Cơn Lốc Thời Gian

Anh là một người lính! Một người lính thật sự với đầy đủ ý nghĩa giản dị và thuần túy của nó. Người lính của thập niên trước đây ở miền Nam, nơi mà tuổi thơ anh đã vươn mình, lớn lên rồi trưởng thành ở đấy.
Làm sao mà anh có thể quên được từng ngôi trường mà trước đây anh thường ngồi, cho đến các bài học thuộc

lòng, cùng những bài lịch sử oanh liệt ca tụng tinh thần đấu tranh bền bỉ của dân tộc ta. Từng bài công dân nồng nàn, dạt dào. Anh đều nhớ rõ tất cả. Chưa bao giờ anh quên! Chưa bao giờ! Từng khuôn mặt bạn bè cho đến các đồng đội đã sát cánh với anh trên cùng một trận tuyến trong cuộc chiến tranh vừa qua. Anh không khi nào phủ nhận, hoặc chối bỏ về quá khứ của chính mình, mặc dù quá khứ đó không có gì đáng nói cho lắm. Lúc nào anh cũng tỏ ra hãnh diện về con đường chông gai mà anh vừa đi qua. Lương tâm không khi nào cho phép anh cầm bất cứ mũi dao nhọn nào để đâm lại bạn bè hoặc đồng đội anh trước đây, hầu mưu cầu lấy sự sống còn cho riêng chính bản thân mình. Anh cho đấy là hành động đê hèn, bẩn thỉu và xấu xa nhất.

Ngược lại, ngay chính em cũng vậy. Em sinh ra và lớn lên ngay trên mảnh đất miền Nam này. Nó gắn bó, ăn sâu vào tiềm thức em bằng các hình ảnh thân thuộc, cùng mọi diễn biến về tình cảm, thể hiện trong đời sống hằng ngày, đúc kết thành chuỗi xâu lụa là của kỷ niệm. Anh nghĩ rằng: Không khi nào em có thể quên được, mặc dù em cố tình lẩn trốn hoặc từ chối, khước từ dĩ vãng. Từ con đường ngày xưa mà em thường đi qua, cho đến người tình xa xăm đã gục ngã, vùi thây trong khoảnh rừng già âm u, ngút ngàn, tận vùng cao nguyên hẻo lánh, nơi anh đồn trú trước đây. Tín chết! Chết một cách khủng khiếp trong trận đánh khốc liệt, dữ dội. Chính anh chứng kiến tận mắt nó chết. Chết vội vã, tức tưởi. Trong khóe mắt sâu hút, anh đọc thấy được nỗi khắc khoải, băn khoăn còn đọng lại, phảng phất ở nơi đấy. Nó chết đi và cuốn theo mộng ước bình dị, dở dang vào không gian bất tận. Chính anh đành phải bất lực trước sức phản kháng dữ dội

của địch quân. Với biết bao nhiêu đợt xung phong để rồi cuối cùng anh vẫn không tài nào lấy được xác nó. Vì thế mà đơn vị anh phải hứng chịu lấy những trận mưa pháo kinh hoàng cùng các cuộc tấn công ồ ạt, điên cuồng, tơi tả, thê thảm như chiếc áo rách rưới, loang lỗ bám trên thân hình tiều tụy của người dân vùng kinh tế mới.

Anh thoát chết trong trận đánh ấy là nhờ vào bản tính liều lĩnh, nẩy sinh ra ý định táo bạo, mở đường máu tìm sự sống. Anh đánh điện tín về Sài Gòn báo tin cho em hay. Vài ngày sau, anh nhận được thư em với đầy rẫy lời lẽ đay nghiến, trách cứ anh thậm tệ. Anh im lặng, sững sờ nghe lòng mình tê buốt. Anh tưởng rằng sau cái chết của Tín sẽ làm cho em chua xót, sống âm thầm bên các công thức, phương trình củng mọi khuôn mặt ngây dại đóng khung ở lớp học. Anh vẫn còn nhớ câu mà em thường nói với anh:

"Đời em chỉ có Tín là tuyệt đối. Nói dại, ngộ nhỡ sau này Tín có mất đi, em sẽ trở thành vô nghĩa giữa giòng đời rộng lớn này."

Nhưng rồi em đã quên! Quên đi một cách vội vã, nhanh chóng. Anh phân vân tự hỏi: "Sao vậy?" Phải chăng đó là phương tiện, cứu cánh để chạy trốn dĩ vãng. Anh tìm đủ mọi cách để biện minh cho em. Em còn trẻ. Trẻ thật sự. Anh biết điều ấy. Em bước lên xe về nhà chồng vỏn vẹn sau ba tháng Tín mất. Anh nhớ, đã có lần em khoe với anh vào dịp phép ngắn hạn:

"Bây giờ thì em đầy đủ quá rồi. Em chẳng còn thiếu bất cứ thứ gì từ tinh thần cho đến vật chất."

Em ngừng lại trầm ngâm giây lát rồi nói tiếp:

"Anh Ngữ mỗi ngày hai buổi đi làm. Em cũng thế. Cháu Lan thì còn nhỏ, ở nhà với bà ngoại. Cháu rất ngoan anh

ạ! Như vậy, em còn đòi hỏi gì nữa bây giờ? Em mãn nguyện lắm rồi. Chân lý về hai chữ hạnh phúc là gì hở anh? Phải chăng đó là thành tựu của mọi kết quả mà mình đã xây dựng được. Có phải đúng như vậy không anh?"

Anh lưỡng lự, suy nghĩ về câu nói ấy. Nó như thứ âm hưởng, vương vấn thường xuyên nơi đầu óc anh, cũng giống như món hành trang đem theo anh trên những chặng đường hành quân diệu vợi. Thời gian cứ lạnh lùng trôi qua. Anh vẫn chỉ là người lính không hơn không kém. Anh dẫm chân xuôi ngược trên các khoảnh rừng già biên giới Tây Nguyên, cho đến miền xình lầy của vùng bốn chiến thuật. Anh vẫn là anh. Miệt mài và thầm lặng. Từ chiến trường Ben Hét nẩy lửa. Chư Pa heo hút. Daksan ngùn ngụt khói súng. Căn cứ hỏa lực năm kinh hoàng trong mưa pháo của địch quân. Chính anh nằm trên ngọn đồi ấy ròng rã suốt ba ngày đêm không ngủ. Với ba ngày đêm khiến cho thần kinh anh bị căng thẳng tột cùng. Mọi tế bào trên thân thể anh hầu như muốn vỡ tung ra. Anh cùng đồng đội phải nằm dưới giao thông hào, chăm chú, quan sát, hầu đối phó với từng đợt tấn công điên cuồng, liên tục. Đầu óc anh lúc bấy giờ bị quay cuồng trước các tọa độ phản pháo, các hỏa tập cận phòng cùng mọi từ ngữ quân sự quen thuộc để điều chỉnh những phi tuần oanh kích. Anh tưởng rằng, mình sẽ chết trong trận đánh ấy! Nhưng anh vẫn sống và trở về Tân Cảnh để nhận sự vụ lệnh thuyên chuyển về miền Tây xình lầy. Trong lần này, anh lại có dịp gặp em ở Sài Gòn. Em với Ngữ mời anh ăn cơm, với dụng ý là mừng anh thoát nạn. Dí dỏm hơn nữa, em còn xin lễ tạ ơn cho anh. Anh vô cùng cảm động trước tấm thịnh tình

đó và đóng khung nó vào cái vị trí đặc biệt trong toa tàu kỷ niệm ở trong anh.
Sau lần gặp gỡ ấy, anh lại tiếp tục lầm lũi, âm thầm đi vào chiến trường mới. Từ Chương Thiện, U Minh, Cam Bốt, Cà Mâu, Kiến Phong, Kiến Tường, Cô Tô, Hòn Me, Hòn Sóc. Nơi nào anh cũng đến rồi đi. Máu cùng mồ hôi anh từng nhỏ xuống đấy, thấm luồn vào mạch đất. Đã bốn lần trực thăng đưa anh từ chiến trường về quân y viện điều trị. Bốn lần xuất viện, nghỉ dưỡng bệnh rồi quay đầu trở lại chiến trường.
"Đời anh là cả một chuỗi ngày dài sương gió." Chính em thốt lên cân nói ấy. Phải! Đúng thế! Đời anh gắn liền với mặt trận, đối diện trực tiếp với sự chết. Anh không thích sống ở văn phòng. Kiểu cách và khúm núm. Điều đó anh không thích. Anh không muốn luồn cúi và nịnh bợ. Chính vì điểm này mà đời anh mới khổ.
Anh lầm lũi trong đời sống tác chiến, để rồi trong thoáng giây ngơi nghỉ, chuyếnh choáng trong cơn say, hầu tạm quên đi nỗi xót xa, nhọc nhằn, nghiệt ngã khoác lên trong cuộc sống. Chưa bao giờ anh khước từ bất cứ mục tiêu nguy hiểm nào! Anh vẫn là người lính có kỷ luật với đầy đủ mọi ý nghĩa thầm kín của nó. Quân đội chỉ có kỷ luật. Bởi vì điều dễ hiểu: Kỷ luật là sức mạnh của quân đội. Trong binh thư cũng chưa hề dạy anh đầu hàng một cách nhục nhã như vậy. Cuối cùng rồi bài toán cũng dẫn tới đáp số chua chát bằng cả sự thất bại toàn diện ở miền Nam. Anh cùng đồng đội đành phải miễn cưỡng buông súng, để rồi nhận lãnh cái hậu quả ê chề đè nặng xuống người anh.
Thấp thoáng mà mười năm qua đi. Mười năm trôi qua đời anh chẳng khác nào cơn ác mộng hãi hùng. Anh vẫn

là anh. Anh vẫn sống, thở đều đặn, đi, đứng, ngồi, ngủ như mọi người khác. Với mười năm cuốn trọn nơi tâm tư anh, vỏn vẹn có mỗi một điều là không khi nào anh có thể quên được cái biến cố của mười năm trước đây. Nó ghi lại trong ký ức anh bằng những đắng cay, ê chề mà theo anh nghĩ, khó có thể nào nhạt phai ở cuộc đời còn lại. Anh đã cố gắng quên đi tất cả để sống im lặng với chuỗi ngày tháng hờ hững trước mặt. Anh ráng tìm cách xua đuổi, tẩy uế các vết thương ấy ra ngoài tâm thức, nhưng ngược lại, nó chẳng khác nào như chứng bệnh nan y, lở loét, ung thối, bám cứng thường xuyên ở tim anh. Chưa bao giờ anh xây dựng ước vọng to lớn nào cả! Chưa bao giờ! Anh muốn sống bình thường, giản dị như mọi người khác, hầu tích lũy vốn liếng căn bản cho tương lai những đứa con anh đương sống ở Việt Nam. Chúng đang đi trên vỉa hè thối tha ở Sài Gòn. Chúng đương ngủ chập chờn hoặc suy nghĩ về thân phận mơ hồ của người cha chúng nó trước đây. Chúng đương bị tiêm nhiễm, đầu độc bởi cái lý thuyết mù quáng, vong bản, đi ngược lại với những nguyện vọng thiết tha của dân tộc. Chúng sẽ bị lôi cuốn, nhập cuộc vào các cuộc chiến tranh phi lý, vô nghĩa. Anh không biết phải làm gì bây giờ! Thất vọng anh phác lên cử chỉ yếu ớt. Hằng bao nhiêu người chôn vùi tuổi xuân vào chiến trường Campuchia. Bao nhiêu người ra đi vĩnh viễn để xây dựng lý tưởng hão huyền, mù quáng. Còn bao nhiêu người nữa để chuẩn bị lấp vào cái khoảng trống rộng thênh thang đó! Chán nản, anh cất nhẹ lên tiếng thở dài, buông thả niềm suy tư, nổi trôi về quá khứ của giai đoạn lịch sử tang thương nhất. Lịch sử sau này sẽ viết gì về thời điểm ấy! Viết gì! Cho đến bây giờ anh mới nhận chân ra rằng: Chính

biến cố năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm mới phơi bày, lột tả hết được từng góc cạnh về chữ "trung", chữ "tín" cùng mọi thái độ hèn nhát, đê tiện váng lên tại cái trại tù được mang tên là cải tạo. Cũng chính cái biến đó mới chứng minh được những người đàn bà can đảm, sống vì chồng và tận tụy với chồng. Nhờ đấy mới nhận ra được chân tướng của những kẻ bội bạc, phũ phàng. Họ quên đi nhanh chóng, vùi dập quá khứ một cách trắng trợn, trơ trẽn. Điển hình ngay chính em cũng nằm trong cái hàng ngũ xấu xa, nhơ nhớp đó. Em đang tâm xoay lưng, chối bỏ cả quá khứ để chung sống với kẻ thù địch của chồng mình. Hoàn cảnh ư? Điều ấy anh không bao giờ tin! Em đoạn tuyệt với tất cả mọi kỷ niệm vàng son, óng ả của một thời dĩ vãng. Chính em là tên hung thủ giết Ngữ không gươm dáo. Cuối cùng nó phải chết tức tưởi trong nhà tù. Nó chết đi mà tâm tư nó còn đem theo niềm uất hận. Sao em lại quá nhẫn tâm như vậy? Sự thật ngay chính anh cũng không có thể nào ngờ được. Những sợi mưa đầu mùa tiễn đưa Ngữ đến nơi an nghỉ quạnh hiu. Đêm hôm ấy, anh cảm thấy ray rứt, buồn rũ rượi. Cuộc đời là những dấu chấm, dấu hỏi cùng chuỗi chán trường dài lê thê. Em thật sự là kẻ đã lột xác, thay đổi toàn diện từ thể chất đến đời sống tâm linh chính mình. Em cố tình quên đi tất cả góc trời vàng son ở dĩ vãng, để đuổi theo rượt bắt những ảo tưởng phù phiếm trước mặt. Em tung hô, đề cao những kẻ xấu xa, phản bội lại dân tộc. Nghĩ đến đấy, anh phân vân tự hỏi: Anh không biết tại nguyên nhân hoặc động lực nào đã thúc đẩy em xoay chiều trên lãnh vực tư tưởng! Bao nhiêu đêm anh trằn trọc suy nghĩ. Bao nhiêu đêm anh vẫn chẳng tìm ra được câu trả lời thích đáng. "Chính các anh

là những kẻ có tội với tổ quốc và nhân dân." Anh nhớ mãi câu nói ấy mà em nói với anh vào lần gặp gỡ đầu tiên, kể từ ngày anh ra tù, và đấy cũng là lần anh chuẩn bị giã từ Sài Gòn.

Bây giờ thì anh đương đứng ở bên đây bờ đại dương. Một vùng đất hứa xa lạ với anh về tất cả mọi phương diện. Quê hương chỉ còn là hình ảnh lung linh, mờ ảo, tiềm ẩn ở tâm trí. Ở đây, hai chữ tự do được tôn trọng triệt để. Anh không còn cái cảm giác hoang mang, hồi hộp trước bóng dáng công an đứng lầm lì trên đường phố Sài Gòn trước đây. Anh chiêm nghiệm về ý nghĩa cao quí, đích thật của hai chữ tự do. Chỉ có tự do mớI là hạt giống vô giá nhất để ươm lên cái thảm nhung mượt mà, bóng bẩy của hạnh phúc. Hành trang mà anh mang đến đây chỉ còn lại có số kỷ niệm và mọi hình ảnh thân thuộc. Vỏn vẹn thật đơn giản mà anh cũng vẫn sống. Sống để hun đúc niềm hy vọng về một ngày nào đó, anh sẽ trở lại và đi trên từng con đường quen thuộc xưa cũ. Ghé vào các quán cóc bên vỉa hè mà trước đây anh thường ngồi. Anh tin chắc rằng, ngày đó sẽ đến và phải đến. Lịch sử sẽ quay đều, liên tục vào không gian lẫn thời gian bất tận. Lịch sử sẽ chẳng bao giờ ngừng lại. Đấy là điều khẳng định chắc chắn. Làm sao mà em có thể biết được những gì sẽ xảy ra ở hôm nay lẫn ngày mai! Làm sao mà em có thể quả quyết rằng, chế độ Cộng Sản hiện nay sẽ tồn tại, bất diệt! Theo anh, rồi đến một ngày nào đó, chế độ ấy sẽ phải đi xuống và tuần tự rã ra, cũng giống như những tảng băng trên vùng Bắc Cực bắt đầu chuyển mình vào một ngày Hạ nắng ấm. Đấy! Em cũng thấy: Chiến thắng mùa xuân năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm đưa bạo quyền miền Bắc

lên đến đỉnh cao của vinh quang, thì cũng chính chiến thắng ấy đã đánh dấu sự phân hóa, lũng đoạn trên bề mặt của hệ thống tư tưởng. Nhờ vào năm bảy mươi lăm nhân dân miền Bắc mới nhìn thấy rõ được đời sống của nhân dân miền Nam. Từ đó họ mới có ý niệm sâu sắc về hai chữ tự do, để rồi dẫn tới thái độ đánh giá và so sánh, đồng thời mới thấy được dã tâm thâm độc của chế độ. Nhân dân trở nên mất niềm tin vào tập đoàn thống trị. Trong khi ấy, trên cơ cấu thượng tầng kiến trúc, thường xuyên diễn ra những tần bi kịch tranh chấp vì ảnh hưởng, quyền lợi. Đấy là anh chưa đề cập tới các tệ trạng thối nát đương bành trướng, hoành hành, thao túng dưới hang ngũ của hạ tầng cơ sở. Phải chăng đó là hiện tượng mở màn dẫn đến con đường suy thoái cho cả một chế độ. Bao nhiêu mâu thuẫn, hoài nghi đương thấn dần, đục khoét, xoáy mòn nơi tâm não người cán binh Cộng Sản. Họ được bù đắp gì sau khi toàn thắng ở miền Nam? Trong khi đó, chế độ lại theo đuổi tham vọng mù quáng là xô đẩy nhân dân vào cuộc chiến tranh phi lý ở Campuchia. Chính họ là những tay đồ tể khát máu và hung bạo nhất trong lịch sử của dân tộc. Họ chà đạp lên nhân dân Việt Nam, lợi dụng xương máu của đồng bào để mưu cầu những tham vọng điên cuồng, bất chánh. Lịch sử sau này sẽ gay gắt lên án họ. Họ mới chính là những kẻ phản bội lại tổ quốc.

Bao nhiêu năm rồi! Bao nhiêu năm đưa họ đạt tới mục đích cuối cùng, đó là chiến thắng ở miền Nam, đồng thời đề ra chính sách cải tạo xã hội ở miền Nam lên ngang hàng với xã hội miền Bắc, theo chiều hướng đi lên của chủ nghĩa xã hội. Thử hỏi, với công cuộc xây dựng xã hội, họ đã đạt đến được những thành quả nào rực rỡ, ngõ

hầu kiến thiết tương lai hứa hẹn, ngời sang đến với đất nước. Anh không đồng ý với em về quan điểm lẫn lập luận cho cho nhân sinh quan theo chiều hướng của Marx. Giữa lúc mọi người đang thức tỉnh nhìn thấy mọi sai lầm, nằm trơ trẽn trên bình diện của lý thuyết đó, thì ngược lại ngay chính em lại cuồng tín, ca tụng, cổ võ cho đường lối phi nghĩa, vô nhân đạo. Nghĩ đến đấy, anh cảm thấy tâm tư mình đau nhói, buồn rũ rượi.

Anh vẫn đi. Đi miệt mài, phiêu lãng trên khoảnh trời xa lạ. Cuộc đời chẳng khác nào vì sao đổi ngôi, phải không em? Anh chính là tên lãng tử, lê gót trên nẻo đường vô định. Trong thoáng giây dừng bước, anh chạnh nhớ về em, về các con cùng mọi khuôn mặt đăm chiêu trên vỉa hè Sài Gòn. Anh đem niềm nhung nhớ về thành phố ấy, về mảnh đất điêu tàn, nhực nhằn, về thân phận làm người như em cùng mọi người khác đang bị bao vây, bưng bít bởi những bất công, nghiệt ngã. Trời tháng tư chói chang khiến anh có cảm giác như mình đang đi dưới sức nóng cay nghiệt của những ngày tháng tư năm nào. Tháng tư nặng nề, tang tóc, cuốn theo những sự kiện bất hạnh đến với đất nước. Phòng tuyến Phan Rang thất thủ, tiếp nối đến Long Khánh ngùn ngụt khói sung và cuối cùng rơi vào sự kiểm soát của địch quân. Sài Gòn lên cơn sốt tột cùng. Sài Gòn lo âu, hớt hải, chen chúc nhau chờ di tản. Tháng tư diễn ra với những cuộc bàn giao vội vàng, hấp tấp. Tháng tư đau nhói trong bản tin cay đắng đầu hàng. Tháng tư buông súng. Tháng tư hạ màn, kết thúc. Tháng tư ảm đạm, thê lương. Ngay buổi chiều hôm ấy, địch pháo kích vào bệnh viện nhằm cảnh cáo, uy hiếp tiểu khu. Tướng Hưng tự sát. Tướng Nam cũng tìm

cái chết để đền nợ nước. Nghe đâu cả tướng Hai ở căn cứ Đồng Tâm cũng kết liễu cuộc đời bằng viên đạn căm hờn. Một người bạn cùng đơn vị nói với anh như thế. Anh nghiêng mình đem niềm kính phục về ba vị tướng tuẫn tiết này. Những vị tướng noi Hoàng Diệu, Phan thanh Giản. Những vị tướng đi vào lịch sử. Những vị tướng đã nêu cao tinh thần bất khuất của dân tộc. Anh liên tưởng đến buổi sang thật u ám hơn bao giờ hết. Buổi sáng mà người dân tỉnh lỵ đứng ngơ ngác, hoang mang trước các đơn vị địa phương, xốc xếch trong bộ đồng phục nylon dầu cùng chiếc nón tai bèo, lác đác vào tiếp quản thành phố. Anh nhớ đến cánh cửa sắt nặng nề của khám đường từ từ mở ra và mọi người đều sững sờ nhìn nhau thầm hiểu. Từng bài học chính trị nhạt nhẽo cho đến cái chính sách lật lọng, bịp bợm đã chôn vùi tuổi trẻ của anh cùng mọi người khác xuống tận cùng của hố thẳm đen tối, của ngục tù, của nông trường lầm than, đọa đầy, bỏng cháy. Anh vẫn còn nhớ câu mà anh nói với em vào lần gặp mặt đầu tiên kể từ ngày anh bước chân vào trong tù:

"Anh chẳng khác nào một tên nô lệ thời trung cổ. Một tên nô lệ không hơn không kém trước những hành động thô bạo, dã man của những kẻ chiến thắng hung tàn, bạo ngược."

Nói xong, anh nhếch miệng cười chua chát. Em thỏ thẻ bên tai anh:

"Chừng nào thì anh được trả tự do! Em nghe nói là không lâu đâu anh ạ! Nhưng vấn đề đặt ra là mình phải kiên trì để đạt tới sự tiến bộ thật sự về cả hai lãnh vực tư tưởng lẫn lao động."

Anh ngước lên dằn từng tiếng:

"Cho đến giờ này em còn tin tưởng ở nơi họ hay sao? Tiến bộ! Thế nào gọi là tiến bộ? Chẳng qua đấy chỉ là tấm vải thưa để che đậy dã tâm quỉ quyệt, xảo trá ở bên trong. Anh không tin! Không khi nào anh tin! Ngay từ khi anh bước chân vào khám đường Vĩnh Long, anh mới thấy rõ được sự sai lầm của chính mình. Anh đã quyết định vạch sẵn cho mình một con đường để đi. Một con đường mà theo anh nghĩ, khó có thể nào thành tựu được, nhưng anh vẫn phải theo đuổi nó! Bởi vì anh không còn giải pháp nào khác để lựa chọn. Anh sẽ trốn, từ giã khỏi nơi này. Không có lý do nào trói buộc anh phải chôn vùi cuộc đời ở nơi đây. Anh biết rằng, đây là quyết định táo bạo, rủi nhiều, may ít, nhưng anh vẫn phải chấp nhận nó, bởi vì lý do như anh đã trình bày với em ở phần trên."
Ngừng lại vài giây, anh đổi giọng chán trường:
"Anh chán quá rồi. Chán thật sự. Chưa bao giờ anh nghĩ đến ngày về! Bởi vì nó còn xa lắm, mù mịt ở mãi tận cuối chân trời."
Em dơm dớm nước mắt:
"Đừng! Anh! Đừng bao giờ dại dột! Trốn ra trong lúc này thì chỉ có mỗi con đường duy nhất là dẫn đến sự chết."

Thoắt chốc mà mười năm qua đi. Thế mới biết tốc độ thời gian đi qua đời người thật quá nhanh em nhỉ? Mười năm làm cho chúng ta già hẳn đi. Mười năm còn đọng lại nơi ký ức chúng mình được những gì! Đau đớn, tủi nhục cùng nỗi băn khoăn về tương lai đục tối của đàn con chúng mình. Có phải đúng như vậy không em?
Mười năm đi qua đời anh bằng cả chặng đường dài nhục nhằn, gian khổ. Mười năm kéo lê thân xác héo

gầy qua các nhà tù Tri Tôn, Tịnh Biên, Long Xuyên, Châu Đốc, Tà Đảnh, Chí Hòa với chuỗi ngày tháng dài hồi hộp, lo âu. Suối Máu cùng năm tháng khổ sai lao động trên nông trường Đồng Hòa hẻo lánh. Rốt cuộc, anh cũng vẫn sống, rồi trở về nhìn lại em cùng các con, nhìn lại Sài Gòn với nỗi xót xa gợn nhăn ở tâm thức. Sài Gòn tiều tụy hẳn đi từ khuôn mặt cho đến chiều sâu của nó. Anh có cảm giác như mình đang đứng trên một thành phố xa lạ nào khác. Sài Gòn hôm nay khác hẳn với Sài Gòn ngày xưa. Một Sài Gòn lạc quan biến mất, nhường bước cho Sài Gòn của lo âu, của khắc khoải, của đăm chiêu, tư lự cùng những khuôn mặt cằn cỗi, nhăn nheo, già nua đi trước tuổi.

Anh gửi về em nỗi nhớ nhung thầm kín hôm nay, cùng những ưu tư, khắc khoải, phiền toái đang âm ỉ, gậm nhấm trong tâm linh anh nơi chân trời mới này. Anh mơ về ngày nào đó, một ngày thật đẹp trời, chan hòa với đầy đủ mọi ý nghĩa sâu sắc, trọn vẹn về hai chữ tự do cùng nền hòa bình đích thực trải rộng trên quê hương mình. Quê hương là tiếng gọi thiêng liêng, cao cả, là nơi mà anh được sinh ra, uống từng giòng sữa mẹ ngọt ngào ở nơi đấy. Nó có hấp lực đặc biệt gắn bó anh vào từng con đường quen thuộc, cho đến từng cánh đồng phẳng lì, mượt mà thẳng tắp. Từng ngôi làng thân yêu cho đến các cụm rừng già ngút ngàn và những giòng sông hiền hòa, rực rỡ. Từ đấy, nó gói ghém, chắt chiu thành những tháp ngà vàng óng của kỷ niệm. Anh có bổn phận ôm ấp, nâng niu nó như một thứ kỷ vật ngà ngọc, vô giá khó quên ở tại đời sống này.

Anh mang nỗi uẩn khúc tới một thành phố xa lạ. Thành phố mà anh mới đặt chân đến được mấy hôm nay.

Chung quanh anh, mọi người đương xôn xao, náo nức, chuẩn bị đón mừng mùa giáng sinh bừng đến cùng một năm mới dương lịch tràn đầy hy vọng. Thành phố rực sáng với những ánh đèn màu lấp lánh về đêm cùng những trận mưa tuyết âm thầm, mịt mùng rơi xuống. Thành phố mà ai nấy đều sống bình thản, lạc quan về tương lai đất nước họ. Họ sống với đầy đủ ý nghĩa sống. Anh buông ý nghĩ về quê hương đọa đầy, về bóng tối đương trùm kín trên mọi nẻo đường đất nước hôm nay, về đám bạn bè đang tuyệt vọng trong phạm vi hạn hẹp của bốn bức tường thối tha, đen tối. Tự nhiên anh muốn thắp lên điếu thuốc. Anh thò tay vào túi quần, lấy ra điếu thuốc cuối cùng còn sót lại, cài lên môi rồi bật hộp quẹt châm lửa. Anh cố rít hơi cay xé xuống buồng phổi rồi ngước lên thở ra nhè nhẹ. Từng lọn khói no tròn uốn éo tỏa ra, cuốn theo biết bao nhiêu nỗi phiền muộn, đắng cay, tê tái của người dân tỵ nạn./.

NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊN

Lấp Một Dòng Sông

Có ngàn muôn khúc sông buồn
Nhưng nào ai biết bắt nguồn từ đâu

Tôi đứng nhìn người đàn ông xúc từng xuổng đất đổ

xuống sông. Tôi không biết anh bắt đầu từ khi nào, nhưng từ lúc tôi đến khi trời vừa sáng cho đến bây giờ mặt trời đang đứng bóng mà anh vẫn chưa nghỉ. Thỉnh thoảng anh ngừng lại đưa tay lau mồ hôi trên mặt rồi lại tiếp tục. Từ lúc tôi đến anh chỉ ngó tôi cười một lần rồi thôi. Hình như đối với anh tôi cũng là một phần của cảnh vật chung quanh dòng sông này. Tôi bước về trong lúc anh ngưng để ăn trưa và nghỉ mệt. Trong buổi ăn trưa của Tiểu Đoàn, tôi hỏi những người lính về người đàn ông lạ lùng bên dòng sông đó. Người thượng sĩ già xua tay và nói với tôi:
- Kệ nó chuẩn úy. Hơi đâu mà lo cho nó. Chuẩn úy mới về đây nên không biết. Thằng đó nó khùng mà! Nó có mẹ và em muốn trốn qua bên này; bị Việt Cộng bắn chết ở bờ sông bên kia. Nó muốn trốn qua đó đem xác mẹ và em về, nhưng thiếu tá Tiểu Đoàn Trưởng không cho. vì sợ nó qua bên kia thì cũng bị bắn mà thôi. Nó nổi khùng từ đó. Nó muốn lấp cái sông kia để mai mốt ai muốn qua thì dễ dàng hơn. Thấy nó hiền, không hại ai, nên tụi tôi cứ cho nó cơm ăn và cứ để nó đi đào đất lấp sông. Tội nghiệp! Cái thằng quá thương mẹ, thương em nên nổi khùng Chứ ai đời nào đi đào đất lấp sông bao giờ, phải không chuẩn úy?

Người thượng sĩ già lắc đầu ái ngại quay đi. Câu chuyện được chấm dứt ở đó, nhưng cả buổi trưa hôm ấy tôi vẫn bị câu chuyện ám ảnh không dứt.

Sau buổi ăn chiều, tôi khoát chiếc field jacket (áo trùm dã chiến) ra bờ sông. Tôi không tìm thấy anh. Có một bàn tay lay nhẹ vai tôi. Quay lại, tôi thấy anh đang đứng

sau lưng nhìn tôi với một nụ cười. Tôi ngồi xuống bên anh dưới một gốc cây và nghe anh kể về cuộc đời của anh, một cuộc đời thật bình dị đã mất đi từ ngày chiến tranh bùng nổ. Để rồi từ đó, anh đã mất mẹ và em đã bị giết trên bờ bên kia; và anh còn đau xót sống trên bờ sông bên này. Đối với anh, con sông trước mặt tượng trưng cho một sự cách ngăn vô bờ bến. Mơ ước của anh là một ngày dòng sông này sẽ được thay bằng những con đường thật êm, thật thẳng để mang người về với người. Anh nói tình thương giữa cha mẹ anh em, con người phải vượt qua mọi lý thuyết chính trị. Tôi ngồi nghe anh nói mà không biết anh là một người khùng; hay tất cả nhân loại trên thế giới đang điên. Dòng sông trước mặt là kẻ thù to tát nhất của anh. Nó làm cách chia tình người. Xóa nó đi, anh sẽ xóa tan thù hận, đau thương. Anh hỏi tôi: "Ai là người có quyền chỉ định một con sông mà bảo rằng con sông này ngăn cách cha mẹ, anh em? Và ai, ai là người có quyền bảo con sông này là sự cách biệt giữa bạn và thù, khi người của đôi bên bờ sông cùng nói chung một thứ tiếng và mang chung một màu da?" Rồi anh đứng dậy chạy ra bờ sông. Tôi còn ngồi đó vẫn còn ngỡ ngàng với những câu hỏi của anh. Trong bóng đêm, tôi nghe từng tiếng vang hằn học của những miếng đất đang bị ném xuống sông.

Từ đó, người đàn ông bên bờ sông đã trở thành một phần trong cuộc sống của tôi. Hình như những tiếng cuốc đất của anh đã là một sự cần thiết cho tôi, như hơi thở vậy. Dòng sông đó đã trở thành kẻ thù của tôi. Tôi khác anh là tôi vẫn còn mang một lý tưởng cho tự do, nên tôi vẫn tay súng, vẫn ba-lô, áo trận. Nhưng tôi biết vẫn còn một

trận chiến khác nghẹn ngào hơn giữa người đàn ông và dòng sông đó. Tôi mong anh là người chiến thắng, nào phải cho riêng anh, mà còn cho tôi nữa.

oOo

Đêm qua giặc về. Giặc kéo về từ bên kia bờ sông như vũ bão, thình lình. Ở bên này bờ sông, sức phản khán cũng mãnh liệt không kém.

Trời vừa hừng sáng, cuộc tấn công chấm dứt. Như một thói quen, tôi bước ra khỏi giao thông hào và tìm ra bờ sông. Tôi ngó quanh, không có một ai. Và tôi thấy cái xuổng của anh nằm cách đó không xa. Bước lại gần, xác anh đang nằm trên mặt nước. Trên người anh là những vết đạn hoằn sâu, nám khét. Của họ hay của mình, tôi cũng không biết. Máu của anh loang rộng trên mặt nước. Gở cái xuổng từ trong bàn tay nắm chặt của anh, tôi đào một cá hố thật sâu và chôn anh ngay bên cạnh dòng sông. Sững sờ và mất mát, tôi muốn gào thét, la to cho tan vỡ tất cả. Và cũng như anh, tôi hằn học xúc từng xuổng đất ném xuống sông, như đang ném sự bất lực tức tối của mình. Đến khi đuối sức, tôi quị xuống bên cạnh cái xuổng. Cổ nghẹn, lồng phổi muốn nổ tung ra. Môi khô và đắng.

Đưa mắt nhìn trên mặt nước sông, máu của anh vẫn loang đi. Tôi tự hỏi, không biết máu của anh có loang đến bên kia bờ sông?

NGUYÊN MINH

Sợi Chỉ Mong Manh

(cảm bút)

Sáng nay, như mọi lần tôi thức dậy sớm, tự pha cho mình một tách cà phê sửa, nhưng tôi bỏ cuộc đi dạo rảo bộ trên con đường phố vắng người cùng xe cộ lúc trời còn lờ mờ, ánh điện đường chưa tắt. Tôi ngồi trên gác, nhìn ra cửa sổ, ngoài kia là bãi cỏ xanh mướt rộng thênh thang của vòng đai phi trường Tân Sơn Nhất, sương mù còn lảng đảng bao quanh. Tự nhiên thấy lòng mình buồn vô hạn. Tôi mở mấy vi tính, để đĩa nhạc Vô Thường. Tiếng đàn guitar, từng tiếng một, thánh thót vang lên như từng mũi tên bắn vào tận trái tim. Trong âm thanh buồn tê tái ấy, quyện vào đó là những khuôn mặt của những người thân đã đi vào đời tôi. Cứ chập chờn, khi ẩn khi hiện. Người Cha. Bà Mẹ. Những thằng bạn. Đã chết. Hoặc còn sống thì xa cách nửa vòng trái đất. Rồi nụ cười. Rồi những giọt nước mắt của cô gái mười bảy tuổi xa xưa. Cũng như những bước đi nhẹ nhàng êm ái, tay người nắm lấy tay ta, đi cạnh nhau qua những con đường có hàng me xanh trong đêm Sàigòn, trời mát dịu, lần gặp gỡ nhau lại, sau ba mươi năm cách biệt. Người con gái năm xưa và người đàn bà bây giờ. Có gì cách biệt? Có gì khác đâu? Một cuộc tình dang dở ngày xưa? Một cuộc hội ngộ bây giờ. Rồi người cũng lại ra đi, trở về mái nhà bên kia địa cầu. Bỏ lại những gì người đã làm lòng tôi ấm lên. Đốt lên một ngọn lửa rồi cháy hừng hực làm

bùng dậy trong tôi bao nhiêu cảm xúc mà từ lâu tưởng đã chìm trong đóng tro tàn. Đã 25 năm tôi gác bút, tưởng như không còn gì nữa để phải viết lên trang giấy, trải lòng mình vào chữ nghĩa văn chương, dù đời tôi biết bao nhiêu khổ đau, ê chề sau một cơn biến động lịch sử kinh hồn đã quăng tôi và bạn bè ra tứ phía.

Cám ơn "người tình muôn đời" ấy đã là một động cơ lớn thúc đẩy tôi phải cầm bút viết văn trở lại.

Những nhân vật trong tuyện của tôi sau này đều là những người thân yêu. Người yêu cũ. Người vợ hiền. Cô bạn láng giềng ngây thơ ngày thơ ấu. Người Mẹ bao dung. Người cha khắt nghiệt. Những người bạn, cùng say mê văn chương. Thời thanh xuân chúng tôi cùng nhau làm một tạp chí văn học nghệ thuật mang tên Y Thức. Tất cả những người thân yêu đó, bấy lâu tưởng đã hóa đá trong tâm hồn tôi. sau bao nhiêu năm tháng, một hôm bỗng rủ nhau trở lại thành người, đánh thức tôi, gợi lại những xúc cảm mới. Tôi nghĩ về họ. Tôi nghiệm ra rằng, từ thuở ấu thời đến tuổi xế chiều, họ đã cho tôi biết bao nhiêu điều muốn nói. Tất cả những người thân yêu đó đã quyện vào tôi như nhập thành một. Tại sao tôi phải im lặng.

Phải chăng nói về những người thân đi qua đời tôi cũng có nghĩa là nói về mình. Ngược lại, viết về mình cũng có nghĩa là viết về họ. Không thể tách riêng ra tôi và họ.

Cũng như, người bạn tình, người bạn đời, người bạn hữu, tất cả những người phái nữ ấy có chung cùng một chữ bạn nhưng khác nhau chữ tình, chữ đời, chữ hữu. Cám ơn trời đã cho tôi cùng một lúc ba người đàn bà ấy. Ranh giới giữa bạn tình, bạn đời, bạn hữu ấy chỉ cách nhau một đường chỉ nhỏ như sợi tóc. Một sợi chỉ mong manh.

Sợi tóc ấy, vợ tôi - người bạn đời - đã cảm nhận ra từ lâu. Sau khi mối tình của tôi và T. tan vỡ, nàng bỏ đi lấy chồng. Tôi thề rằng không bao giờ tôi lấy người tôi yêu. Hôn nhân đến với tôi như một cái duyên nợ. Tôi cưới vợ trong một tình cờ. Khi từ Sàigòn về Tuy Hòa để gặp một số nhà văn, tôi ghé thăm người cậu, em út của mẹ tôi. Nhìn thấy cô gái lởn vởn trước mặt, bên kia con hẻm nhỏ, cùng mấy cô bạn gái khác đang vui đùa. Trông nàng dễ thương. Nét ngây thơ còn hiện rõ trên khuôn mặt. Tôi nói với cậu tôi là tôi muốn lấy vợ. Và người đó là cô gái ấy. Đám cưới sau đó một tháng. Tôi chưa kịp nói một câu làm quen. Tôi đem vợ về sống ở một thị xa nhỏ. Một cô gái tuổi 18, ngây thơ và trong trắng. Tất cả những vui buồn, đau khổ cũng như hạnh phúc về T. để lại cho tôi, tôi đều tâm sự với nàng. Tôi còn đưa cả những lá thư tình cùng hình ảnh của T. Vợ tôi cảm động và khuyên tôi cứ nên cất giữ, để bây giờ, ba mươi năm sau, tôi gặp lại T. tôi đưa cho nàng xem lại những lá thư tình ướt át đó, những tấm ảnh vàng ố ấy đã hoen màu thời gian. Nàng cũng xúc động, đôi mắt của người đàn bà cũng rơm rớm nước mắt, những giọt nước từ lâu tưởng đã khô cạn.

Trước khi lấy chồng, vợ tôi chưa hề biết tình yêu là gì? Nhiều lần nàng tỉ tê hỏi tôi. Tôi trả lời nàng mà như nói thầm với mình: "Tình yêu buồn lắm, chỉ đem lại cho mình những khổ đau, dằn vặt, đôi khi chỉ mang lại một ít hạnh phúc, nhưng rồi như mây khói chợt đến rồi chợt tan".

Bao nhiêu năm qua, chúng tôi sống bên nhau, cùng chia xẻ những đớn đau về vật chất cũng như tinh thần mà

cuộc đời bể dâu, nhất là sau cơn biến động kinh hồn của lịch sử, năm 1975, đã làm tan nát cả những gì mà chúng tôi đã gầy dựng nên. Một nhà in. Một nhà xuất bản. Một tạp chí văn học Ý Thức. Một nhà phát hành sách Hàm Thụ. Tất cả cuốn trôi theo cơn bão tố. Trong những lúc trò chuyện, chúng tôi tránh nhắc tới những vết thương đó cũng như về những chuyện bực mình do người chung quanh gây ra. Chúng tôi chỉ kể cho nhau nghe kỷ niệm êm đềm đẹp đẻ xa xưa của người thân yêu để lại. Chúng tôi chung nhau vun đắp tương lai cho các con của mình, dù hôm nay phải còng lưng làm lụng vất vả như cuốc đất trồng cây, lam lũ dưới đồng ruộng.

Đôi lúc đời sống vợ chồng cũng có lúc làm tôi bực bội, giận dữ, nhưng tôi bỏ đi lang thang trong xóm làng một lúc rồi thôi. Vì tôi nghiệm ra rằng có những lúc bản thân mình chưa làm mình vừa lòng, không thỏa mản được những gì mình mong ước, làm mình ray rức thì làm sao buộc người khác phải hoàn toàn làm mình vui lòng. Có những lúc nàng giận hờn hoặc trách móc tôi, tôi nói cho nàng hay những điều tôi đã nghiệm ra đó. Nàng im lặng và sau đó nàng cười như xóa lỗi. Làm người không ai hoàn toàn được. Giữa cái xấu và cái đẹp chỉ cách nhau một ranh giới rất mơ hồ. Sống với nhau suốt đời, cái gì đẹp giữ lại còn cái xấu xóa đi. Thế thôi. Tôi thương vợ tôi nên tôi phải thương những người thân yêu của nàng. Ngược lại nàng cũng quí mến chân tình, thương yêu những người đã đi vào đời tôi. Cũng như tôi tôn trọng nàng. Nàng cũng tôn trọng lại tôi. Hạnh phúc vợ chồng của chúng tôi chỉ có thế mà thôi.

*

Ngày xưa, lúc tôi còn thơ ấu, tôi có một cô bạn láng giềng, mãi đến bây giờ dù tôi đã lên hàng ông nội ngoại, tóc đã bạc, lưng đã còng, nhưng tôi vẫn không thay đổi tình cảm trân trọng, quí mến về cô ấy, như thuở nào. Một tình bạn trong sáng.

Ngày đầu quen nhau, cô bé mặc chiếc áo đầm, đứng trước hiên nhà, tựa cằm lên khung cửa sổ nhìn vào ngơ ngác nhìn tôi đang cầm chiếc đàn mandolin gẩy từng tiếng bản nhạc Ngày mùa. Cô bé nói giọng Bắc kỳ, nghe lạ tai, thánh thót như chim hót. Hỏi ra mới biết cô nàng là bạn láng giềng, vừa mới từ Bắc theo gia đình di cư vào Nam. Cô bé tên Khánh, nhỏ thua tôi một tuổi. Ngay từ đó, Khánh thường nghe lời tôi. Và ngược lại, tôi cũng thường làm theo lời khuyên của Khánh, khi tôi làm điều gì sai quấy.

Lớn lên, khi Khánh vừa ra con gái, nhiều anh chàng theo đuổi Khánh, nàng đều kể cho tôi nghe. Và tôi cũng thế. Có vài bóng hồng làm tôi đôi chút xao xuyến, tôi cũng thổ lộ với Khánh. Ngày tôi gặp T. và yêu T. lúc ấy Khánh đã theo gia đình vào Sàigòn, nên mỗi lần có dịp vào Sàigòn tôi mang theo cả ảnh T. cho Khánh xem và tâm sự với Khánh. Cô bạn gái ấy nhắc nhở tôi nên quan tâm chăm sóc người yêu vì từ lâu Khánh biết tánh tôi thường lơ đảng trong mọi lảnh vực ngoài văn chương. Cô bạn láng giềng thuở thiếu thời giờ đã thành cô thiếu nữ xinh đẹp, Khánh cùng tôi đi vào thương xá, nàng chọn hộ tôi một sợi giây chuyền bằng bạch kim để tôi mua về làm quà tặng người yêu. Tôi biết mãi đến giờ T. cũng không biết việc này. Khi mối tình của tôi và T. tan vỡ, Khánh trách chỉ tại tôi vô tâm, sao không thể hiện tình yêu qua những cử chỉ âu yếm thường tình. T. đã lấy

chồng, Khánh khuyên nếu lần sau tôi có yêu ai nữa thì đừng bao giờ lỗi hẹn, dù là một lời hứa dạo phố chẳng hạn. Tôi cười như đồng ý.

Còn chuyện tình của Khánh đã làm tôi đau lòng, đứt ruột. Mối tình từ thuở học trò do tôi gầy dựng, vun đắp lên, đẹp như một vầng trăng sáng, như ánh mặt trời rạng sáng buổi rạng đông, nhưng rồi cũng tan đi, không nhẹ nhàng như mây khói mà cuồng cuộng cuốn theo cơn giông bão để lại những cảnh đổ nát tan hoang. Tôi giận Tân, tên bạn thân và cũng là người yêu của Khánh, đã tự hủy đời mình bằng một phát súng cùng bí ẩn của cái chết mang theo. Không cần hắn để lại di chúc nhờ tôi an ủi Khánh, tôi cũng san sẻ những khổ đau vì mất mát người thân yêu nhất của đời mình với Khánh. Những lần có dịp vào Sài Gòn tôi đều ở lại nhà Khánh đôi ba ngày, chúng tôi mặc sức mà hàn huyên.

Bấy giờ, chúng tôi đã đến tuổi ba mươi, nhưng trong những lần dạo chơi ở vườn bách thú, rủ nhau đi ăn nhà hàng, hoặc chui vào rạp chiếu bóng, vừa xem phim vừa ăn kem, chúng tôi tôi vẫn tưởng mình còn là những đứa bé chơi đùa vô tư hồn nhiên. Những lúc đó, bao nhiêu những ray rức khổ đau trong lòng tôi về một mối tình của tôi và T. tan vỡ đều tan biến đi.

Sau đó, Khánh cũng đi lấy chồng, theo lời khuyên và phân tích tỉ mỉ của tôi. Sao ta không thành hôn với người mà ta không yêu. Còn gì nữa đâu, quả tim đã một lần tan nát. Lấy người yêu mình và mình chung sống với nhau, để rồi nảy sinh ra một thứ tình cảm mới: đó là nghĩa vợ chồng. Tôi cũng vậy. Lấy vợ xong, vào Sàigòn việc đầu tiên là tôi dẫn vợ đến thăm Khánh. Và Khánh xem nàng như một cô em gái thân thương.

Cơn lốc lịch sử đã cuốn gia đình Khánh qua bên kia nửa địa cầu. Chúng tôi biệt tăm từ đấy. Mỗi lần nhớ đến những ngày xưa thân ái tôi chỉ biết lật từng trang album nhìn những tấm ảnh đã hoen ố về người bạn gái láng giềng xinh đẹp. Vợ tôi cũng bảo tôi tìm cách liên lạc với Khánh xem chị ấy sống như thế nào? Có hạnh phúc không?

Bước qua thế kỷ mới. Đầu năm 2000 tôi nhận được thư Khánh từ bên kia nửa địa cầu về thăm hỏi. Từ lâu Khánh vẫn còn nhớ đến người bạn xa xưa này, và cũng thường hỏi thăm tôi qua cô em gái cũng là bạn Khánh từ thuở nhỏ, cũng sang Mỹ cùng thời với Khánh. Tôi xếp mấy tờ thư lại. Những phút giây xúc động thắm vào tim tôi. Hình ảnh cô bạn láng giềng từ thuở còn thơ ấu ấy lại chập chờn trong tâm tưởng. Với tôi bao giờ Khánh cũng là cô bé 13 tuổi ngây thơ, hồn nhiên và tôi trong mắt cô ấy cũng chỉ là cậu bé vui tính. Dù giờ này chúng tôi tuổi đã gần sáu mươi và các cháu nội ngoại xấp xỉ với tuổi chúng tôi ngày mới quen nhau. Tuổi thơ của tôi là Khánh. Tôi quí trọng tuổi thơ mình. Vợ tôi cũng quí trọng tình bạn giữa tôi và Khánh. Nàng nói: "Không phải ai cũng có được tình bạn như thế." Sau đó, Khánh và tôi cũng nói chuyện qua điện thoại. Vẫn giọng nói Bắc kỳ thánh thót, âm điệu trầm bổng. Tự nhiên tôi muốn nghe Khánh hát, như ngày xưa Khánh đã hát cho tôi nghe vào những buổi chiều nhiều mây trắng lênh đênh trên trời xanh. Những lúc ấy tôi quên hết mọi ưu phiền mà mối tình của tôi và T. làm tôi ray rức, khổ đau.

Qua thư từ tôi được biết Khánh sống hạnh phúc với chồng con. Tôi không còn thao thức sau khi tỉnh dậy thoát cơn mơ chập chờn hình ảnh Khánh đã thành người

đàn bà già nua sống âm thầm bên cạnh người chồng lạnh lùng, còn người đàn bà đó đôi mắt lúc nào cũng buồn bã nhìn về một cõi xa xăm nào đó. Tôi vẫn thường nằm mơ thấy Khánh như thế. Lúc ấy tôi giận vô cùng về Tân. Bao nhiêu câu hỏi đặt ra: "Tại sao mày chết." Cái gì thúc đẩy hắn phải tự kết liễu đời mình bằng một phát súng vào đầu. Cái chết đầy bí ẩn đó bao nhiêu năm qua, đã hơn 40 năm nhưng ám ảnh theo suốt cuộc đời tôi.

Trong buổi ra mắt tập truyện Tưởng Chừng Đã Quên của tôi do Thư Ấn Quán xuất bản, tôi cùng bạn bè, có T. từ Mỹ về, vợ tôi ngồi bên cạnh, dù lúc ấy tôi đang bị cơn đau bao tử hành hạ, tôi cảm thấy chưa bao giờ mình được hạnh phúc như thế. Anh em Ý Thức, số còn lại bên nhà, nhất là Lữ Kiều có nhận xét là trong tất cả các truyện ngắn hầu hết nhân vật đều có mặt là những người nữ thân yêu của tôi như T., Lan, Khánh. Còn nam có Vô Thường, Trịnh Công Sơn, Ngy Hữu, Lữ Quỳnh, Đỗ Quang Em, Trần Hoài Thư, Lữ Kiều. Tôi còn sót, chưa viết về một người bạn thân thiết rất ảnh hưởng đến tôi. Phải, đã nhiều lần tôi suy nghĩ và viết về hắn nhưng có một cái gì đó bí ẩn cứ đè nặng tâm trí và cảm xúc của tôi làm tôi ngừng lại. Nhưng trước sau gì tôi cũng phải về hắn như để trả nợ. Đó là Tân, người bạn chí thân với tôi và cũng là người yêu của cô bạn láng giềng yêu quí của tôi.

Trong một lá thư Khánh gởi cho tôi sau khi đã nhận được tờ Ý Thức Bản Thảo số 2 có đăng truyện "*Tiếng hát dưới trăng*" mà nhân vật chính là Khánh. Nàng trách tôi thậm tệ. Sao tôi viết chi mà ác thế, khơi lại làm gì vết thương từ lâu tưởng đã lành lặn, nay đọc truyện của tôi làm vết thương trong lòng nàng chợt òa vỡ ra. Khánh

phân trần là Tân chết không phải vì nàng mà vì một người con gái khác, người đó không ai xa lạ trong đám bạn bè thuở còn đi học với chúng tôi. Khánh nói tôi là bạn thân của Tân, biết chuyện đó mà giả vờ làm ngơ.

Thôi hãy cho những chuyện tình thuở học trò đẹp như một làn sương mai đi vào quá khứ và quên hẳn nó đi để mình còn sống hạnh phúc bên người chồng. Còn chuyện giữa nhân vật xưng tôi và Khánh, ngày ấy, sao lại có những cảnh tôi đến đón Khánh ở sở làm, đi ăn, dìu nhau đi ciné và ngồi chung một ghế. Trong truyện "*Tiếng hát giữa đêm trăng",* tôi có nói một ý chính rất rõ ràng là khi ngồi chung một ghế, cầm cây kem đưa lên miệng mà tôi cứ tưởng rằng người con gái ngồi bên cạnh chỉ là một cô bé lên mười, người bạn láng giềng của tôi mà thôi. *Tôi mất cô láng giềng cũng như tôi đã mất tuổi thơ hồn nhiên của mình. Một tình bạn vẫn mãi mãi trong sáng.* Tôi biết Khánh biết điều đó, giờ tuổi đã già, đời sống quá bôn chen ê chề quá hay sao mà mình lại đánh mất tình bạn ấy. Khánh yêu cầu tôi viết truyện không nên để tên thật và nơi chốn của nhân vật trong truyện. Khánh viện cớ là để tránh ngộ nhận của chồng con, anh em, bạn bè. Việc này tôi có lỗi, quên đi những phiền toái đó. Khánh khuyên tôi khi có gia đình rồi mà yêu một người có chồng như Khánh là không ổn. Tôi chưng hửng đến ngơ ngác. Giá như lúc này có Khánh ngồi đối diện, tôi vẫn xem như nàng như cô bạn gái thuở mười ba mà la lên: Bộ bà điên rồi hay sao? Chỉ vì một truyện ngắn, mà đó chỉ là một hoài cảm về một tình bạn. Vì một lý do nào đó mà mình có thể phủ nhận những tình cảm trong sáng ấy.

Tôi có đưa bức thư đó cho vợ tôi đọc, nàng biết tôi đang bị tổn thương rất lớn. Người bạn gái thân của mình đến

giờ này vẫn không nhận ra sợi chỉ mong manh, ranh giới giữa tình yêu, nghĩa vợ chồng và bằng hữu mà từ thuở nào đến tuổi đã xế chiều vẫn tồn tại trong tôi.
Còn tình yêu suốt đời tôi chỉ dành cho một người.
Bây giờ, dù sao tôi cũng cám ơn Khánh đã làm tôi chợt nhận ra vì sao Tân tự kết liễu cuộc đời thanh xuân của mình. Tôi tự hỏi: "Thuở ấy, chàng thanh niên 23 tuổi đời chưa nhận ra được sợi chỉ mong manh ấy trong tâm hồn mình, đến nỗi chàng đã lầm lẫn giữa tình yêu và tình bằng hữu. Chàng tưởng mình là kẻ phụ tình. Chàng căm thù nó đến mức phải giết hắn đi."
Phải đã đến lúc tôi viết một truyện ngắn về hắn, xoay quanh ba nhân vật nữa là tôi, Khánh và Hoàng, như một món nợ phải trả, dù đã 40 năm trôi qua.

Tháng 7 năm 2006

TRANG THƠ

HẢI PHƯƠNG * PHẠM NHÃ UYÊN* HOÀI KHANH* HẠC THÀNH HOA* PHAN BÁ THỤY DƯƠNG * TỪ THẾ MỘNG * PHẠM NGỌC LƯ * ĐOÀN CHINH NAM* ĐOÀN NGỌC KIỀU NGA * KIỀU MỘNG HÀ * TRẦM MẶC HOA HUYỀN * HOÀNG XUÂN SƠN * CAO VỊ KHANH * TRẦN PHÙ THẾ * NGUYỄN ĐỨC NHƠN * TRẦN CHIẾN HÒA * PHẠM CAO HOÀNG *

HẢI PHƯƠNG

Trái Cây Vỡ Lòng Ngai Ngái Thổ Ngơi Em

1. Con đường chở đầy những sớm mai đi vẫn đợi
Những ngón tay đồng thiếp đâm chồi xanh xao ngọn ấu thơ thương tật sót lại trong bảo tàng ký ức hoang dại loang loáng gam màu vàng đất cô đơn cùng tận.

Những ngón tay bụi phấn phù điêu vô lượng một thời vào lớp học nẩy mầm liều lĩnh xanh biếc ngọn ấu thơ phục sinh trước bình minh của gió biển và rừng uất hương xôn xao tiếng chim buổi sớm mai con đường vẫn đợi lên đồi thông vang bóng.

Những ngón tay phơi mở róc rách như hơi thở của giòng chảy thứ ngữ vựng mù sương lâm viên che phủ mờ mờ ngọn hải đăng Le Beau Rivage trùng dương dạt dào con sóng vỗ khát khao bờ bãi đến.

Những ngón tay no tròn hư ảo gõ nhẹ dạ khúc cho chim trên phím đàn hoang tưởng giòng thời gian chảy mềm bờ vai pho tượng buồn trong công viên đời người như một cõi tình phai chìm khuất hồ mắt em xa lạ chôn dấu hẹn hò lạc loài một gốc trời gọi mời nương nấu.

Những ngón tay tầm gởi buổi sớm mai khi mặt trời hôn gót chân em thềm cỏ ướt những giọt nắng tan vỡ diệu kỳ trong đất ấm ta tan vỡ cả một bình minh róc rách bên bờ suối cạn khô cùng với những viên đá cuội phơi mình

chan chứa chút lòng riêng co rúm chiếc lá mùa thu vàng rụng đầy trí nhớ âm vang xào xạc con đường vẫn đợi nhịp bước nôn nả về một ngày rồi một ngày như còn ngày nào nữa bếp khuya nhen nhúm lửa.

Con đường nhỏ còn chưa nói con đường chở đầy những sớm mai đi vẫn đợi mùa thu đến phơi phới dặm trường giữa tồn sinh thay lá úa.

2. Khứu giác thơ thơm mùi lá mục

Và như thế ngày thêm khoảng trống tượng hình tâm thức nhớ hoài vòng môi tím mềm vỡ nức cơn mê giã từ trên lối nhỏ con đường xưa còn chưa biết có những con đường chở đầy những sớm mai đi vẫn đợi.

Trăng của giòng sông chảy tràn bờ bãi qua ngực em mộng mị biêng biếc chiêm bao rộn rã thân xác nóng khát rần rật hiện hữu sâu thẩm rệu rã lời thơ phục chế quá khứ vằng vặc lặng tắp cơn đau nức ra như mây như mưa lay lắc bầu trời ý niệm và rừng cây xôn xao mùa gió bấc.

Vũ trụ ngẩn ngơ tái sinh trong giây phút đầu tiên em khỏa thân bước ra vũ trụ soi mình tắm gội trong giòng suối thời gian chảy xiết qua triền vực tồn lưu xô đẩy theo những hạt mầm mùa sau ẩn chứa thần linh trôi ra biển hát.

Lá vũ khúc vô thường của đất thai nghén trái cây vỡ lòng ngai ngái thổ ngơi em là khi mùa màng rịn ứa mật trong trăng buổi chiều cơn mưa lạc loài chợt đến cửa

nghiến hoàng hôn phủ phê lớp triều cường vổ về con sóng vỗ.

Và như thế ngày thêm khoảng trống tượng hình càn khôn đâm gai cư trú thay màu đổi dạng nếp gấp ký ức phía dưới rốn em hoa lá say mềm và thông điệp của nàng thơ viết gởi cho mùa xuân nguyên khai phôi phai màu cổ độ.

Lake-Tahoe-ơi-Hồ-Treo có cả một thiên thu còn trắng trời tuyết phủ
mùa thu ơi vàng phơi giữa dặm trường xưa tồn sinh thay lá uá
trái cây vỡ lòng ngai ngái thổ ngơi em
ta từ buổi ban sơ ngơ ngác đến bây giờ còn chưa biết
con đường nhỏ còn chưa nói con đường chở đầy những sớm mai đi vẫn đợi
bước em về
khứu giác thơ thơm mùi lá mục.

Tháng giêng 2004
ở San Jose

PHẠM NHÃ UYÊN

Màu sắc đời chàng

Khi thơ ấu
Người cha đến trao cho chàng chiếc mặt nạ hồng
Người thầy đến trao cho chàng chiếc mặt nạ xanh
màu hồng- màu xanh
dạy chàng tình thương và hy vọng

Khi trưởng thành
Chiến tranh đến trao chàng chiếc mặt nạ đen
Tương lai đến trao chàng chiếc mặt nạ trắng
màu đen-màu trắng
trắng đen hai mặt dạy chàng sự hồ nghi

Và bây giờ
khi màu hồng đã trộn lẫn màu đen
khi màu xanh đã trộn lẫn màu trắng
chàng mới hiểu tại sao
chàng có màu da cháy nắng
nàng có màu da xanh xao
CHA có nụ cười buồn
THẦY có vẽ gì lơ đãng
chàng mới hiểu tại sao
cùng tận của đêm trường là những giọt sương trong suốt
hòa lẫn tối tăm chàng.

Trình diện tuổi hai mươi

Năm nay tôi hai mươi tuổi
xin trình diện với mọi người
miệng lưỡi, mặt mày tôi
miệng lưỡi mới đắn đo
hết mơ mộng xa vời
hết bảo mình không quá khứ
mặt mày mới có mấy sợi râu
thật nham nhở như một vài ký ức
thứ ký ức lang thang hè phố
tìm kiếm mình trong những kẻ qua đường

Năm nay tôi hai mươi tuổi
xin trình diện với xã hội thằng tôi
vừa sinh viên, vừa du đãng
sinh viên với gái- du đãng với đời
tôi nằm nghĩ chuyện tương lai
tôi sẽ là ai? tôi sẽ là ai?
sau những cơn say ói mửa
sau những ngày tháng sách vở vùi đầu
sau những ngã tư ngã bảy đường thành phố
tôi sẻ là ai? tôi sẻ là ai?
trong những khuôn mặt lạ vây quanh

Năm nay tôi hai mươi tuổi
xin trình diện với cuộc đời một cặp kính chưa màu
chưa trắng – chưa đen
xin trình diện với cuộc chiến một con người chưa thái độ
chưa khóc – chưa ười
Món nào là kỷ vật của đời?
Thái độ nào là tôi của mai sau?

HOÀI KHANH

Nhớ Nguyễn Du

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như
Nguyễn Du

Cõi nào giọng khởi nguyên vang?

Nhánh khô trời muộn trôi tan mộng thầm
Súng còn vọng mãi trời căm!
Rưng rưng mắt lệ nghìn tâm sự nào?
Mộng đời nát ngọc chìm châu
Bến mê vẫn rợn mấy mầu trầm luân!
Mười lăm năm bấy nhiêu lần
Bấy nhiêu rồi nhỉ hỡi trần gian kia?
Ngược xuôi bao kẻ đi về
Tấm than bé mọn bên lề tồn vong
Chuyện đời có có không không
Phù vân một áng bụi hồng xa xa
Cớ sao thiên hạ người ta
Vẫn chưa tròn một Quê-Nhà-Bao-Dung?
Vẫn chưa tỉnh giấc hãi hùng?
Trong cơn-trường-mộng-vô-cùng-thời-gian?

HẠC THÀNH HOA

Bậc Thang Thứ Nhất

Ngôi trường đó hơn mười năm mỏi mệt
Hơn mười năm như ngày mới đổi về
Xung quanh ta vẫn quen mà rất lạ
Gần mọi người mà cách trở sơn khê

Mong thân phận tên hàng thần lơ láo
Thấy bên ta những lục địa xa vời
Ta cô độc như một loài chim cú
Bên những chàng công tốt mã khoe đuôi

Chiếc cầu thang bao nhiêu lần lên xuống
Xuống hay lên cũng ngần ấy bực rời
Mỗi khi bước lên bực thang thứ nhất
Ta ngậm ngùi và chân cứ muốn lui

Vì cơm áo bỏ gió trăng ngoài cổng
Mây thênh thang và cả rặng cây xanh
Khi cửa sắt vừa lạnh lùng khép kín
Là lúc ta cũng lạc mất hồn mình

Nay còn lại trong tay nùi giẻ rách
Đời mòn theo từng viên phấn ngu ngơ
Hồn ta rộng mà chỗ ngồi quá chật
Suốt một đời không vẽ nổi ước mơ

Nên mơ ước vẫn như là khói
Bảng đen phấn trắng khó nên lời
Bao năm hết viết rồi lại xóa
Bụi phấn rơi đều như tuyết rơi

Chiều hôm nay không dưng buồi quá đỗi
Ta hôn mê đầu gục trước bảng đen
Khu trường rộng một bãi lầy quá lớn
Ta thất mình ngày một lún sâu thêm.

PHAN BÁ THỤY DƯƠNG

Lạc Mộng Du Du Hề

Bài cho Diên Nghị.

Chung trà chén rượu u minh
thảo trang đường trúc một mình quạnh hiu
sườn non đá dựng xiêu xiêu
nào hay tâm tịnh sắc chiều mang mang
hỏi người mài kiếm dưới trăng
ngựa xưa ẩn mật hoá thân bao giờ
chim hồng đã mỏi cánh chưa?

Bài cho Trần Tuấn Kiệt.

Cõi trần thế lỡ đam mê sa đọa
mãi rong chơi người lạc lối quay về
đồng cỏ thấp bập bềnh con nước nổi
thôi sá gì bụi ám áng kinh thi
đã biết nhược mộng chỉ là bào ảnh
sao rượu nồng chưa lắng gió cuồng si?

Bài cho Viên Linh.

Về đâu cánh hạc chân như
có qua thủy mộ huyết hư chập chờn
người đi sấm vỗ hoàng hôn
nhịp khua long trượng động hồn lửa thiêng
lạc dòng sinh hoá vô biên
biển mê bến ngộ đôi miền tịch lương
về đâu cánh hạc vô thường?

TỪ THẾ MỘNG

Người Mẫu Khỏa Thân

Hôm qua em mặc áo trắng
em trắng một mình em

Hôm nay em mặc áo đỏ
em đỏ một mình em

Giả dụ em mặc, dù chỉ là chiếc lá
E-và trút lá để xem em!

Nụ thầm thì

Em khoanh tay trước ngực
che bớt nụ thầm thì
nhưng làm sao che được
những vòng âu yếm kia!

Ráng đỏ

Em ngửa mình gối sóng
ráng đỏ thoàng bên trời
anh rùng mình ngăn lại
một tiếng thầm đang rơi!

Khúc biến tấu

Em về
em về
em về
hồn si dại bỗng như mê
thầm thì

Thiên đường
hóa dáng em đi
mắt trong veo
hóa hai vì sao đen

Anh về đóng cửa cài then
em trăm vẻ đẹp
hóa đèn
sáng trưng!

Mưa và em
Đường Hải Thượng
đường nào đây
bao cô gái đẹp
hây hây mỉm cười

Tóc thề
chớm tới vai thôi
mà sao em buộc lòng tôi
thế này

Mắt nhìn - sao cứ - ô hay
đưa tôi lạc tới chốn này
lạ chưa!

PHẠM NGỌC LƯ

Lập Thu

(Tặng Ngô Kim Chi)

Gió lập thu thổi ướt lòng
Áo tà em mỏng phập phồng nao nao
Ngàn cây ngây gió xôn xao
Và mây về tự hôm nào đang trôi
Thổi về một chút thu thôi
Mà hiu quạnh thấu đất trời tịch không
Mình em khép nép qua sông
Dài tay kéo sợi che lòng bâng quơ
Sau tà khói mỏng phất phơ
Màu thu như nhuộm hai bờ Vân giang
Lòng em như lá mơn man:
Nửa xuân xanh biếc nửa vàng theo thu
2005

Nằm Mộng

(Tặng Hải Phương, khi ở San Jose)

Em nằm ngủ mái tây hiên
Vàng tươi nguyệt thắm hồn nhiên như là
Từ trong viễn mộng trôi ra
Chảy dung nhan xuống giang hà chiêm bao

Em nằm mộng – mộng tào lao
Trần truồng như cá lội vào hư không
Đẻ ra hạt rắng hạt hồng
Nở ra muôn đóa phù dung hão huyền

Em nằm mộng – mộng vô duyên
Khỏa thân đọ với vô biên vô cùng
Rập rờn đuổi sắc bắt không
Như con bướm chợt bay trong biển mù
Bay qua dằng dặc thiên thu
Tam thiên thế giới tù mù mọc ra
Tứ thiên huyễn mộng ngụy tà
Xô em xuống cái ta bà nằm trơ !
(1995 – viết lại 2005)

ĐOÀN CHINH NAM

Trưa hè
Gà gáy nao nao vẳng chốn nào
Vấn vương cánh bướm nhụy hoa trao
Gió quên ghé lại trời mây trắng
Nắng ngại len qua bóng trúc đào
Tiếng vọng đời xa ngân khắc khoải
Vần thơ đường luật mải thôi xao
Ròn tan giọng trẻ cười đi học
Nhớ thuở hoa niên quậy xé rào

Bên kia dốc đời
Buồn hỡi, sao mi mãi đến đây
Mười năm trở gót chốn xưa này
Viễn du thuở ấy không thành mộng
Thi phú bây giờ lại bắt tay
Vạn cổ sầu tan trong tín ngưỡng
Văn chương bút vướng giữa trùng vây

Xe đời xuống vội bên kia dốc
Cứ viết… lo chi nghiệp mỏng dầy

Tiếng thầm

Tiếng mưa...
Vọng cõi u tình
Nửa khuya thức giấc
Gặp mình năm nao
Cười hay khóc cánh hoa đào
Tích niên kim nhật...
Lạc nhau đến giờ
Thương người
Yêu nét cổ thi
Liễu như mi...
Ngợp bốn bề cỏ gai
Còn trong gương vỡ
Đời ai
Phần tư thế kỷ
Đêm nay chợt về
Lay rèm
Gió hỏi lòng ta
Tiếng đêm
Hay tiếng người xa
Gọi thầm …

Nha Trang

Mười năm trở lại Nha Trang
Nghe bài hát cũ Hạ Vàng Biển Xanh
Mười năm sau nhớ Nha thành
Ngâm câu thơ cũ biển xanh hạ vàng.
ĐCN

Nghiêng hàng dương
Ngả bóng người
Mênh mông sóng nước
Vàng phai dáng chiều
Thuyền về
Lẻ bóng cô liêu
Gió mây lờ lững
Cánh diều đảo chao
Nha Trang
Ta một thuở nào
Chiều hôm nay
Nhớ nhung chiều hôm xưa
Dòng đời
Đưa đẩy nắng mưa
Đến đi dăm chuyến hẳn vừa trăm năm

ĐOÀN NGỌC KIỀU NGA

Hoài cảm

Ai xưa ngồi lại bên cầu
Mà nay bên cửa chờ sao ngậm ngùi
Ngỡ ngàng nghe bước tàn phai
Mênh mang cung bậc một thời mộng mơ
Sầu chung *thân phận* người thơ
Thời gian hí lộng bên bờ tồn sinh
Ru đời *hương sắc mong manh*
Ơi người riêng cõi buồn tênh dặm về.

Sàigòn. 6-2006

Tiếng thầm

Lối đi vàng cỏ công viên
Chiều không hò hẹn mà quên tạ từ
Nhặt từng cánh lá vàng thu
Đốt lên hun khói gọi mùa đông sang
Về đây thôi cả lỡ làng
Vòng tay trống rỗng, hồn hoang ý đời
Thơ buồn hay tại lòng tôi?
Tình đi lạc nẻo hay người phụ ta?
Có gì trong buổi hôm qua
Nửa đêm trở giấc nghĩ là chiêm bao
Có gì trong buổi mai sau
Tâm tư chưa khép ý đầu mà thương
Nghĩ đời là những hoàng hôn
Nghĩ tình là những nẻo đường phân ly
Mắt buồn từ thủa Kh. đi
Hoang mang tâm sự tôi về ngẩn ngơ
Nợ duyên gì những vần thơ?
Trăm năm dẫu có tình cờ nữa chi!
Người ơi còn lại những gì?
Mai sau nếu chút tình si úa tàn.(*)

(*)Thơ Hoài Khanh.

Sàigòn-1960

KIỀU MỘNG HÀ

Nhặt Trăng

Mùa xuân chân bước ra vườn
Thấy hoa nở rực và hương thơm nồng
Với tay nâng nhẹ cánh hồng
Hương xông nức tóc, tóc bồng bềnh bay

Mùa thu khỏa nước ướt tay
Thấy trăng rơi vụng tay ai hằng hà
A ha ! Trong tóc có hoa
Trong tay trăng mọc, trong ta có người

Bây giờ trăng lặng hoa rơi
Hương phai tay thõng người ơi phương nào
Ta ngồi vuốt tóc đếm sao

TRẦM MẶC
HOA HUYỀN

mơ

Thôi em,
mình hết thương rồi
Nhắc làm chi nữa những lời
đắng cay
Theo chồng
chiều ấy mưa bay
Rượu thừa tôi uống,

tôi say tình thừa
Lá vàng rơi
đã cuối mùa
Mà tôi cứ ngở mới vừa thu sang
Đêm nằm
mơ thấy đò ngang
Tôi âu yếm
dắt tay nàng sang sông
Thấy em tay bế, tay bồng
Còn tôi...
một gã phiêu bồng
trắng tay!

tìm người em ở Cái bè

Mười năm,
về lại quê hương
Tìm người em gái tôi thương-
Cái bè
Đêm nằm,
nghe muỗi vo ve
Ngoài sông nước lớn
thuyền ghe ra vào
Ghe lui,
ghe tới
lao xao
Ghe thương, ghe nhớ,
ghe nào ghe em
Sao trời vẫn mọc trong đêm
Nước sông vẫn chảy,
còn em biệt mù!

HOÀNG XUÂN SƠN

Khúc Khuất

Thôi thì thôi để mặc mây trôi . . .
Phạm Thiên Thư
[gởi Cao Vị Khanh]

Cái bấu vào nỗi thinh không
mà sao da thịt khóc ròng
đoản ly
dường như con mắt thầm thì
long lanh ngấn lệ
từ bi giọt nào
thôi thì khóc ướt trời sao
gìn nhau một giọt
xanh xao
chữ *C Ù N G*
tôi-cùng-em-vô-thỉ-chung
không đầu không cuối
khúc rồng rắn
chia
xin khúc nào cũng mộ bia
thôi thì hạt máu
chườm tia nắng
tàn
chéo áo mềm
trở khấc tang
thì thôi trảm quyết
khúc ràng buộc
kia

(Tối tháng chín / Nhà Hy Lạp2006)

Như là
Gởi Khê Kinh Kha

Nhớ lại lúc trăng mười sáu
tình yêu bẽn lẽn nằm vùng
nhớ lúc hồn còn nương náu
một vầng tuổi ngọc mênh mông

Nhớ nụ cười duyên răng khểnh
khoe thêm má lúm đồng tiền
nhớ tóc bum bê cắt ngắn
mà dài ghê lắm thuyền quyên

Nhớ khoảng trời trồng ngây dại
hàng cây chết sững bên đường
ai để chiều buồn xa ngái
mà đêm vời vợi sâm thương

Ngó lại một vệt nắng hồng
trên môi chưa từng son phấn
mơ hồ những sợi lông măng
hở hang cái nhìn ngay ngắn

Liếc trộm làm sao lấy trộm
áo mềm một vạt hương nhu
trận gió từ khi biết ốm
vàng thu cũng bệnh lừ đừ

Nhớ lại làm sao ngoảnh lại
dòng đời đã đi quá xa
trái tim vẫn nằm phía trái

mà sao nhịp đập như là

Tháng sáu cuối . không sáu

CAO VỊ KHANH

tinh mơ, THT in sách

lưng còng mắt mỏi tay run
anh ngồi in sách lệ chùng xưa sau
một con chữ, mấy niềm đau
một dấu chấm mấy lần khâu miệng tình
những khuya, khuya tới làm thinh
những mai sớm, sớm đến tận tình cô đơn
anh ngồi in sách vào hồn
mà nghe tàn rữa phấn son đời mình

tạ HXS
cám ơn anh, lệ khốn cùng
thơ đâu biệt tích lại mừng thề xưa
lời đau ràn rụa như mưa
"cánh tay chùm gởi gối vừa chiêm bao"

Ngồi lại bên cầu với Hoài Khanh

khi anh ngồi lại bên cầu
con trăng chưa xế mái sầu về tây
rồi người con gái về đây

đường câm bỗng nói lời mây diệu kỳ
trên đá nước mắt hồ ghi
cô đơn còn dấu (*) in đầy chỉ tay
em rồi như sợi mây bay
ta rồi cũng thể như loài thiên di
ai về, ai ở, ai đi
sông kia cứ mặc chảy lì thời gian
chảy, chảy đến tan hoang
chảy, chảy đến muộn màng đời nhau!
.....
thôi tôi ngồi lại bên cầu
theo anh, đếm lạnh tuổi sầu ... làm vui .

_____

(*) ý thơ Hoài Khanh, trong bài Ngồi lại bên cầu, đọc hơn 40 năm rồi còn nhớ
" Người con gái trở về đây một bận
Con đướng câm bỗng sáng ánh diệu kỳ
Tôi lẫn trốn vì thấy mình không thể
Mây của trời rồi gió sẽ mang đi"
Và hai câu này nữa:
"*Thôi nước mắt đã ghi lời trên đá*
Và cô đơn đã ghi dấu trên tay"

Và ba đoạn cho tôi

1.
Ta chửi thề em đừng kêu hoảng
Hốt nhiên thành du đảng thế thôi
Chửi đời một tiếng hả hơi
Chửi ta tới lúc tàn hơi chưa vừa !
2.

Khi ta mở miệng chửi thề
Y như vẽ mặt làm hề vậy em
Tiếng cười dứt. Tên hề câm
Phấn son nhoè nhoẹt lệ tràm thâu đêm
3.
Lâu lâu chửi một tiếng
Như gỏ phách cầm chầu
Tiếng dội lòng đau điếng
Em và cuộc bể dâu !

TRẦN PHÙ THẾ

Bậu đi
bậu đi biệt dạng hôm nào
ta trông mút mắt nhớ đau từng hồi
nhớ từ giọng nói tiếng cười
nhớ se tóc bạc cuộn đời hai ta

bậu đi dường như hôm qua
mà sao ta tưởng như là nhiều năm
bậu đi lạnh gối ta nằm
hình như cái lạnh, lạnh ngầm trong xương

bước qua ngưỡng cửa âm dương
bậu đi mình bậu chẳng vương vấn gì
còn ta ở lại, sống lỳ
một thân một bóng cu ky một mình

bậu ơi sao bậu làm thinh
nén nhang cơm lạt bóng hình là đây
phất phơ hồn gió theo mây
mỗi đêm giởn bóng trăng gầy tàn đêm

bậu về ta thấy lòng êm
như trăng thuở nọ bên thềm thanh xuân
như là tiếng hát bậu ngân
xuống câu vọng cổ tình quân phụ phàng

bậu về trăng sáng ngút làng
hương thơm phảng phất bàng hoàng hồn ta
ngất ngây ôm chặt trăng, và
tưởng đâu ôm bậu, thịt da vẫn nồng

bậu đi hồn có về không
nhắn tin theo gió cho lòng ta yên
dù cho bậu ở cõi trên
hay đang cõi dưới, dưới miền u minh

một mai ta đã dọn mình
quyết theo chân bậu lênh đênh cõi nào
dù cho đất thấp trời cao
tử sinh là mới bắt đầu cuộc chơi

ngày mai bậu trở lại đời
và ta trở lại làm người bậu ưng
giọt mừng nước mắt rưng rưng
hai tay ôm bậu mà run dậy tình

22-8-06

Bần Thần
không ăn
không ngủ
muốn nằm
lững lơ hồn vía bần thần ruột gan
là không buồn nói vội vàng
là không cười cợt thế gian bực mình

một mai chớp bể mưa tình
thì thân phiêu bạt như hình khói sương
bần thần
nhìn bóng soi gương
thấy ngôi tóc lệch rẻ đường bảy ba

phân vân
đứng dưới nắng tà
đi về đâu. Hởi, là ta một mình
bước lầm mê lộ mà kinh
coi như suốt kiếp trở mình còn đau

23-5-06

NGUYỄN ĐỨC NHƠN

Bốn Đoạn Thơ Đời

1. Hình Như
Sáu mươi, ừ, cũng hơi già
Cho nên ta cứ nhìn ta, lắc đầu

Sáng nay tỉa lại bộ râu
Hình như ta vẫn còn "ngầu" như xưa

2. Lặng lẽ
Ta nhớ mãi một thời còn trai trẻ
Mỗi ngày hai cữ uống cà phê
Lặng lẽ ngồi nhìn cô chủ quán
Và chỉ nhìn thôi cũng đủ "phê!"

3. Gặp Đàn Bà...Xui!
Sáng nay vô chợ đông người
Gặp em ta chỉ…cười…cười…vậy thôi!
Nào ngờ nhớ mãi khôn nguôi
Chết cha! Ta lại gặp …"xui" nữa rồi!

4. Vợ Chồng Tôi Và Đám Con Cháu
Bọn tôi hai đứa già nua
Ngược xuôi đời đã te tua lắm rồi
Lên bờ phủi đít ngồi chơi
Mặc cho lũ nhỏ còn bơi giữa dòng!

Giấc Mộng Cuối Đời

Ta sẽ dựng một chòi tranh nho nhỏ
Bên cạnh dòng suối nước chảy êm êm
Ta sẽ rủ một vài thằng bợm nhậu
Đến cùng ta bày tiệc rượu thâu đêm

Ta sẽ bẫy vài con chồn, con cáo
Đợi cuối tuần ướp sả ớt xào lăn
Lũ bạn bè còn đứa nào chết dở

Hãy về đây cùng uống rượu ngắm trăng

Ta sẽ vào tận rừng sâu, núi thẳm
Bới cây rừng mà tìm thuốc trường sinh
Khi buồn chán thì giả làm hảo hớn
Chém cây rừng mà dựng trại Lương Sơn

Ta sẽ tạc tượng em trên đỉnh núi
Mượn mây ngàn dệt nốt mảnh xiêm y
Và sẽ mượn sao trời đêm lấp lánh
Kết thành xâu chuỗi ngọc lưu ly

Cho em lộng lẫy trên ngai Hoàng hậu
Và ta sẽ là một Quân vương
Sẽ diễn nốt vở tuồng thiên cổ
Rồi trở về cùng cát bụi mù sương.

TRẦN CHẤN HÒA

Chiều mưa tiễn bạn ra đi

(Tặng hương hồn Nguyễn Phước Tường)

Một chiều lất phất mưa bay
Mùa Thu gió lạnh với ngày âm u
Lá bay trong lớp sương mù
Cành còn phơ phất như đưa tiễn người
Nghe tin mày đã về trời
Thôi thì từ bỏ cuộc đời có chi
Trần gian nghĩ chẳng vui gì
Từ mang tiếng khóc mà đi vào đời

Rừng sầu biển khổ chơi vơi
Cười lên một tiếng lệ rơi mấy lần
Vàng rơi mấy lượt ngoài sân
Đứng trông một bòng hình nhân đỗ dài
Tri âm tri kỷ với ai
Xuôi hai tay lạnh hết hoài cố nhân
Công danh sự nghiệp mấy lần
Giống như chiếc lá ngoài sân bay vèo
Thuở thanh xuân cũng lao xao
Cũng thơ, cũng nhạc với màu mắt xưa
Cũng bạn bè, cũng nắng mưa
Đoạn trường sổ ấy có chừa ai đâu
Mày đi để cuộc đời sầu
Bạn bè nhắc nhở mấy câu ân tình
Chào đời chỉ khóc một mình
Giả từ thì cũng một mình thế thôi
Tiễn đưa thì tiễn đưa rồi
Đưa tay vẫy vẫy rồi thôi cuộc tình
Tiếc chi cái kiếp phù sinh
Tiễn mày từng giọt mưa in trong hồn
Chiều nay gió nổi từng cơn
Đất trời sùi sụt như hờn, như than
Thôi tao thắp một nén nhang
Vài câu thơ mọn gởi sang cho mày
Chúc mày cánh hạc tung mây
Về nơi tiên cảnh vui say với trời
Trần gian buồn lắm Tường ơi!
Trăm năm cũng giọt mưa rơi thềm nhà.

PHẠM CAO HOÀNG

Sau Chiến Tranh Trở Lại Tuy Hoà

khi về thăm lại cố hương
thấy quê nhà nghĩ càng thương quê nhà
hắt hiu một bóng mẹ già
một ngôi mộ cỏ xanh và khổ đau
bâng khuâng một chút vườn sau
ngậm ngùi ngõ trước lao xao nắng vàng
đã qua chưa cuộc điêu tàn
đám mây năm cũ biết tan nơi nào

1976

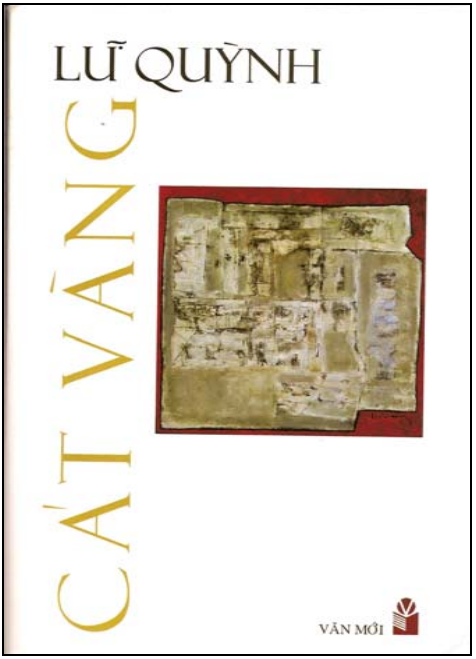

ĐỌC SÁCH
TẬP TRUYỆN CÁT VÀNG
của LỮ QUỲNH

Cát Vàng của Lữ Quỳnh, qua cảm nhận

Người đọc: PHẠM VĂN NHÀN

Cát Vàng. Tập truyện ngắn. Gồm 12 truyện do Văn Mới xuất bản lần đầu tiên tại Hoa kỳ năm 2006. Bìa do Đinh Cường vẽ.

Tác giả Lữ Quỳnh không lạ gì đối với tôi. Anh là một trong những cây bút trẻ trước 1975. Cái thích thú của tôi hôm nay là được đọc lại tập truyện của anh, dù trước năm 1975 Ý Thức đã xuất bản (1971). Với tập truyện Cát Vàng đã được tái bản lại ở Hoa Kỳ, tôi và những người bạn của anh hy vọng anh không còn giữ sự im lặng trong bạn bè...mà hôm nay, anh bắt đầu cầm bút trở lại. Một Lữ Quỳnh trước 1975.

Cuộc chiến đã qua hơn 30 năm. Hôm nay nhận được tập truyện Cát Vàng do anh gởi tặng, đọc hết 12 truyện ngắn tôi không khỏi bồi hồi và càng thấy đau lòng hơn cho thân phận của người dân trong vùng xôi đậu, cũng như không khỏi bồi hồi khi thấy lại những "đồng đội" của tôi bị thương đưa về quân y viện. Tôi biết bối cảnh trong những truyện ngắn mà anh viết không đâu khác hơn là chiến trường BĐ. Nơi tôi, anh và những người bạn của tôi, trong đó có cả anh Trần Hoài Thư đã tham chiến. Sinh tử đời lính như chúng tôi không nói làm gì; vì lịch sử đã chọn chúng tôi chứ chúng tôi không chọn lịch sử- câu nói của Lữ Kiều- khác với năm 1954, với gần một triệu người miền Bắc đã chọn miền Nam.

Trong 12 truyện ngắn, ta có thể tạm chia ra làm hai phần : viết về lính (Cuộc Chơi, Bão Đêm, Mùa Xuân Hư Vô, Người Ngồi Đợi Mưa). Về thân phận con người trong cuộc chiến (Chỉ Có kẻ Còn lại, Bóng Tối Dưới Hầm, Bụi Đá, Sông Sương Mù, Ngày Hòa Bình Đầu Tiên, Cát Vàng, Ngõ Cụt, Cõi Yên Nghĩ).

Khi anh viết về lính: cũng chỉ là thân phận của người lính bình thường, không quan to quan nhỏ. Cũng như khi nói đến thân phận của người dân cũng là người dân bình thường, không ông này bà nọ ở thành phố....

Dưới sự quan sát rất chính xác khi anh muốn tả một nhân vật (như trong truyện Bụi Đá) cho đến những cốt truyện mà anh xây dựng đều là có thực trong một đất nước mà chiến tranh triền miên. Anh viết về thân phận con người trong chiến tranh chứ không viết chiến trường. Cho nên trong 12 truyện ngắn ta thấy không có " đại bàng- diều hâu- máu đổ – thịt rơi" mà, chiến tranh đã gây nên bao cảnh lo sợ cho người dân sống trong vùng xôi đậu.

Rất thích thú khi đọc xong Cát Vàng. Bởi vì hình ảnh của những người dân sống trong vùng chiến tranh mà ta có thể gọi- ngày quốc gia, đêm cộng sản- ấy đã sống lai trong tôi. Có lẽ, nơi những vùng ấy, chúng ta đã bắt gặp những đứa bé bụng ỏng, da vàng chỉ biết ngồi đùa với bóng nắng trên sân đất ẩm dưới những ngọn dừa mà tưởng tượng, bên cạnh người mẹ gương mặt buồn thiu chẳng biết cuộc sống tương lai như thế nào. Những hình ảnh trong Cát Vàng tôi đã qua và tôi đã bắt gặp. Tuổi trẻ của chúng tôi mà nhà văn Trần Hoài Thư thường gọi là: "thế hệ chiến tranh" đã ném chúng tôi vào một chiến trường có thể nói là khốc liệt như chiến trường BĐ mà tôi, mà Lữ Quỳnh, mà THT và nhiều bạn bè khác đã

tham chiến ít nhiều trong thập niên 60.
Vâng, đúng như vậy, thế hệ của chúng tôi không còn lối nào khác hơn là vào lính . Nếu nói trên quan điểm bình thường không mang một liên hệ gia đình hay xã hội, hay vì một động cơ nào khác...(không chiến đấu bên này cũng phải chiến đấu bên kia, nếu có liên hệ - ranh giới giữa hai ý thức hệ "xanh đỏ" chỉ cách nhau một cánh rừng, một con suối, một con sông mà thôi-).
Nhìn chung, không phải chỉ có một Lữ Quỳnh trước 1975 viết về chiến tranh, về thân phận con người, mà đã có nhiều người viết. Trong đó phải nói đến nhà văn Y Uyên, Nguyễn Lệ Uyên, Mang Viên Long...đã viết, đã đưa lên hình ảnh về cuộc sống có quá nhiều sợ hãi từ bom đạn, và từ "con người" nữa. Viết về thân phận con người (dân cũng như lính) đòi hỏi tác giả phải sống thực, nhìn thực thì mới hoàn thành một tác phẩm hay. Phải đi phải thấy nỗi cực khổ, sợ hãi, âu lo của người dân, người lính như chính bản thân mình...chứ không ngồi một nơi nào đó để mà tưởng tượng ra rồi viết.

Khi đọc xong 12 truyện, tôi biết anh không hư cấu nhiều trong mỗi truyện; vì trong mỗi truyện ấy tôi thấy có tôi- tuổi thơ- cũng như anh và bạn bè. Như trong truyện Cát Vàng, hay trong truyện Cõi Yên Nghĩ, hay trong truyện Người Ngồi Đợi Mưa....
Tôi nghĩ, Cát Vàng trước 1975 đã hình thành được, cũng vì quê hương mình chiến tranh triền miên phải không Lữ Quỳnh?
Tôi nhớ trong bài thơ Trung Đội của anh Trần Hoài Thư
"...Nước nguồn đổ xuống ngày binh lửa
những xác nào đã thối hôm qua
ai bạn ai thù sao quá thảm

trên một dòng cuồn cuộn oan gia"
Nỗi oan gia, oan nghiệt ấy ai đã tạo nên để rồi người bên này hay người bên kia phải chịu bao thảm cảnh. Đến nổi THT cũng phải thốt lên: *còn một nơi nào hơn ở Việt Nam.*
Và, trong bài thơ *Tiếng Quê Hương* của nhà thơ Hoài Khanh làm trước 1975 cũng vậy (xin trích 4 câu trong bài thơ ấy)
" Quê hương tôi ở chốn nào
Phải chăng Châu Á buồn đau ngút ngàn
Mẹ hiền sớm chít khăn tang
Màu hương khói lạnh: đồng hoang, chiến trường
....
Vâng. Nhìn lại tuổi của tôi, của Lữ Quỳnh (tác giả) sau bìa của tập Cát Vàng. Tôi nghĩ xa hơn một chút...vào năm 1954, tôi chỉ là một cậu bé con còn học trường làng, sống ven thành phố, đêm đêm ngủ phải xuống hầm vì sợ súng "cà nông" của Tây từ trên phi trường- plateau- bắn tới. Căn hầm ngộp hơi vì mùi đất ẩm và đầy bóng tối. Nhưng không còn lối nào khác...vì người lớn sợ đám trẻ chúng tôi mê ngủ. Và, đêm nào cũng có súng cà nông bắn tới.
Năm ấy(1954), tôi nghe người lớn nói có hòa bình. Mừng, vì không còn ngủ dưới hầm nữa. Nhưng chẳng bao lâu sau đó, tôi lại thấy trên con đường làng dẫn vào thành phố- đường đất- nhiều người dân quê mang "cờ đỏ sao vàng" cùng biểu ngữ hô to những khẩu hiệu hòa bình tiến vào thành phố. Trong đòan người đó cũng có những đứa trẻ bạn học với tôi. Mới tới ven ranh, thì chuyện gì xảy ra? Một chiếc xe "tàu bò" chận họ lại, và xả đạn bắn xối xả vào đoàn người ấy. Máu đã đổ. Người chết, người bị thương bỏ chạy tán loạn vào trong những nhà chung quanh. Tôi đã mục kích thấy tận mắt cái ngày hôm ấy,

và chúng tôi còn nghe người lớn nhắc đến tên của hai anh em " thằng Lu thằng Lai"- người lớn gọi hai anh người Tây lai bằng "thằng" giết người như ngóe. Chẳng những người lớn sợ mà bọn trẻ của chúng tôi nghe tên cũng đã sợ rồi...Từ đó lớn lên, nơi cái làng ven đô ấy không bao giờ có sự yên ổn. Bạn bè của tôi, ngày còn học trong ngôi trường làng rồi cũng chọn cho mình một hướng đi "trái ngược" nhau. Người bên này. Kẻ bên kia.

Cho nên khi tôi đọc truyện: *Bóng Tối Dưới Hầm* tôi liên tưởng đến những tràng đạn liên thanh từ trên chiến xe "tàu bò" của hai anh em thằng Tây Lai xả súng bắn vào người dân quê của tôi khi hòa bình đã ký Mặc dù nội dung của truyện có khác đi, nhưng *từ ngày chinh chiến mùa thu* mà người nhạc sĩ đã ôm đàn đứng hát bên ánh lửa bập bùng nơi xã Mỹ Lộc hôm nào. Ta đọc một đoạn văn ngắn rất "nên thơ và lãng mạn" cũa những năm đầu hiệp định ký. (xin trích):
"...người nhạc sĩ đứng bên ánh lửa bập bùng, một chân gác lên ghế đẩu thấp, gảy đàn ghi-ta. Từ ngày chinh chiến mùa thu. *Giọng hát của người tình gã. Người tình, có phải là người tình không? Người con gái mặc áo nâu và quần đen bóng láng, tóc kẹp sau gáy chảy xuống nửa lưng. Đôi môi không phấn son mà mọng thắm. Nàng hát, những đầu ngón tay bối rối quấn vào nhau. Tiếng đàn người nhạc sĩ chậm rãi. Anh ngẩn mặt lên trời mà đàn. Đàn hững hờ, như không một chút bận tâm. Nhưng tiếng đàn, giọng hát đã làm những người ngồi vây quanh ánh lửa hồng mà chết ngất cõi lòng..."*(trang 49).
Tiếng hát, tiếng đàn và ánh lửa bập bùng trong đêm trước một đám đông nơi xã Mỹ Lộc năm nào cùng với bao nhiêu địa danh khác cũng náo nức, cũng lửa trại,

cũng chia tay để qua "bên kia sông". Cái lãng mạn của lớp người thanh niên, thanh nữ năm nào dù trước đó chỉ có: *nớp với giáo mang trên vai* thôi, cũng làm nức lòng người rồi qua dĩ vãng. Nhưng, cũng năm ấy, ai ngờ vừa mới tới bến sông thì những chiếc máy bay bay tơi bắn xối xả, và người nhạc sĩ đã chết (trong tuyện). Truyện ngắn Bóng Tối Dưới Hầm đủ để mở đầu cho một cuộc chiến lâu dài trên phần đất mà tưởng rằng đã có hòa bình sau năm 1954. Đọc: Bóng Tối Dưới Hầm mới thấy cái thương tâm của những con người "tiến cũng không được, mà thối cũng không được" giữa hai lằn đạn, trong cái ngỏ cụt của cuộc chiến. Với tâm trạng của ba nhân vật- hai người đàn ông và một người con gái- trong căm hầm định mệnh. Và, bối cảnh gia đình sống trong vùng: ngày quốc gia, đêm cộng sản, có lẽ thường như vậy, khi mà:

"Những ý nghĩ buồn thảm hiện ra trong đầu người thiếy nữ. Nàng nghĩ tới người mẹ rồi ứa nước mắt. Kể từ ngày cha chết đi, mẹ đã kéo dài chuỗi sống hẩm hiu với anh ba và nàng trên mảnh vườn nhỏ với hoa lợi mỗi ngày chỉ đủ sống. Bà thường ái ngại nhìn hai con với nỗi lo lắng duy nhất, bệnh thần kinh di truyền. Hình ảnh của người chồng trước khi chết đã làm bà hãi hùng tưởng không bao giờ nguôi. sau này vì cuộc sống bất ổn ở quê, anh ba bỏ lên tỉnh đầu quân vào lính. Người mẹ bề ngoài tỏ ra phàn nàn, nhưng tự thâm tâm bà hài lòng. Dù sao nó cũng yên được một bề, còn hơn ở quê để chịu không biết bao nhiêu áp lực. Thời buổi chiến tranh lòng nhân đạo thường vắng mặt, chỉ thấy có áp bức, đe dọa và tàn sát..."(trang 54).

Từ đó, ta đọc tiếp để thấy cái thảm cảnh của ba nhân vật trong truyện Bóng Tối Dưới Hầm:

"...Làng bị oanh tạc thường xuyên. Hai mẹ con sống giữa gọng kìm. Hãi hùng tất cả. Họ sống giữa nỗi hoài nghi

của mọi người. Và chỉ còn một cách duy nhất để tồn tại là trốn. Người mẹ nhận làm cái chìa khóa của căn hầm bí mật này từ đó. Người đàn ông giữ thiếu nữ như một con tin. Không còn cách nào hơn. Mọi thủ đoạn chỉ có tính cách tạm thời, cố gắng thoát chết từng ngày, cố gắng vượt qua từng chặng nguy hiểm...."(trang 55)

Rồi chuyện gì xảy ra dưới căn hầm bí mật đó. Câu chuyện có hư ảo không? Hay chỉ là cảnh hư cấu để tạo nên một câu chuyện kể? Không, tôi nghĩ là không; vì theo như Trần Hoài Thư đã gọi *có một nơi nào hơn ở Việt Nam* thì tất cả thủ đoạn gì dù tàn át đến đâu – nhỏ hay lớn- cũng có thể xảy ra cho người dân sống trong vùng xôi đậu. Và nhất là: " *"...dù sao nó cũng yên được một bề, còn hơn ở quê để chịu không biết bao nhiêu áp lực. chiến tranh lòng nhân đạo thường vắng mặt*. Rõ ràng là như thế. Áp lực từ đâu. Từ hai phía đối kháng nhau. Để rồi kết thúc câu chuyện thương tâm dưới căn hầm ấy, người con gái không chịu nổi sự chờ đợi người mẹ trở lại- đưa tin- nàng đã âm thầm cắt gân máu để chết. Còn hai người đàn ông thì sao? Ta đọc tiếp một đoạn văn ngắn để thấy cái lo sợ của người thanh niên trong căn hầm:

"...Thanh niên đưa tay mò mẫm mấy quả lựu đạn mà đêm qua hắn vùi dưới cát. Hắn nghĩ đến cách thoát khỏi căn hầm. Không còn cách nào hơn. Hãy chấp nhận trước sự rủi ro, sống hoặc chết. Hắn chợt nghĩ đến số tuổi hai mươi của mình. Số tuổi mà chiến tranh đã tước đoạt mọi ý nghĩa, đã cướp hết thời gian để sống của hắn. Hai mươi tuổi, hắn không có một lựa chọn nào hết. Sinh và lớn lên giữa chiến tranh, hắn thụ động trước mọi áp lực. Hắn như con thú sợ hãi trước họng súng của người thợ săn. Ai cũng có thể bắn ngã, và suốt cả phần đời hắn chỉ biết chạy trốn. Hắn cảm thấy cay đắng và nước mắt chực trào

ra khi nghĩ đến cái chết như côn trùng của mình. Một cái chết tẻ lạnh như nổi tình cờ..."(trang 57)
Bóng Tối Dưới Hầm với những cái chết " không lối thoát" như thế cho những con người bên kia thường xảy ra trong cuộc chiến không quy ước như cuộc chiến tranh Việt Nam.

**

Lớn lên từ một ngôi làng quê nhỏ bé ven đô. Bạn bè của tôi thuở còn nhỏ khác, nhưng lớn lên mỗi người đi mỗi hướng. Những người bạn thuở nhỏ ấy, tôi nghĩ có lẽ vì ảnh hưởng gia đình nhiều hơn. Tôi đi bên này, đổi ra Bình Định, hành quân ở những quận phía bắc, nhìn những xóm làng tiêu đìu đã đi qua, những ngôi trường vắng bóng cô thầy, những đứa trẻ da vàng bụng ỏng, những người đàn bà mệt mỏi, thấy lính tới cũng dửng dưng, thấy lính đi cũng chẳng vui, có lẽ " nguyên do" là vì nỗi sợ hãi của đạn bom, của chết chóc, của ruộng vườn bỏ hoang...mà họ dửng dưng, xem chúng tôi tới như một "tai họa". Khổ nổi biết đó là một tai họa, nhưng họ phải bám vào miếng đất mà sống. Có đi đâu rồi cũng phải trở về. Sống trong những trại định cư, hay tạm trú trong một con hẽm nào đó ở xóm lao động...khi nghe yên rồi cũng trở về với mảnh vườn xưa. Như trong truyện : Ngày Hòa Bình Đầu Tiên.
"...mày đúng là thằng con nít. Không hòa bình thì tau điên gì mà mang xác về đây. Chính vì hòa bình rồi, mình mới sướng chứ. Tao tưởng hai tiếng hòa bình chỉ dành riêng cho cái hạng người như ông cháu mình thôi. Bởi chiến tranh hay hòa bình gì, thì bọn thành phố cũng vậy."
Nhưng nỗi vui của ông lão trong truyện có được toại nguyện hay không, khi về lại ngôi nhà tranh đã bỏ hoang

lâu năm. Chắc là không. Và, tôi tự hỏi hòa bình đầu tiên là năm nào. 1954 hay 1973? Câu hỏi thì phải có giải đáp. Hòa bình chắc chắn là năm 1954. Và chính ông lão trong truyện cũng không ngờ:

"...có một điều họ không nghĩ tới, không chờ đợi nhưng đã xảy ra:những viên đại bác bắt đầu rơi xuống quanh họ"

và, cuộc chiến sau 1954 ấy đã có sự khác biệt.

Những viên đạn đại bác bắt đầu rớt xuống quanh họ, kể từ ngày ấy. Và ở đâu những viên đại bác cũng có thể bắn tới được. Như trong *Sông Sương Mù* .

Những viên đạn đại bác bắn tới từ một cánh rừng nào đó làm người dân lo âu. Một tâm trạng chung là lúc nào cũng thấy sợ hãi bao quanh cuộc sống. Điển hình là người đàn bà trong truyện. Muốn trấn an cho bầy con, người đàn bà phải nói dối:

"...Bởi không có cách nào hơn để trấn tĩnh đám trẻ, người đàn bà đã nói vào tai chúng nó mỗi khi nghe tiếng đạn rít qua đầu và nổ chát trên xóm chợ: súng trên đồn bắn đi đó mà, các con cố ngủ đi đừng sợ..." (trang 69)

Nhưng thử hỏi người đàn bà cho dù có "cố gắng" nói gì chăng nữa, thì bé Phượng cũng không tin, sau khi nghe thấy tiếng nổ và người mẹ: *môi mẹ run rẩy những lời cầu nguyện...*

Sự lo sợ những viên đạn pháo kích từ một cánh rừng nào đó pháo tới. Rồi xác một người chết đâu đó được kéo về bỏ trên khoảng đất trống giữa chợ để ruồi nhặng bu. (Trước đây, tôi cũng có viết cái truyện Đất Khô, Người Khổ trong vùng quê mà tôi đã hành quân đi qua ở miệt bắc Bình Định). Tâm trạng người dân sống trong vùng bom đạn, chiến tranh xảy ra hằng ngày, thử hỏi người dân nơi thôn ổ làm sao mà không lo sợ được.

Trong Sông Sương Mù, ngoài cảnh sợ hãi của người dân

trong vùng xôi đậu ra qua những trái đạn pháo kích, dưới cái nhìn của Lữ Quỳnh, mà có lẽ của chúng tôi nữa: hận thù không có chỗ đứng trong lòng những người lính trẻ viết văn. Tất cả cũng chỉ là bình thường. Như cảnh sương mù trên sông vào buổi sáng mà bé Phượng sáng nào cũng muốn chơi trò chơi đố với đứa em. Cái gì sẽ hiện ra trên sông sau khi sương mù tan. Một cái nhà? Một con đò ngang hay một khóm tre?...Rồi cũng bình thường như người đàn ông lạ mặt xuất hiện – cho dù có làm cho bé Phượng giựt mình- khi nhìn người đàn ông lạ ấy.

" Con bé vẫn đứng lặng, trong khi gã tiến thêm vài bước. Bấy giờ Phượng có thể nhìn thật rõ người đàn ông. Đó là một kẻ lạ, quá lạ đối với nó trong khu vực này. Gã đội một chiếc mũ lưỡi trai bằng nỉ xám, áo quần màu cứt ngựa nhưng không giống như đồ lính mà cha nó thường mặc.(trang 73)

Dù với sự khác biệt " áo quần" không giống như đồ lính mà cha nó mặc. Nhưng, với con bé lòng từ tâm vẫn "chiếm lĩnh" lớn lao trong quả tim của bé. Và, từ bé Phượng cảm thấy gần gũi với người đàn ông lạ muốn qua bên kia sông. Một khoảng cách rất gần, nhưng rất lạ trong đôi mắt trẻ thơ của bé Phượng. Cuối cùng, tác giả kết thúc câu chuyện trong sự " hững hờ" không màn nghĩ tới một cái chết của người lính - chết xảy ra thường quá- khi nhìn thất xác chết của người đàn ông. Ta đọc (trang 80)

"...

- Cái gì thế chú?

Người lính nghĩ ngợi một lúc, rồi nói:

- Hình như xác địch ấy mà, hắn bị bắn chết đêm qua...

Bé Phượng tần ngần một chút rồi không tránh được tò mò nó kéo tay người lính chen vào đám đông. Bỗng con bé

dừng hẳn lại. Nó vừa nhìn thấy chiếc mũ lưỡi trai bằng nỉ xám, rồi chỉ trong giây sau thản thốt nhận ra xác chết là người đàn ông, kẻ lạ mặt mà nó đã gặp một lần trên bến sông. Nó bỏ đám đông kéo tay người lính đi. Nó buồn bả, lấy làm tiếc là lần trước không có sẳn hộp diêm cho bác ấy mồi điếu thuốc"

Cái chết của người đàn ông trong "Sông Sương Mù" xem ra cũng bình thường trong cuộc chiến mà nơi nào, ranh giới của cuộc chiến không phân định rõ ràng. Một cuộc chiến tranh không qui ước.

Phải thật lòng mà nói với tác giả, anh có một nhận xét của một người trong cuộc hơn là người đứng ngoài cuộc. Anh cũng không thể ngồi viết trong trạng thái " sáng sâm banh, tối sữa bò" để dựng nên những nhân vật trong "tháp ngà" tưởng tượng. Mà những con người trong 12 truyện ngắn là những nhân vật đời thường, bình dị. Những con người cực khổ muốn thoát ra khỏi cuộc sống khổ cực, nhưng không biết bằng cách nào, như trong "Bụi Đá". Từ Bụi Đá (trang 59) tôi còn biết thêm anh là một nhà "nhiếp ảnh" nữa. Hỏi Lữ Quỳnh, anh đã ngồi chờ bao lâu để quan sát và "bấm máy" nơi bãi đập đá đó? Để ghi lại hình ảnh " lao lực" trong cuộc sống của già Tuất ngày này qua tháng nọ không cách nào thoát khỏi cảnh đói nghèo và cực khổ của một người đập đá kiếm sống. Ta nhìn hình ảnh của anh ghi được::" *Lão Tuất đứng dang chân, hai tay nắm chặt cán búa giơ cao khỏi đầu, rồi giáng xuống thật mạnh, làm tản đá vỡ ra thành nhiều mảnh nhỏ. Lão tiếp tục động tác đó cho đến khi tản đá hoàn toàn vắng mặt giữa đám đá vụn vỡ bằng nửa bàn tay....*

Lão thơ thẩn đi về phía tấm cót đã dựng sẵn. Một vùng

bóng mát không lớn hơn chiếc chiếu, đủ để cho lão và đứa con trai ngồi nghỉ...”

“Bụi Đá”. Vị trí nơi bãi đá không lạ gì với tôi đã đi ngang đây nhiều lần. Nếu không đọc Bụi Đá, tôi quên, cũng như bao nhiêu địa danh khác tôi đã qua. Nhưng đọc Bụi Đá tôi nhớ lại nơi đây cho nên thích thú khi đọc “ Bụi Đá”.

Từ vị trí này, không xa cầu bà Di là mấy, đường lên Phú Phong, đi vào chân núi có một đơn vị của lính Mỹ. Tôi nhớ có tên là Chà Rang. Một đơn vị “ huấn luyện” nhỏ của Lữ đoàn 173/ND/HK mà BCH đóng ở phi trường Bồng Sơn. Tôi có dịp đến đây một ngày một đêm trước khi ra Bồng Sơn đến với LĐ 173/ND/HK. Từ Bồng Sơn (đã chán những quận phía bắc của BĐ) tôi được đưa tới một đơn vị cấp TĐ để phân bổ tới từng đại đội đóng ở đầm Trà Ổ (Phù Mỹ). Dọc theo con đường quốc lộ này những ngôi nhà cất vội bằng những vật liệu quân đội. Những cô gái bán bar nham nhở đón những người lính viễn chinh vào làm tình. Và, những chiếc xe nhà binh sơn sao trắng chạy bán mạng trên đường của những tay lái ở trần hùng hục dạo nào, chẳng xem mạng sống của người dân Việt ra sao cả. Hình như họ - những tên lính viễn chinh- chẳng xem luật pháp của chính quyền sở tại ra làm sao khi lái xe cán chết người, hay có hành động “ mất dạy” với đàn bà con gái ngay trong thành phố. Nhất là những thành phố có đồng minh đóng như Qui Nhơn là một ví dụ.Thân phận thấp hèn, bé nhỏ của con người trong chiến tranh thật khốn khổ...Đọc Bụi Đá ngoài cái khốn khổ của cha con lão Tuất ra, khi đọc tới đoạn văn nơi trang 61, tôi nhớ đến hình ảnh “ mất dạy” của những tên lính viễn chinh này. Thật lòng mà nói. Chán ngán:

"...Thằng Xương đã sống và lớn lên bên lão như chiếc bóng. Nhiều lúc hắn chợt nhớ tới người mẹ và không khỏi mủi lòng. Mẹ hắn chết cũng âm thầm như chuỗi ngày đã sống. Thỉnh thoảng Xương cảm thấy căm thù, nhưng đối tượng của sự căm thù đó mờ nhạt quá. Hắn chỉ khốn khổ, và những giọt nước mắt lúc nào cũng khó nhọc lăn dài trên khóe mắt. Giá hôm đó mẹ đừng vội vã đuổi theo chiếc nón thì có lẽ tai nạn không xảy ra rồi. Làm nghề đập đá ở chân núi nầy, gia đình hắn đã chứng kiến biết bao tai nạn thương tâm do quân xa Mỹ gây ra. những cái chết tức tưởi, óc văng trắng đường nhựa, những khuôn mặt bị vỡ vụn méo mó. Có bao giờ mẹ đủ can đảm cho hắn kể hết đâu. Thế mà rồi mẹ hắn cũng vẫn phải chết trong hoàn cảnh tương tự..." (trang 61)

Chắc chắn những cái chết "thương tâm" đó chẳng bao giờ có bồi thường. Như con mèo, con chó chết giữa đường mà thôi. Chẳng biết kêu ai. Ngoài ra, những thanh niên như Xương chẳng hạng, muốn thoát ra khỏi nỗi khốn khổ ấy thì phải làm sao? Chỉ còn có con đường duy nhất là vào lính. Con đường chọn lựa có lẽ dễ dàng nhất. Ta đọc:

"...Thằng Xương đã nói ra được cái quyết định của hắn. Cái quyết định khó khăn đã làm hắn lúng túng từ lâu, bây giờ đã nói rõ cho bố nghe rồi, hắn thấy không còn khó khăn nào nữa cả, nên trả lời bố quyết liệt:

-Đi lính dễ lắm bố à. Đâu có cần tuổi tác gì. Mình đi xin mà. Tôi sẽ ra cái bàn tuyển mộ tân binh đặt ở góc chợ đó, nhờ anh lính ghi tên là được ngay.

Lão Tuất bỏ chỗ đứng quay đi. Những bước chân trần khập khễnh trên đám đá vụn. Lão thầm nghĩ, ờ làm gì, chứ đi lính thời buổi này dễ lắm.."(trang 67)

Có lẽ đây là mẫu số chung của những gia đình khốn khổ mà hình ảnh Xương là một điển hình.

Còn viết về lính, Lữ Quỳnh, ngoài người lính bình thường ra, anh còn là một người chuyên môn trong ngành quân y. Ta đọc truyện " *Bão Đêm"* mới thấy rõ và thương tâm của người lính bị thương đưa về quân y viện. Một đêm, hay nhiều đêm anh trực nơi quân y viện ấy, mà hằng đêm anh đã đi đi lại lại trong căn phòng bịnh nhân. Căn phòng im ắng dưới ngọn đèn vàng hiu hắt để anh nhìn và có nhiều suy nghĩ về bản thân người "đồng đội" của anh đang nằm rên rỉ.

"...Cụt một cánh tay, bị cưa mất đôi chân hay tê liệt cả thân người, anh thương binh nào cũng sống lặng lẽ trong những ngày đầu với đêm đêm ướt sũng nước mắt, với nỗi tuyệt vọng lịm hồn, chỉ vì bấy giờ họ còn gần gũi với ngày hôm qua quá. Ngày qua và hôm nay thật vô cùng cách biệt với cuộc đời họ. Hôm qua với tháng ngày xanh mướt quá khứ, hôm qua với nguyên vẹn thân thể ngày chào đời. Nhưng từ bây giờ trở đi cho đến suốt cả tương lai, họ sẽ sống với tấm thân dị hợm mà chiến tranh tạo nên với không một tình cờ thích thú, không một hy vọng đổi thay.(trang 29)

Đúng vậy, hôm qua với những ngày xanh mướt, thân thể còn nguyên vẹn...thì hôm nay...khoảng cách rất ngắn đủ để cho người thương binh còn chút hy vọng về y khoa. Đọc đoạn văn này tôi nhớ đến Kỳ, người bạn tôi, chỉ bị một mảnh nhỏ của trái lựu đạn ghim vào đốt xương sống cuối cùng và khi tỉnh dậy Kỳ cũng nghĩ đến quá khứ xanh mướt của người thanh niên. mảnh đạn nhỏ chẳng có gì là quan trong...nhưng:

"...Hôm hắn được chở từ mặt trận về với mảnh đạn xuyên vào đốt xương sống phía sau gấy, anh đã không có chút lạc quan nào về vết thương hiểm hóc ấy cả. mảnh đạn thật

nhỏ, nhưng tác dụng thật lớn trên một đời người..." (trang 31)

" Nhưng tác dụng rất lớn trên một đời người"... không phải chỉ riêng cho người bạn tôi mà còn nhiều người lính khác nữa. Với " Bão Đêm" của Lữ Quỳnh: hôm qua với tháng ngày xanh mướt quá khứ...và người bạn của tôi- Kỳ- hôm nay vẫn phải ngồi xe lăn (dfù cuộc chiếb đã qua), và chiều chiều người vợ vẫn âm thầm đẩy xe cho Kỳ đi dọc con đường bờ sông)(dù hai người đã già) để anh nghĩ về quá khứ xanh mướt, mà Lữ Quỳnh đã viết trong Bão Đêm.

Cảm ơn Lữ Quỳnh đã viết " Bão Đêm" để tôi đọc và nghĩ về người bạn cũ.

Có cái thật mà ít người lính viết văn nào dám viết lên sự thật (trước 1975). Tất cả đều bị bao chung quanh một lớp sơn khi viết về những "ông quan lớn" của mình. Cái gì tốt thì khoe. Cái gì " bê bối" thì đừng nên viết ra. Nhưng, với những người viết trẻ cầm súng trước 1975, chắc chắn không thể nào không viết lên. Khi mà, tuổi trẻ của chúng tôi đã dành sự sống trong sự chết chỉ trong một sát na ngoài chiến trường. Trong khi đó, ngược lại, vẫn có:

"...Tuổi già là gì? tuổi già là nước đái vàng như rượu whisky mỗi tối. Là những thằng bụng phệ năm mươi tuổi sống đời bẩn thỉu như trâu bò, ham chơi cờ bạc suốt đêm, đến sáng về gọi xe tăng hộ tống. Là những tên khôn vặt từng làm chó săn cho thực dân, đế quốc. Là biết nói tiếng lóng: yêu nước, yêu dân, công bằng, dân chủ...Tiếng lóng yêu nước có nghĩa là chấm chấm. Không chấm chấm thì ta bỏ mạng từ lâu rồi..." (trang 102)

Câu văn trên có "bịa" không? Không. Hoàn toàn không . Thật tế phải nói là đúng hoàn toàn. Chúng tôi đã phải

làm những " nhiệm vụ vô bổ – an ninh trục lộ- mở đường" ấy, để cho những ông bụng phệ mỗi lần đi du hí trở về hậu cứ an toàn.

12 truyện ngắn. 12 thân phận con người trong chiến tranh. Bạn bè. Đồng đội. Con người sống trong cảnh " tranh tối tranh sáng" giữa một cuộc chiến không rõ ràng. Sự bắt bớ có thể xảy ra; mà " Cát Vàng" là truyện ngắn mà Lữ Quỳnh chọn làm tựa cho tập truyện.

Chiến-nhân vật trong truyện- một người bạn thân với tôi (cũng nhân vật trong truyện), từ một làng quê nghèo cát bỏng. Một quê nghèo đến nỗi:

"...Tôi biết Chiến đã nghĩ gì, khi ánh mắt đăm chiêu nhìn những đứa bé hàng xóm trần truồng ngồi chơi với cái bụng ỏng căng tròn như chiếc trống. Màu vàng trên da lũ trẻ còn thê thảm hơn thân phận của màu da quê hương..." (trang 107)

hay:

" ...Quê hương tôi đói khổ, lũ trẻ con cần được hướng dẫn. Những người mẹ của chúng không thể suốt đời đi chợ mỗi ngày bằng năm đồng bạc. Năm đồng bạc đủ mua mấy con cá vụn nấu với một trách bỏng nước cho cả gia đình cùng húp..."(trang 107). Cũng từ nỗi khổ ấy, Chiến đã suy nghĩ cần làm một cái gì đó để hy vọng biến đổi cuộc sống. Tác giả không nói rõ ý nghĩ của Chiến đã và đang làm gì. Chỉ nói Chiến bị bắt trên đường và đưa vào nhà lao...Rồi:

"...Tiếng pháo nổ dòn hơn mọi năm. Niềm vui cũng bừng sáng trong lòng mọi người. Tiếng pháo nổ dòn quá, làm người ta nghĩ sự tốt đẹp, thanh bình phải đến trong năm mới. Nhưng pháo đã không nổ giòn như họ tưởng. Sự bình yên vốn có ở thành thị làm người ta không thể phân biệt được tiếng súng bấy giờ. Pháo nổ tràn ngập. Và súng nổ

tràn ngập..."(trang109).
Đọc đoạn văn trên, chắc chắn độc giả hiểu được bối cảnh xảy ra từ năm nào. Và cũng từ trong cảnh " tranh tối tranh sáng" ấy, Chiến thoát ra từ nhà lao ...và bị viên đạn bắn tới. Chiến chết thật thản nhiên trước mặt một trường tiểu học. Và, *thành phố bây giờ nhiều xác chết quá...*
Đọc Cát Vàng, rõ ràng thân phận con người thật "nhỏ bé" trước hai lần đạn. Và càng " thấm thía về hai chữ hòa bình" hơn khi mà cuộc chiến kéo dài từ chiến tranh Pháp Việt tới cuộc chiến ý thức hệ sau này: "- *Mày đúng là thằng con nít. Không hòa bình thì tao điên gì mang xác về đây. Chính vì hòa bình rồi, mình mới sướng chứ. tao tưởng hai tiếng hòa bình chỉ dành riêng cho cái hạng người như ông háu mình thôi. Bởi chến tranh hay hòa bình gì, thì bọn thành phố cũng vậy..."* (trang 85)
Hòa bình. Đó là nổi mong chờ của người dân.

Nhìn chung, khi đọc Cát Vàng của Lữ Quỳnh, bối cảnh mà anh viết nhiều trong hầu hết các tuyện, có lẽ là nơi anh đóng quân mà một thời tôi tham dự (Bình Định)
Vùng đất ấy người chết (dân) hay (lính) xảy ra như "ăn cơm bửa". Những tình tiết trong từng cốt truyện là những tình tiết có thật, không thể nào "tưởng tượng" từ một nơi "an toàn- có máy lạnh- có cà phê- có whisky- có xì gà" để mà viết được. Tuổi trẻ của chúng tôi đã một thời bị " đẩy ra chiến trường" để giữ phần đất không phân biệt rõ đâu là "của ta- của địch". Để cho "hậu phương" đèn xanh đèn đỏ, để cho hậu phương "ăn chơi, đĩ điếm", để cho những ông quan bụng phệ phè phởn, để cho một số ít người buôn "đô la" làm giàu trên xương máu của "thân phận" người lính ngoài tiến tuyến. Lạ! mà những người này họ mới có quyền nói: yêu nước, yêu dân, công bằng,

dân chủ...(trang 102). Còn chúng tôi thì sống chết ngoài chiến trường như chơi trò "bốc thăm" trong truyện: *Trò Chơi.*

Tóm lại, 12 truyện ngắn trong tập Cát Vàng là 12 dữ kiện thật. Và, ước vọng của chúng tôi- hay của người dân trong vùng xôi đậu- cũng là ước vọng thật. Cho dù, hôm nay, ngồi đọc lại 12 truyện ngắn của Lữ Quỳnh, phải nói, chúng tôi không nghĩ gì cả trong thời mà "cường độ" chiến tranh càng lúc càng khốc liệt. Không cần biết "nguyên ủy"của cuộc chiến "xanh đỏ" ra sao, chỉ thấy thương cho "thân phận" con người. Trong đó có chúng tôi.
Một tập truyện ngắn hay. Cần tìm đọc.

Amarillo, đêm 22/9/2006

Nhóm chủ trương:
Phạm Văn Nhàn, Trần Hoài Thư, Trần Bang Thạch (Mỹ), Cao Vị Khanh (Canada), Ng~ (VN)

Xin gởi bài về:
Phạm văn Nhàn và Trần Hoài Thư
phamvannhan1942@yahoo.com
tranhoaithu@verizon.net

Địa chỉ:
TQBT
B.O.Box 58
South Boundbrook, NJ 08880